



**AN PHAT**  
PLASTIC



K I Ế N T Ạ O  
**T Ư Ờ N G L A I**  
**X A N H**

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN **2018**

## MỤC LỤC

1.	Lời mở đầu .....	4
1.1.	Thông điệp của Chủ tịch HĐQT .....	4
1.2.	Tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị.....	5
1.3.	Hành trình 2018.....	6
2.	Giới thiệu công ty.....	9
2.1.	Thông tin khái quát .....	9
2.2.	Các thông tin tài chính cơ bản.....	10
2.3.	Lịch sử hình thành.....	11
2.4.	Lĩnh vực kinh doanh .....	13
2.5.	Địa bàn kinh doanh .....	13
2.6.	Các công ty con và công ty liên kết .....	13
2.7.	Sơ đồ cơ cấu tổ chức .....	15
2.8.	Giới thiệu HĐQT .....	16
2.9.	Giới thiệu BDH công ty.....	17
2.10.	Giới thiệu BKS.....	18
2.11.	Thay đổi nhân sự HDDQT, BDH công ty trong năm.....	19
2.12.	Chiến lược phát triển .....	19
3.	Tình hình hoạt động trong năm .....	22
3.1.	Tổng quan kinh tế vĩ mô 2018 .....	22
3.2.	Thông tin thị trường ngành .....	28
3.3.	Báo cáo của HĐQT .....	29
3.3.	Báo cáo đánh giá của BDH .....	36
4.	Quản trị công ty .....	47
4.1.	Thông tin cổ phiếu và hoạt động IR.....	47
4.2.	Hoạt động của ĐHĐCĐ.....	51
4.3.	Hoạt động của HĐQT.....	54
4.4.	Báo cáo của BKS.....	59
4.5.	Giao dịch & thù lao .....	65
4.6.	Quản trị rủi ro .....	69
4.7.	Đánh giá tình hình thực hiện Quản trị công ty dựa trên Thẻ điểm Quản trị công ty .....	74
5.	Báo cáo phát triển bền vững.....	77
5.1.	Thông điệp Tổng Giám đốc .....	77
5.2.	Thông tin chung về báo cáo .....	78
5.3.	Định hướng phát triển bền vững.....	79
5.4.	Mô hình phát triển bền vững.....	81
5.5.	Gắn kết với các bên liên quan.....	81
5.6.	Hiệu quả kinh tế.....	87
5.7.	Phát triển nguồn nhân lực .....	88

<b>5.8. Phát triển xã hội.....</b>	<b>92</b>
<b>5.9. Bảo vệ môi trường .....</b>	<b>93</b>
<b>6. Báo cáo tài chính.....</b>	<b>97</b>

## DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

APH: CTCP Tập đoàn An Phát Holdings

BCTC: Báo cáo tài chính

BĐH: Ban Điều hành

BKS: Ban Kiểm soát

BLĐ: Ban lãnh đạo

CBCNV: Cán bộ công nhân viên

CPI: Consumer Price Index – Chỉ số giá tiêu dùng

CTCP: Công ty Cổ phần

ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông

GDP: Gross Domestic Product – Tổng sản phẩm nội địa

GCC: Các nước trong Hội đồng Hợp tác Vùng Vịnh

HĐQT: Hội đồng Quản trị

KCN: Khu Công nghiệp

KPI: Key Performance Indicators – Chỉ số đo lường hiệu quả công việc

MCK: Mã chứng khoán

PTBV: Phát triển bền vững

TC-KT: Tài chính – Kế toán

TNHH: Trách nhiệm hữu hạn

TP: Thành phố

UBCKNN: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

## **1. Lời mở đầu**

### **1.1. Thông điệp của Chủ tịch HĐQT**

Kính gửi Quý Cổ đông và Nhà đầu tư!

Vượt qua chặng đường 16 năm hình thành và phát triển, hôm nay chúng tôi có thể tự hào nói về một An Phát – nhà sản xuất bao bì màng mỏng hàng đầu khu vực, đơn vị tiên phong trong ngành nhựa Việt Nam. Thành công của An Phát đến từ những giá trị cốt lõi, được hình thành, phát triển và khẳng định trong suốt chặng đường phát triển. Bộ gen người An Phát đã được mỗi cá nhân trong tập thể An Phát kế thừa và phát huy, đưa An Phát trở thành một tập thể đồng chí, đồng lòng, cùng nhau tiến bước.

16 năm xây dựng và phát triển là 16 năm đầy những gian nan nhưng cũng đầy vinh quang và cảm xúc! Từ những đồng vốn khởi nghiệp ít ỏi, vài ba chiếc máy và gần chục con người lúc ban đầu, con người An Phát đã ngày đêm cần mẫn, miệt mài, chăm chỉ làm việc với một niềm cảm hứng vô biên để cùng nhau tạo ra một An Phát năng động, tươi trẻ, vững chãi và uy tín trên thương trường khắc nghiệt, đưa An Phát trở thành người tiên phong về các sản phẩm nhựa thân thiện với môi trường, góp phần kiến tạo tương lai xanh cho nhân loại.

#### **Thưa Quý cổ đông,**

Trong năm 2018, kinh tế chính trị toàn cầu có nhiều biến động với xu hướng bảo hộ thương mại gia tăng, chiến tranh thương mại Mỹ - Trung tiếp diễn, giá dầu đảo chiều liên tục với thời gian dao động ngắn gây ra nhiều khó khăn cho các công ty ngành nhựa. Trong bối cảnh đó, HĐQT, BĐH và CBCNV AAA đều rất nỗ lực để đạt được mục tiêu Đại hội đồng cổ đông đã đề ra, cụ thể là:

- Doanh thu hợp nhất 2018 đạt 8019 tỷ đồng, vượt 97% so với kế hoạch, tăng trưởng 40% so với 2017.
- Lợi nhuận sau thuế đạt 212 tỷ, tương đương 66,6% so với kế hoạch, giảm 19% so với 2017

Năm 2019 dự kiến sẽ đặt ra nhiều cơ hội cũng như thách thức cho AAA, khi diễn biến giá dầu khó dự đoán, đòi hỏi Công ty phải mở rộng hệ thống các nhà cung cấp chiến lược để tìm kiếm nguồn cung nguyên vật liệu giá rẻ, chất lượng cao đồng thời tiếp tục áp dụng chính sách bán hàng linh hoạt đảm bảo tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận cao nhất. Tuy nhiên, căng thẳng thương mại thế giới, cụ thể là các vấn đề trong mối quan hệ Mỹ - Trung tạo ra nhiều cơ hội cho AAA đẩy mạnh xuất khẩu sang thị trường Mỹ đồng thời sự chuyển dịch của các doanh nghiệp FDI từ Trung Quốc sang Việt Nam cũng tạo cơ hội tiềm năng cho An Phát khai thác Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát – An Phát Complex.

Năm 2019 được kỳ vọng là năm đem lại những đột phá trong kết quả kinh doanh của AAA với doanh thu hợp nhất đạt 10.000 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 510 tỷ đồng. Mức tăng trưởng lợi nhuận này đảm bảo thu nhập trên cổ phiếu (EPS) đạt mức 2.550 đồng và dự kiến cổ tức 10-15% chi trả cho cổ đông trong năm 2019.

Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành AAA tin tưởng rằng dựa trên những nền tảng tích cực mà doanh nghiệp đã xây dựng cùng với chiến lược kinh doanh phù hợp, năng lực, ý chí và tinh thần trách nhiệm của đội ngũ lãnh đạo và cán bộ công nhân viên, AAA sẽ tiếp tục nâng cao vị thế trong ngành nhựa, tạo ra giá trị cao hơn cho cổ đông và kiến tạo tương lai xanh cho cộng đồng trong năm 2019 và những năm tiếp sau nữa.

Trân trọng!

**Chủ tịch HĐQT**

(đã ký)

**PHẠM ÁNH DƯƠNG**

## **1.2. Tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị**

- **Tầm nhìn:** Trở thành doanh nghiệp nhựa kỹ thuật cao và thân thiện với môi trường hàng đầu Đông Nam Á
- **Sứ mệnh:** Thúc đẩy và hỗ trợ các doanh nghiệp Việt Nam cùng phát triển, nâng tầm vị thế thương hiệu nhựa kỹ thuật cao và thân thiện với môi trường Việt Nam.
- **Định vị thương hiệu:** Doanh nghiệp tiên phong tạo lập chuỗi giá trị công nghiệp nhựa kỹ thuật cao và thân thiện với môi trường, xây dựng và phát triển hệ sinh thái doanh nghiệp bền vững
- **Giá trị cốt lõi:**

○ **SÁNG TẠO – ĐỔI MỚI:** Tại An Phát, sức sáng tạo là một trong những giá trị tiên quyết thúc đẩy sự phát triển của doanh nghiệp. Thành công của doanh nghiệp đến từ sức sáng tạo không ngừng, từ sự quyết tâm dám đổi mới, tạo ra những giá trị mới.

○ **ĐOÀN KẾT – KỶ LUẬT:** Tập thể An Phát đoàn kết làm nên sức mạnh, đồng lòng để thực hiện những nhiệm vụ lớn lao, chung sức để vươn tới những điều không thể. Tinh thần đoàn kết, kỷ luật trong công việc chính là sức mạnh nội lực của An Phát để tạo ra sản phẩm và dịch vụ tốt nhất, đưa doanh nghiệp phát triển và lớn mạnh từng ngày.

○ **CHIA SẺ - NHÂN VĂN:** An Phát trân trọng mọi giá trị, tài năng và cố gắng của từng cán bộ nhân viên. Triết lý quản trị nhân sự của Công ty xuất phát từ tình cảm thân tình trong mối quan hệ giữa nhân viên, nhân viên cùng lãnh đạo, doanh nghiệp với đối tác. Tập thể An Phát là một gia



đình lớn, nơi mỗi cá nhân đều được lắng nghe, yêu thương và tạo mọi điều kiện để trở nên tốt đẹp hơn.

○ HIỆU QUẢ - BỀN VỮNG: Thành công của An Phát không chỉ được thể hiện bằng kết quả kinh doanh mà còn là những giá trị bền vững đóng góp cho cộng đồng và xã hội. Không ngừng áp dụng những cải tiến mới để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, sử dụng nguồn lực hiệu quả, gia tăng giá trị cho cổ đông và các bên hữu quan là những bước đi trên lộ trình trở thành doanh nghiệp phát triển bền vững của An Phát, là tôn chỉ của An Phát trong hành trình lớn mạnh và phát triển của mình.

### 1.3. Hành trình 2018

#### AAA vinh dự đón nhận Huân chương Tháng 1/2018

#### Lao động hạng Ba và bằng khen của Chính phủ



AAA long trọng tổ chức lễ kỷ niệm 15 năm thành lập, đón nhận Huân chương Lao động hạng Ba và bằng khen do Chính phủ trao tặng. Đây là cột mốc quan trọng mở ra giai đoạn mới trong lịch sử của doanh nghiệp khi AAA vươn lên trở thành nhà sản xuất bao bì màng mỏng hàng đầu khu vực Đông Nam Á với gần 100% sản lượng bao bì được xuất khẩu tới gần 100 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới.

#### AAA vinh dự được vinh danh trong Tháng 4/2018

#### VNR500, FAST500 và Top 50 Vietnam Best Growth



AAA vinh dự nhận giải thưởng FAST500 – Top 500 Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam năm và Top 50 Doanh nghiệp tăng trưởng xuất sắc nhất Việt Nam 2018.

Đồng thời AAA tiếp tục lọt vào Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam và đã cải thiện đáng kể vị trí xếp hạng, từ 431 năm 2017 lên 278 năm 2018 (tăng 131 bậc). Điều này lại một lần nữa khẳng định những bước tiến dài của AAA trong thời gian vừa qua.

**AAA huy động thành công 1.170 tỷ đồng từ chào bán cổ phiếu ra công chúng**



**Tháng 5/2018**

AAA thực hiện thành công đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng với tỷ lệ 1:1, chào bán 83,6 triệu cp, nâng vốn điều lệ từ 836 tỉ VNĐ lên 1.672 tỉ VNĐ, huy động được hơn 1.170 tỉ đồng để đầu tư vào Công ty TNHH Khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát, và xây dựng Nhà máy số 8. Các dự án trọng điểm được triển khai trong năm 2018 sẽ là bộ phận cho tăng trưởng trong những năm tiếp, tiếp tục gia tăng giá trị cho cổ đông.

**AAA và HII được công nhận Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín bởi Bộ Công Thương**



**Tháng 7/2018**

AAA được vinh danh là doanh nghiệp xuất khẩu lớn nhất ngành chất dẻo theo danh sách công bố bởi Bộ Công thương, khẳng định được vai trò và vị thế trong ngành nhựa quốc gia với vị trí số 1 và 9 về kim ngạch xuất khẩu.

**AAA vinh dự nhận giải Top 3 doanh nghiệp niêm yết có hoạt động IR tốt nhất do nhà đầu tư bình chọn**



**Tháng 8/2018**

Năm 2018 AAA vinh dự nằm trong Top 3 “Doanh nghiệp niêm yết có hoạt động Quan hệ Nhà đầu tư (IR) tốt nhất năm 2018”. Với các tiêu chí sàng lọc và bình chọn khắt khe hơn, năm 2018, toàn thị trường chứng khoán chỉ có 266 trên tổng số 686 doanh nghiệp niêm yết hoàn thành xuất sắc nghĩa vụ công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Kết hợp với các tiêu chí về thanh khoản, danh sách bình chọn doanh nghiệp niêm yết có hoạt động IR tốt nhất năm nay bao gồm 45 đơn vị, tương ứng với tỷ lệ 6,1% đang niêm yết trên hai Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Hồ Chí Minh.



**AAA nâng tỷ lệ sở hữu tại HII từ 34,47% lên 51% vốn điều lệ.**



**Tháng 8/2018**

AAA đã hoàn tất mua thêm 4,6 triệu cổ phiếu HII, nâng lượng sở hữu từ 9,6 triệu (tỷ lệ 34,47%) lên 14,2 triệu tương ứng 50,99% tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành của HII. Trước giao dịch này, mặc dù tỷ lệ sở hữu dưới 50% nhưng HII vẫn được ghi nhận là công ty con của AAA do có 3/5 Thành viên HĐQT của HII là Thành viên BDH của AAA và là đại diện quản lý vốn của công ty tại HII nên AAA đã nắm quyền kiểm soát tại HII.

**AAA thay đổi bộ nhận diện thương hiệu, đồng nhất với bộ nhận diện của tập đoàn**



**Tháng 9/2018**

Để thống nhất trong việc nhận diện thương hiệu Tập đoàn An Phát Holdings, AAA đã ra mắt logo và bộ nhận diện thương hiệu mới. Với màu sắc chủ đạo là màu xanh dương và màu xanh lá cây, logo biểu trưng cho tầm nhìn công nghiệp hóa gắn với phát triển bền vững mà An Phát muốn hiện thực hóa trong giai đoạn phát triển mới. Logo cũng truyền tải khát vọng tiến lên phía trước, không ngừng nỗ lực của con người An Phát., trở thành người tiên phong trong ngành nhựa Việt Nam, nâng tầm hình ảnh Việt Nam trên trường quốc tế.

**AAA ra mắt thương hiệu nhựa thân thiện môi trường AnEco tại thị trường nội địa**



**Tháng 11/2018**

Hiện thực hóa chiến lược kinh doanh chuyển dịch cơ cấu sản phẩm sang các sản phẩm công nghệ cao và thân thiện với môi trường, An Phát đã đặt những bước chân đầu tiên tại thị trường nội địa với việc ra mắt thành công sản phẩm bao bì vi sinh phân hủy hoàn toàn dưới thương hiệu AnEco. An Phát hiện là đơn vị Việt Nam đầu tiên được cấp chứng chỉ TUV Vincotte OK Home Compost cho các sản phẩm túi vi sinh phân hủy hoàn toàn theo tiêu chuẩn châu Âu EN13432 và là đơn vị Việt Nam duy nhất được công nhận là thành viên chính thức của Hiệp hội nhựa sinh học châu Âu.

## 2. Giới thiệu công ty

### 2.1. Thông tin khái quát

Tên Công ty	<b>CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT</b>
Tên tiếng Anh	An Phat Plastic and Green Environment Joint Stock Company
Tên viết tắt	An Phat., JSC
Giấy CNĐKKD	0800373586 do Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 09/03/2007 thay đổi lần thứ 27 ngày 24/09/2018
Vốn Điều lệ	1.711.999.760.000 đồng
Trụ sở chính	Lô CN 11+ CN 12, Cụm CN An Đồng, TT.Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương
Điện thoại	02203.755.998
Fax	02203.755.113
Website	<a href="http://www.anphatplastic.com">www.anphatplastic.com</a>
Mã cổ phiếu	AAA

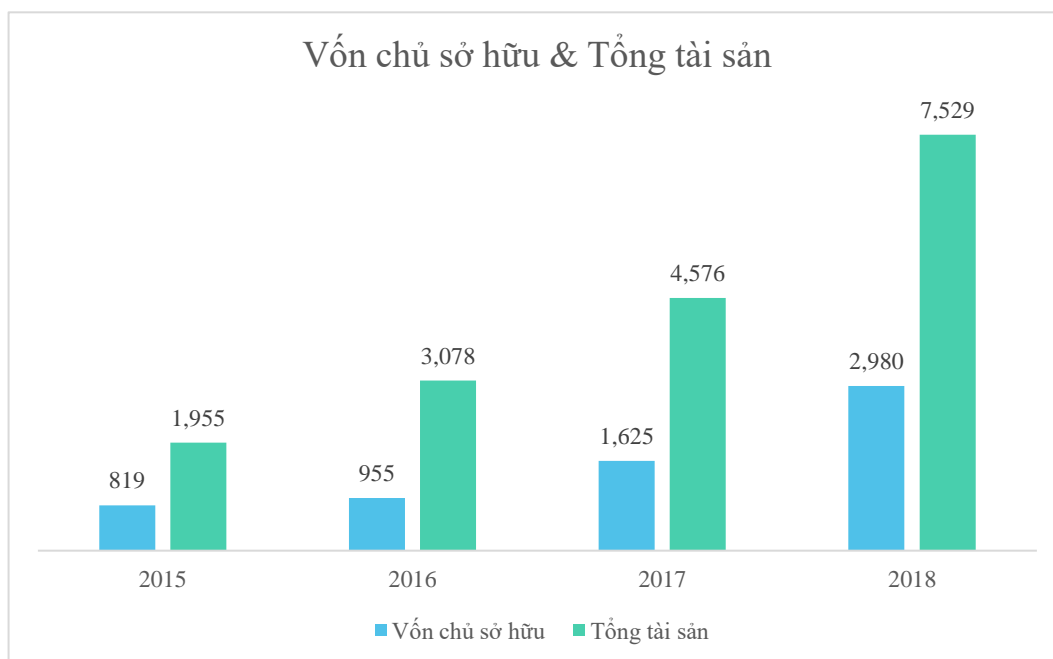
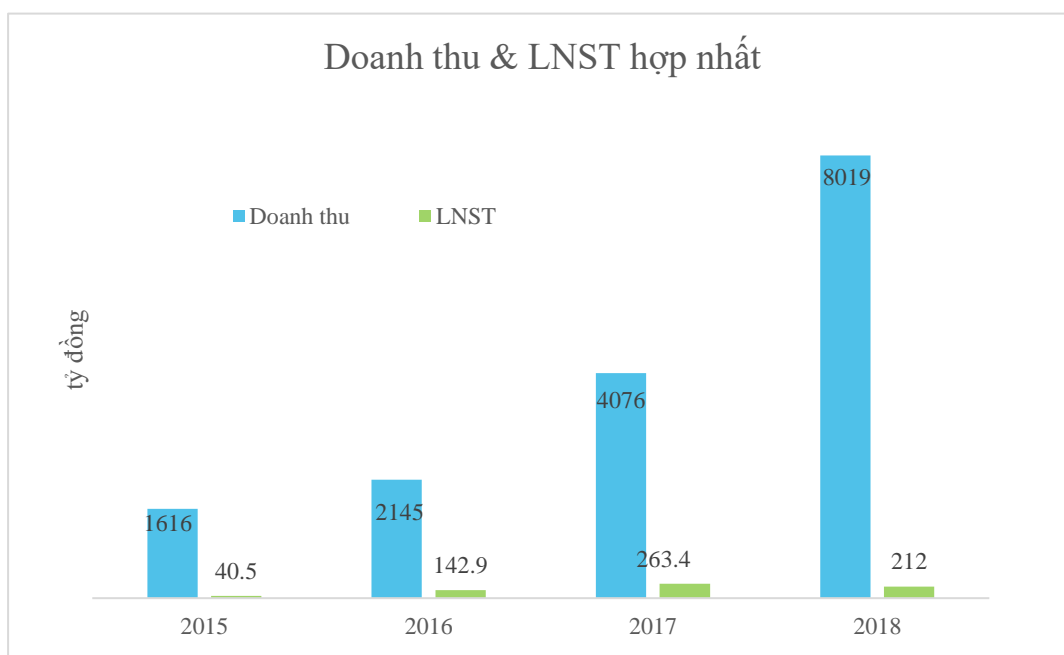


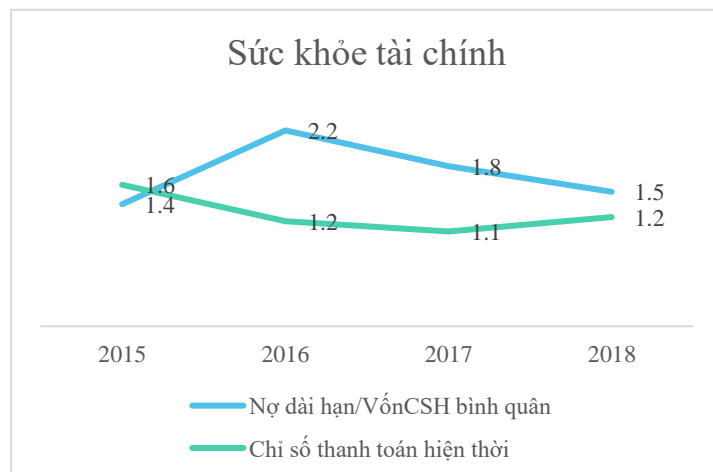
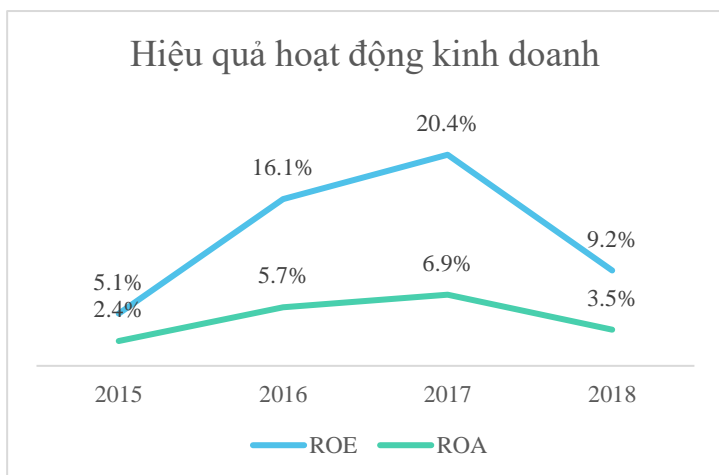
## 2.2. Các thông tin tài chính cơ bản

### 2.2.1. Các số liệu 2018:

- Vốn hóa thị trường: 2527 tỷ đồng (tại ngày 28/12/2018)
- Tổng tài sản: 7529 tỷ đồng
- Doanh thu thuần 8019 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế 254 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế 212 tỷ đồng

### 2.2.2. Các thông tin và chỉ số tài chính cơ bản giai đoạn 2015 – 2018





### 2.3. Lịch sử hình thành

Thời gian	Dấu mốc phát triển
<b>2002</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Công ty TNHH Anh Hai Duy, tiền thân của CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát, được thành lập ban đầu 02 thành viên, vốn điều lệ là 500 triệu đồng, bước đầu gia nhập ngành nhựa bao bì</li> </ul>
<b>2005</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Nhà máy sản xuất bao bì màng mỏng đầu tiên được đầu tư xây dựng năm 2004 chính thức đi vào hoạt động tại KCN Nam Sách, Hải Dương với công suất thiết kế 13.200 tấn/năm.</li> <li>▪ Nhà máy sản xuất bao bì số 2 được khởi công tại Cụm Công nghiệp An Đồng với công suất thiết kế ban đầu đạt 9.600 tấn/năm</li> </ul>
<b>2007</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ CTCP Nhựa và Bao bì An Phát được thành lập ban đầu với vốn điều lệ 30 tỷ đồng và tăng lên 66 tỷ đồng vào tháng 12/2007, trụ sở của công ty đặt tại KCN An Đồng, Nam Sách, Hải Dương</li> </ul>
<b>2009</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ CTCP Nhựa và Bao bì An Phát chính thức đổi tên thành CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát như hiện nay</li> <li>▪ Nhà máy bao bì số 3 vận hành ổn định, nâng tổng năng lực sản xuất của An Phát đạt 36.000 tấn/năm</li> <li>▪ CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát đầu tư vào công ty con – CTCP Nhựa và Khoáng sản An Phát Yên Bái, nay là CTCP An Tiến Industries với hoạt động kinh doanh chính là khai thác khoáng sản, sản xuất và kinh doanh nguyên vật liệu ngành nhựa</li> </ul>
<b>2010</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát tăng vốn điều lệ lên 99 tỷ đồng và chính thức niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán là AAA.</li> </ul>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nhà máy sản xuất bột đá của công ty con - CTCP An Tiến Industries chính thức đi vào hoạt động, sản lượng trung bình đạt 450 tấn sản phẩm/tháng, bước đầu giúp AAA tự chủ trong nguồn nguyên vật liệu đầu vào cho sản xuất.</li> </ul>
<b>2013</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Quy mô sản xuất kinh doanh tăng trưởng vượt bậc với việc đưa vào vận hành Nhà máy số 5 dành riêng cho thị trường Nhật Bản, nâng tổng năng lực sản xuất lên 57.000 tấn/năm</li> <li>Thị trường xuất khẩu tăng trưởng mạnh mẽ, An Phát đã trở thành tên tuổi uy tín với khách hàng quốc tế</li> </ul>
<b>2016</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Cổ phiếu AAA chuyển niêm yết từ Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) sang Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM (HOSE)</li> <li>Vốn Điều lệ được tăng lên 570 tỷ đồng</li> </ul>
<b>2017</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>AAA đưa 02 nhà máy đi vào hoạt động: Nhà máy số 6 cho thị trường Nhật Bản và Nhà máy số 7 cho thị trường Mỹ, nâng tổng công suất lên 96.000 tấn/năm</li> <li>Vốn điều lệ Công ty tăng lên 836 tỷ đồng</li> <li>Công ty con – CTCP Nhựa và Khoáng sản An Phát Yên Bái (nay là CTCP An Tiến Industries) được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE) với mã HII</li> <li>AAA lọt Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (VNR500), Top 500 Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất (FAST 500) và Top 50 Doanh nghiệp tăng trưởng xuất sắc Việt Nam(50 Vietnam Best Growth)</li> </ul>
<b>2018</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>AAA tăng vốn điều lệ lên 1.712 tỷ đồng thông qua chào bán cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 1:1 và phát hành cổ phiếu ESOP cho CBCNV</li> <li>AAA đầu tư vào công ty con – Công ty TNHH Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, sở hữu 100% vốn điều lệ</li> <li>Công ty con – CTCP Nhựa và Khoáng sản An Phát Yên Bái chính thức đổi tên thành CTCP An Tiến Industries, nâng vốn điều lệ lên 278.5 tỷ VNĐ</li> </ul>



## 2.4.Lĩnh vực kinh doanh

- Sản xuất bao bì màng mỏng: Với hệ thống gồm 7 nhà máy sản xuất, An Phát có năng lực cung cấp ra thị trường 96,000 tấn bao bì màng mỏng mỗi năm, bao gồm các loại bao bì truyền thống từ PE và các loại bao bì vi sinh phân hủy hoàn toàn.
- Sản xuất và phân phối nguyên vật liệu ngành nhựa: sản xuất và phân phối bột đá CaCo3 và hạt phụ gia PE,PP dưới thương hiệu Calbest; phân phối các loại hạt nhựa, hóa chất...và các sản phẩm ngành nhựa
- Cung cấp các dịch vụ logistics: cung cấp các giải pháp logistics tổng thể như giao nhận quốc tế, vận tải nội địa, dịch vụ hải quan, logistics và cho thuê kho bãi
- Kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp: Phát triển và kinh doanh hạ tầng và các dịch vụ hạ tầng khu công nghiệp

## 2.5.Địa bàn kinh doanh

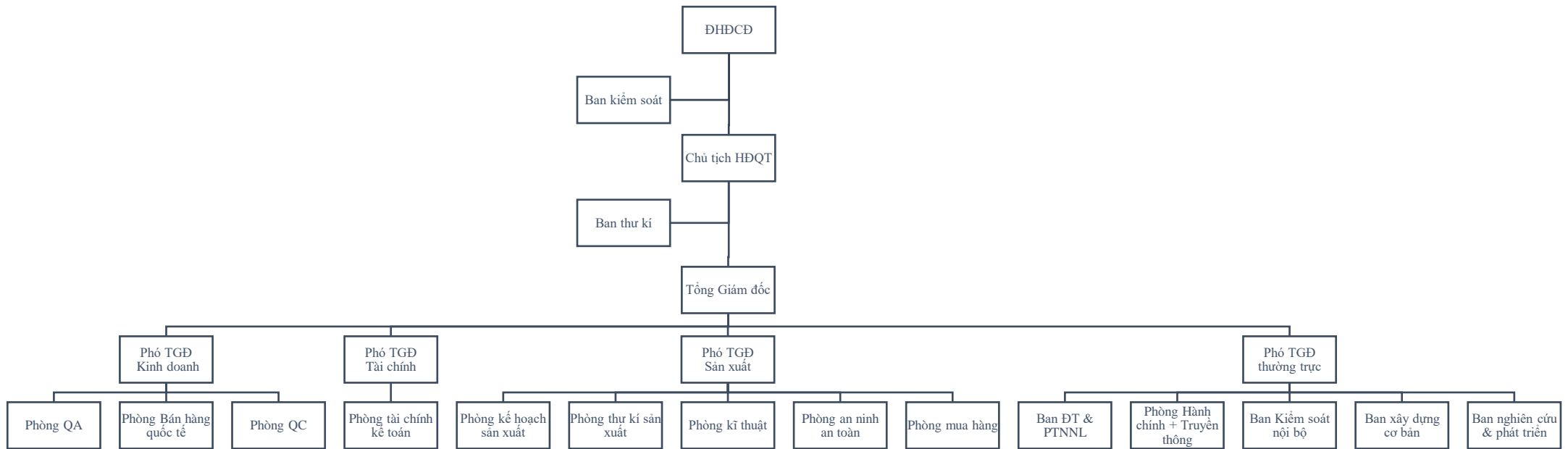
- Tại Việt Nam: nhà máy ở Hải Dương, Yên Bái
- Văn phòng đại diện: Hà Nội, Hồ Chí Minh, Singapore
- Thị trường khách hàng: 100 quốc gia, vùng lãnh thổ

## 2.6.Các công ty con và công ty liên kết

STT	Tên đơn vị	Mối liên hệ	Vốn điều lệ	Tỷ lệ góp vốn của AAA	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Kết quả kinh doanh 2018
1	Công ty Cổ phần An Tiến Industries (HII)	Công ty con	278.500.000.000 VND	50,99%	Khu CN phía Nam, xã Văn Tiến, TP Yên Bái, tỉnh Yên Bái	Khai thác đá, dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác, sản xuất hạt nhựa và nguyên vật liệu ngành nhựa	Doanh thu và LNST hợp nhất đạt lần lượt 4.878 tỷ đồng và 45 tỷ đồng, tăng trưởng 266% và giảm 27% so

							với cùng kì 2017
2	Công ty Cổ phần khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát	Công ty con	910.000.000.000 VND	100%	Km47 Quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	Phát triển và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp và cung cấp các dịch vụ hạ tầng	Thành lập từ cuối năm 2017, doanh thu năm 2018 đạt 1.5 tỷ đồng, LNST đạt 2.1 tỷ đồng.

## 2.7. Sơ đồ cơ cấu tổ chức



## 2.8. Giới thiệu HĐQT

<p><b>Ông Phạm Ánh Dương</b>  <i>Thành viên sáng lập,          Chủ tịch HĐQT</i>  <i>Thạc sĩ Quản trị Kinh          doanh</i>  <i>Sinh năm 1976</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 1998 - 2000: Nhân viên kế toán Công ty TNHH Máy tính truyền thông CMC</li> <li>- 2000 - 2002: Kế toán trưởng Công ty TNHH Thương mại và Du lịch Hằng Thảo</li> <li>- 2002 - 2007: Giám đốc Công ty TNHH Anh Hai Duy</li> <li>- 2007 - 2009: Chủ tịch HĐQT-T CTCP Nhựa và Môi trường Xanh An Phát</li> <li>- 2009 - 2015: Chủ tịch HĐQT CTCP Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái</li> <li>- 2010 - 06/2011: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Nhựa và Môi trường Xanh An Phát</li> <li>- 07/2011 đến nay: Chủ tịch HĐQT CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát.</li> <li>- 03/2017 đến nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings</li> <li>- 09/2018 đến nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần An Tiến Industries</li> </ul>
<p><b>Ông Nguyễn Lê Trung</b>  <i>Thành viên sáng lập,          Ủy viên HĐQT,          Tổng Giám đốc Công ty</i>  <i>Thạc sĩ quản trị kinh          doanh</i>  <i>Sinh năm 1976</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 1998 - 2002: Nhân viên kế toán Công ty TNHH Máy tính truyền thông CMS</li> <li>- 2002 - 2009: Phó Giám đốc và Kế toán trưởng công ty TNHH Anh Hai Duy</li> <li>- 2007 - 2015: Ủy viên HĐQT của CTCP Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái</li> <li>- 07/2011 đến nay: Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát.</li> <li>- 03/2018 đến nay: Ủy viên HĐQT CTCP Tập đoàn An Phát Holdings</li> </ul>
<p><b>Ông Phạm Hoàng Việt</b>  <i>Thành viên sáng lập,          Ủy viên HĐQT</i>  <i>Thạc sĩ quản trị kinh          doanh</i>  <i>Sinh năm 1981</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 2003 - 2007: Trưởng phòng kinh doanh công ty TNHH Anh Hai Duy</li> <li>- 2009 - 2015: Ủy viên HĐQT CTCP Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái</li> <li>- 2014 - 2016: Ủy viên HĐQT CTCP Nhựa Bao bì Vinh</li> <li>- 2007 đến nay: Ủy viên HĐQT CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát.</li> <li>- 12/2012 - 03/2018: Phó Tổng Giám đốc thường trực CTCP Nhựa và Môi trường Xanh An Phát</li> <li>- 12/2018 đến nay: Chủ tịch Công ty TNHH KCN Kỹ thuật cao An Phát</li> <li>- 03/2018 đến nay: Ủy viên HĐQT CTCP Tập đoàn An Phát Holdings</li> </ul>

<p><b>Bà Hòa Thị Thu Hà</b>  <i>Ủy viên HĐQT,  Kế toán trưởng  Cử nhân Kinh tế  Sinh năm 1978</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 2000 - 2002: Nhân viên kế toán tại Công ty TNHH Khang Vinh</li> <li>- 2003 - 2005: Nhân viên kế toán Công ty TNHH Hưng Việt</li> <li>- 2005 - 03/2007: Nhân viên kế toán tại Công ty TNHH Anh Hai Duy</li> <li>- 03/2007 - 2009: Trưởng phòng kế toán CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát.</li> <li>- 2010 - 04/2018: Ủy viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát.</li> <li>- 04/2018 đến nay: Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc phụ trách tài chính CTCP Nhựa và Môi trường Xanh An Phát.</li> </ul>
<p><b>Ông Đinh Xuân Cường</b>  <i>Ủy viên HĐQT  Tiến sĩ tài chính  Sinh năm 1976</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 2003 - 2006: Trader Calyon Corporate &amp; Investment Bank, Paris, Pháp</li> <li>- 2007 - 2010: Phó Tổng Giám đốc INB Investment, Việt Nam</li> <li>- 03/2011 - 08/2011: Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Ocean</li> <li>- 07/2017 đến nay: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings.</li> <li>- 07/2017 đến nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì Vinh.</li> <li>- 02/2018 đến nay: Ủy viên HĐQT CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát</li> <li>- 09/2018 đến nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần An Tiến Industries</li> </ul>

## 2.9. Giới thiệu BDH công ty

<p><b>Ông Nguyễn Lê Trung</b>  <i>Thành viên sáng lập,  Ủy viên HĐQT,  Tổng Giám đốc Công ty  Thạc sĩ quản trị kinh  doanh  Sinh năm 1976</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 1998 - 2002: Nhân viên kế toán Công ty TNHH Máy tính truyền thông CMS</li> <li>- 2002 - 2009: Phó Giám đốc và Kế toán trưởng công ty TNHH Anh Hai Duy</li> <li>- 2007 - 2015: Ủy viên HĐQT của CTCP Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái</li> <li>- 07/2011 đến nay: Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát.</li> <li>- 03/2018 đến nay: Ủy viên HĐQT CTCP Tập đoàn An Phát Holdings</li> </ul>
<p><b>Bà Hòa Thị Thu Hà</b>  <i>Ủy viên HĐQT,  Phó Tổng giám đốc phụ  trách tài chính  Cử nhân Kinh tế  Sinh năm 1978</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 2000 - 2002: Nhân viên kế toán tại Công ty TNHH Khang Vinh</li> <li>- 2003 - 2005: Nhân viên kế toán Công ty TNHH Hưng Việt</li> <li>- 2005 - 03/2007: Nhân viên kế toán tại Công ty TNHH Anh Hai Duy</li> <li>- 03/2007 - 2009: Trưởng phòng kế toán CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát.</li> <li>- 2010 - 04/2018: Ủy viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát.</li> </ul>



	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 04/2018 đến nay: Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc phụ trách tài chính CTCP Nhựa và Môi trường Xanh An Phát.</li> </ul>
<b>Bà Trần Thị Thoản</b> <i>Phó Tổng Giám đốc sản xuất</i> <i>Cử nhân ngoại ngữ</i> <i>Sinh năm: 1985</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 2007 - 2009: Phụ trách Đối ngoại tại Công ty TNHH XQ Việt Nam</li> <li>- 2009 - 2015: Giám đốc Trung tâm kinh doanh CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát</li> <li>- 2015 - 03/2017: Phó Tổng Giám đốc sản xuất CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát</li> <li>- 03/2017 đến nay: Phó Tổng Giám đốc thường trực CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát.</li> </ul>
<b>Bà Đặng Thị Quỳnh Phương</b> <i>Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh</i> <i>Cử nhân Kinh tế đối ngoại</i> <i>Sinh năm: 1989</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 2012 - 2015: Nhân viên Kinh doanh CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát</li> <li>- 12/2015 - 03/2017: Giám đốc phụ trách kinh doanh</li> <li>- 03/2017 đến nay: Phó Tổng Giám đốc kinh doanh CTCP Nhựa và Môi trường Xanh An Phát</li> <li>- 02/2016 đến nay: Ủy viên HĐQT CTCP Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái (nay là CTCP An Tiên Industries)</li> </ul>
<b>Bà Nguyễn Thị Thùy Vân</b> <i>Kế toán trưởng</i> <i>Cử nhân</i> <i>Sinh năm 1984</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 2009 - 2016: Nhân viên kế toán tại CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát</li> <li>- 2016 - 2018: Phó Phòng kế toán CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát</li> <li>- 04/2018 đến nay: Quyền Kế toán trưởng CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát</li> </ul>

## 2.10. Giới thiệu BKS

<b>Bà Nguyễn Thị Giang</b> <i>Trưởng BKS</i> <i>Cử nhân Kinh tế - Kế toán</i> <i>Sinh năm: 1983</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 2008 - 2015: Nhân viên Kế toán CTCP Nhựa và Môi trường Xanh An Phát</li> <li>- 2015 - 03/2016: Thành viên Ban kiểm tra nội bộ CTCP Nhựa và Môi trường Xanh An Phát</li> <li>- 03/2016 đến nay: Trưởng BKS CTCP Nhựa và Môi trường Xanh An Phát</li> </ul>
<b>Bà Nguyễn Thị Phương</b> <i>Thành viên BKS</i> <i>Cử nhân kinh tế - kế toán</i> <i>Sinh năm: 1989</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 06/2011 - 02/2018: Nhân viên kế toán CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát</li> <li>- 02/2018 đến nay: Thành viên BKS CTCP Nhựa và Môi trường Xanh An Phát</li> </ul>

<b>Bà Văn Thị Lan Anh</b> <i>Nhân viên Hành chính</i> <i>kiêm thành viên BKS</i> <i>Trung cấp điện</i> <i>Sinh năm: 1977</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 2002 - 2004: Nhân viên kế toán tại Công ty Xây lắp điện 4</li> <li>- 10/2004 - 03/2007: Nhân viên văn phòng tại Công ty TNHH Anh Hai Duy</li> <li>- 03/2007 - 04/2009: Nhân viên văn phòng CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát</li> <li>- 04/2009 đến nay: Nhân viên hành chính kiêm Thành viên BKS CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát</li> </ul>
--	---

### 2.11. Thay đổi nhân sự HDDQT, BDH công ty trong năm

08/02/2018	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Miễn nhiệm chức danh thành viên BKS đối với bà Vũ Thị Minh Nguyệt.</li> <li>• Bổ nhiệm bà Nguyễn Thị Phượng làm thành viên BKS</li> <li>• Miễn nhiệm chức danh thành viên HĐQT đối với ông Phạm Đình Ngr.</li> <li>• Bổ nhiệm ông Đình Xuân Cường làm thành viên HĐQT</li> </ul>
02/04/2018	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Bổ nhiệm bà Hòa Thị Thu Hà làm Phó Tổng Giám đốc phụ trách tài chính</li> <li>• Bổ nhiệm bà Nguyễn Thị Thùy Vân làm Quyền Kế toán trưởng</li> </ul>
15/11/2018	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Miễn nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc sản xuất với ông Bùi Minh Hải</li> </ul>

### 2.12. Chiến lược phát triển

- **Đa dạng hóa, tối ưu hóa danh mục sản phẩm, tập trung phát triển các sản phẩm công nghệ cao và thân thiện với môi trường:**
  - Tối ưu hóa hiệu quả danh mục sản phẩm, đẩy mạnh bán hàng và mở rộng các sản phẩm, thị trường có biên lợi nhuận cao.
  - Phát triển nhanh, mạnh, lấy các sản phẩm thân thiện với môi trường làm sản phẩm sản xuất và kinh doanh chủ lực theo xu thế tiêu dùng tất yếu của thế giới; chuyển dịch cơ cấu sản xuất và bán hàng từ các sản phẩm nhựa truyền thống sang các sản phẩm xanh thân thiện với môi trường
  - Phát triển các dòng sản phẩm nhựa mới bên cạnh hoạt động kinh doanh cốt lõi của AAA là mảng sản xuất bao bì màng mỏng, kéo dài chuỗi sản phẩm ngành hóa nhựa từ nguyên vật liệu đầu vào đến đầu ra và sản phẩm cuối cùng đến tay người tiêu dùng, làm gia tăng giá trị ngành, nâng cao sự phát triển của ngành hóa nhựa Việt Nam, gia tăng sức cạnh tranh của ngành sản xuất Việt Nam trên thế giới.
- **Giữ vững và mở rộng thị phần toàn cầu, tiếp tục củng cố vị trí nhà sản xuất bao bì nhựa màng mỏng lớn nhất khu vực, tiến tới vị thế dẫn đầu trong ngành thân thiện với môi trường tại Đông Nam Á.**

- Duy trì và củng cố mạng lưới khách hàng và thị trường quốc tế sẵn có.
- Đẩy mạnh phát triển các thị trường trọng tâm trong giai đoạn tới là Nhật Bản và Mỹ.
- Chiếm lĩnh thị trường nội địa bằng các sản phẩm nhựa công nghệ cao và thân thiện với môi trường.
- **Đầu tư vào R&D ứng dụng, tiên phong về công nghệ, sẵn sàng liên doanh - liên kết**
  - Đầu tư trung tâm nghiên cứu và phát triển các sản phẩm mới theo xu hướng mới nhất của thị trường thế giới.
  - Nghiên cứu chủ động sản xuất hạt compound nguyên liệu phân hủy sinh học, tiếp tục nghiên cứu tối ưu hóa công thức nguyên vật liệu đầu vào để giảm chi phí sản xuất, gia tăng sức cạnh tranh.
  - Sẵn sàng liên doanh liên kết với những người khổng lồ về công nghệ trên thế giới để nhận chuyển giao công nghệ, hợp tác cùng phát triển.
- **Xây dựng, bồi đắp và lan tỏa văn hóa doanh nghiệp:** Phát huy, xây dựng và phát triển chiến lược truyền thông đối nội dựa trên 3 cột trụ: con người, giá trị văn hóa doanh nghiệp và môi trường làm việc.
  - Về con người, nhân sự được xác định là nhân tố cốt lõi của An Phát, và được đầu tư nguồn lực để bồi dưỡng, vun đắp.
  - Về giá trị văn hóa doanh nghiệp, An Phát sẽ tiếp tục giữ gìn và phát huy văn hóa doanh nghiệp trên nền tảng các chuẩn mực về ứng xử, làm việc 9G và 9T.
  - Về môi trường làm việc, An Phát hướng đến chuẩn hóa tạo ra một môi trường làm việc hiệu quả, chuyên nghiệp nhưng cũng ấm áp, thân thiện.
- **Xây dựng mô hình quản trị tiên tiến, định hướng theo các chuẩn mực quốc tế**
  - Tiếp tục hoàn thiện, cải tiến mô hình tổ chức, quản trị doanh nghiệp để phù hợp với quy mô phát triển từng giai đoạn.
  - Quy hoạch khoa học và đầu tư đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đảm bảo cả số lượng và chất lượng cho phát triển.
  - Không ngừng học hỏi và áp dụng những phương tiện công nghệ của thời đại để đảm bảo tính minh bạch và hiệu quả của công tác quản trị, điều hành.
- **Đảm bảo minh bạch, hiệu quả, thận trọng về tài chính, bảo vệ lợi ích cho cổ đông**
  - Tăng cường hiệu quả hoạt động kinh doanh để đảm bảo hiệu quả tài chính, sử dụng đòn bẩy tài chính thận trọng, bảo vệ lợi ích cho cổ đông và các bên hữu quan.
  - Ứng dụng công nghệ thông tin trong các công tác tài chính, kế toán, chủ động hoạch định, kiểm soát và quản trị tài chính.

- **Hài hòa giữa hiệu quả kinh tế với phát triển bền vững:** Bên cạnh mục tiêu tăng trưởng hiệu quả kinh doanh, chiến lược phát triển của AAA còn gắn liền với trách nhiệm về môi trường, nguồn nhân lực và xã hội. Các cổ đông lớn, HĐQT và BDH Công ty cam kết hướng tới những chuẩn mực cao nhất về môi trường, xã hội, thực hiện minh bạch thông tin theo các tiêu chuẩn báo cáo quốc tế.
  - Môi trường: AAA đưa ra giải pháp cho vấn đề môi trường bằng việc đẩy mạnh phát triển các sản phẩm thân thiện môi trường, lan tỏa xu hướng tiêu dùng xanh cho cộng đồng, giảm thiểu ô nhiễm rác thải nhựa. Đồng thời Công ty luôn thực hiện nghiêm túc các quy định về môi trường, tuân thủ và giám sát chặt chẽ để không xảy ra vi phạm các quy định của nhà nước và chính quyền địa phương về xả thải.
  - Nguồn nhân lực: Không ngừng cải thiện môi trường và chế độ làm việc cho CBCNV, đảm bảo an toàn lao động tuyệt đối; đầu tư phát triển đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao
  - Cộng đồng xã hội: Duy trì đóng góp thường xuyên cho ngân sách nhà nước, tích cực trong các công tác hỗ trợ cộng đồng

### **3. Tình hình hoạt động trong năm**

#### **3.1. Tổng quan kinh tế vĩ mô 2018**

##### **3.1.1. Thế giới**

Năm 2018, nhìn chung kinh tế thế giới tiếp tục duy trì đà tăng trưởng tốt nhờ sự tăng tốc của kinh tế Mỹ; sự ổn định của các nền kinh tế chủ chốt như châu Âu, Nhật Bản. Nửa đầu năm 2018 với những tín hiệu tăng tốc từ các chính sách như bình ổn giá năng lượng, hàng hóa, niềm tin của thị trường và hiệu ứng của Cách mạng công nghiệp 4.0 được coi là những nhân tố chủ đạo dẫn dắt tăng trưởng kinh tế toàn cầu, tuy nhiên ở nửa cuối năm 2018 đã không đủ để áp đảo các diễn biến tiêu cực như xu hướng bảo hộ mậu dịch, Brexit, căng thẳng chiến tranh thương mại Mỹ-Trung.

Theo Báo cáo của Cục dự trữ liên bang Mỹ FED, kinh tế Mỹ vẫn tăng trưởng ổn định, tăng trưởng GDP của Mỹ năm qua diễn ra vững vàng, tuy nhiên đạt mức tăng thấp hơn một chút so với 3% so với mục tiêu đề ra. Các chính sách cắt giảm thuế phát huy hiệu quả, tăng cường đầu tư và phục hồi tăng trưởng kinh tế, tỷ lệ lạm phát và thất nghiệp đạt mức kỳ vọng của chính phủ, thâm hụt của tài khóa 2018 ước tính đạt 3,75% GDP, so với mức 3,4% của tài khóa trước. Tại khu vực sử dụng đồng tiền chung châu Âu (Eurozone), do những tác động của căng thẳng thương mại với Mỹ, cùng sự chia rẽ nội bộ ngày càng sâu sắc khiến châu Âu phải đối mặt với khá nhiều bất ổn. Tốc độ tăng trưởng kinh tế trung bình của Eurozone đạt khoảng 2% trong năm 2018. Kinh tế Trung Quốc có dấu hiệu hạ nhiệt giữa bối cảnh Mỹ áp đặt các mức thuế thương mại với hàng hóa Trung Quốc, hoạt động đầu tư, nhu cầu nội địa suy giảm. Ngân hàng Thế giới (WTO) cho biết, trong năm 2018, tốc độ tăng trưởng GDP của Trung Quốc ước đạt 6,5%.

Hãng tư vấn Oxford Economics nhận định, kinh tế thế giới năm tới có thể giảm tốc mạnh hơn dự kiến một phần do chính sách tiền tệ thắt chặt và sự sụt giảm khả năng thanh toán nợ, dự báo từ mức tăng trưởng 3,1% năm nay xuống còn 2,8% vào năm 2019 và 2,7% năm 2020. Bên cạnh đó, thương mại toàn cầu được dự báo tiếp tục xu hướng giảm. Giá hàng hóa, giá dầu dự báo biến động không nhiều. Dự báo năm 2019, giá dầu sẽ được giữ ở mức ổn định hoặc tăng nhẹ khoảng 3% so với giá dầu bình quân năm 2018 (IMF, WB).

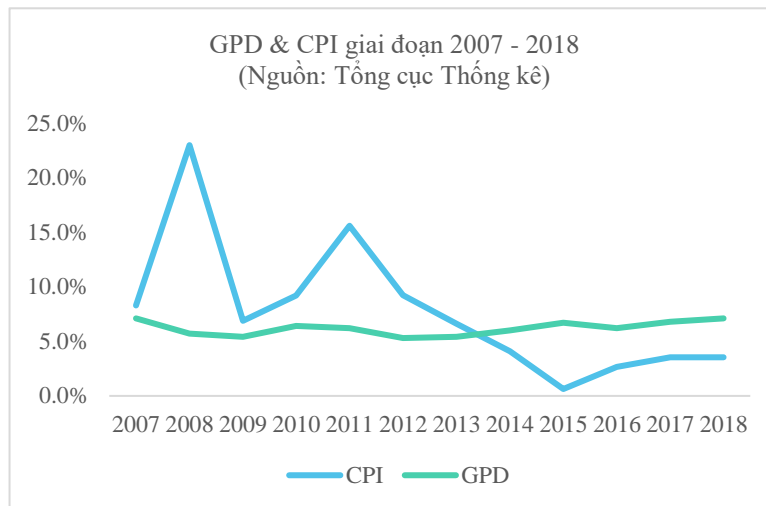
Trong bức tranh chung khá u ám, khu vực châu Á có thể coi là điểm sáng nổi bật. Trong báo cáo cập nhật Triển vọng phát triển châu Á 2018, Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) vẫn duy trì dự báo mức tăng trưởng của khu vực này là 5,8% cho năm tới.

##### **3.1.2. Việt Nam**

###### **3.1.2.1. Tăng trưởng GDP & CPI qua các năm**



Năm 2018 đánh dấu một năm với nhiều khởi sắc với kinh tế Việt Nam. GDP cả năm tăng 7,08%, là mức tăng cao nhất kể từ 2011 trở về đây, vượt mục tiêu 6.7% kế hoạch đề ra, trong đó, ngành công nghiệp chế biến chế tạo đóng góp khoảng 2,5 điểm phần trăm vào tăng trưởng; ngành dịch vụ đóng góp khoảng 2,75% vào tăng

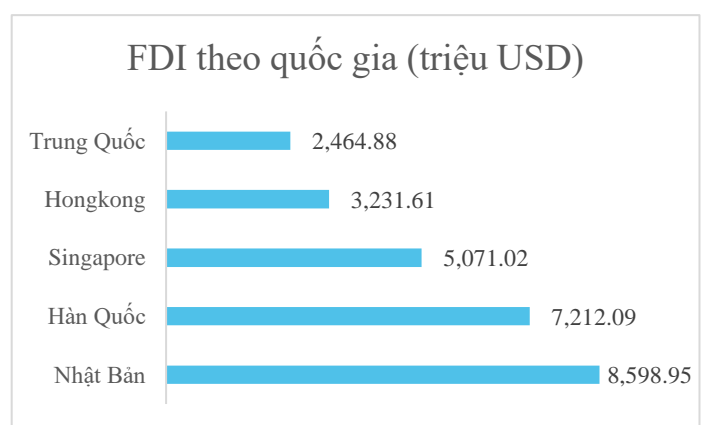
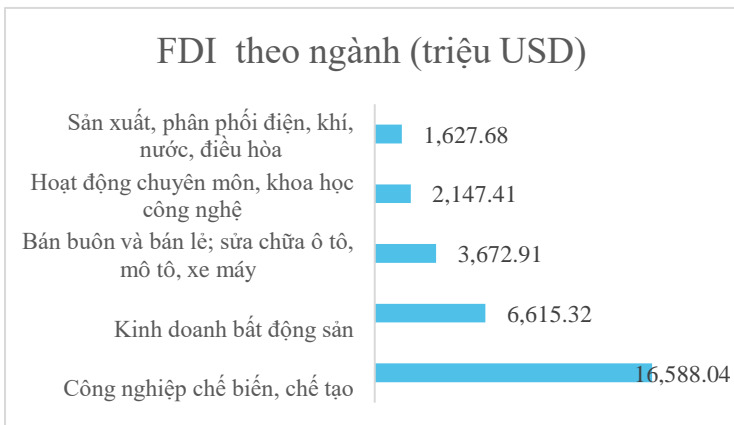
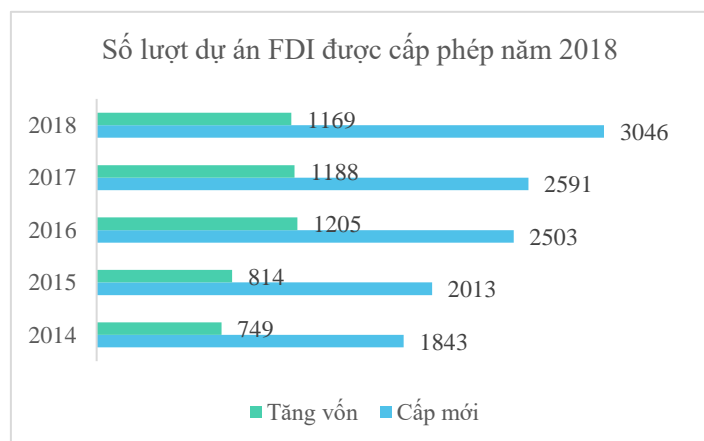
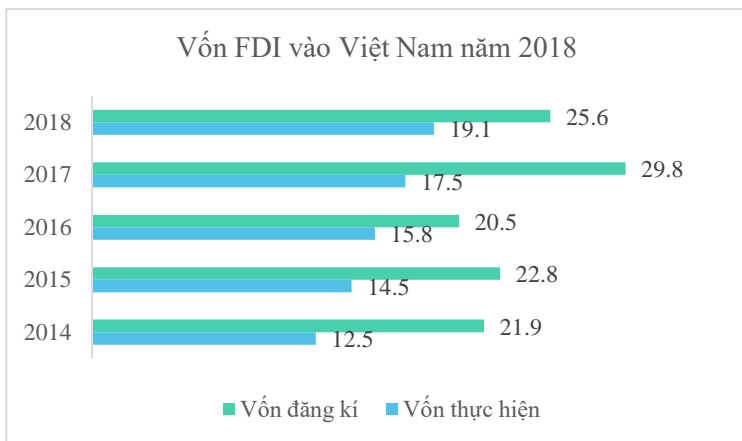


trưởng. Tổng cầu của nền kinh tế duy trì mức tăng khá, xuất khẩu và tiêu dùng tăng cao hơn cùng kỳ. Tiêu dùng cuối cùng được xem là nhân tố dẫn dắt tăng trưởng kinh tế với mức tăng 7,17% do các yếu tố (i) việc làm và thu nhập của người dân được cải thiện; (ii) niềm tin tiêu dùng được củng cố từ những kết quả của chính sách ổn định vĩ mô của Chính phủ trong một thời gian dài; (iii) lãi suất được giữ ổn định ở mức thấp làm giảm tỷ lệ tiết kiệm và tăng tiêu dùng vào các hoạt động vui chơi giải trí, du lịch.

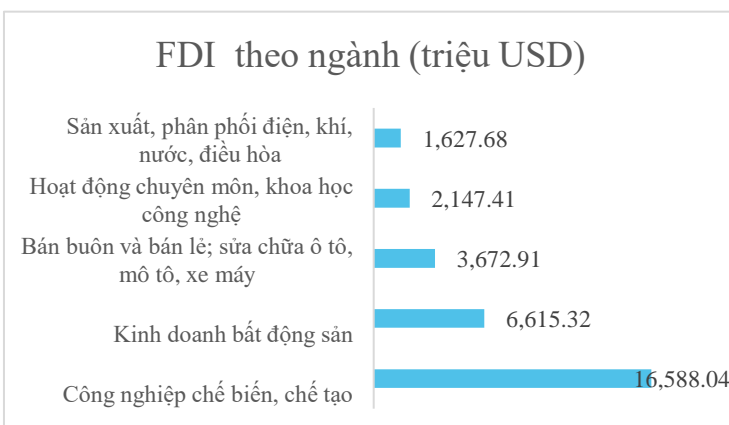
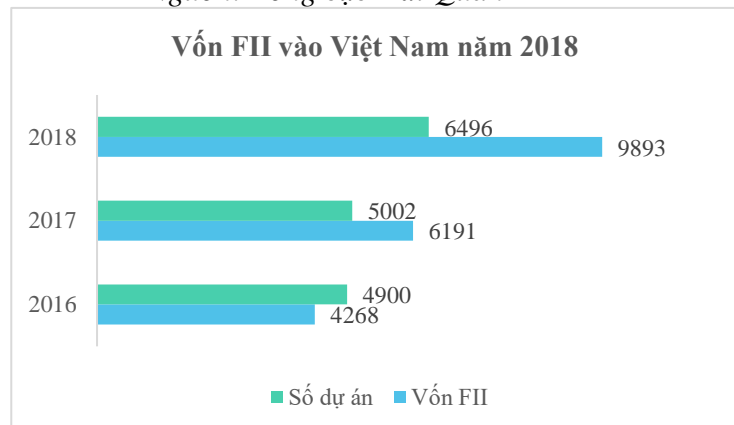
Theo thành phần kinh tế, khu vực FDI và khu vực tư nhân trong nước là hai khu vực thúc đẩy và đóng góp chính vào tăng trưởng GDP toàn nền kinh tế. Trong đó, mức độ ảnh hưởng của khu vực FDI ngày càng được thể hiện rõ nét.

Xét về ổn định vĩ mô, với mức tăng CPI năm 2018 ở mức 3,54%, có thể nhận thấy trong 5 năm gần đây tốc độ tăng của chỉ số CPI luôn thấp hơn tốc độ tăng trưởng GDP, điều đó cho thấy những chính sách về ưu tiên ổn định vĩ mô của chính phủ đã được phát huy tác dụng tốt trong thời kỳ này. Nhân tố tác động chủ yếu đến lạm phát năm 2018 là thực phẩm và xăng dầu: giá thực phẩm tăng 6,67% so với đầu năm (đóng góp 1,51 điểm%); nhóm giao thông tăng 7,3% so với đầu năm (đóng góp 0,68 điểm%).

### 3.1.2.2. Tình hình đầu tư trực tiếp FDI và gián tiếp từ nước ngoài FII



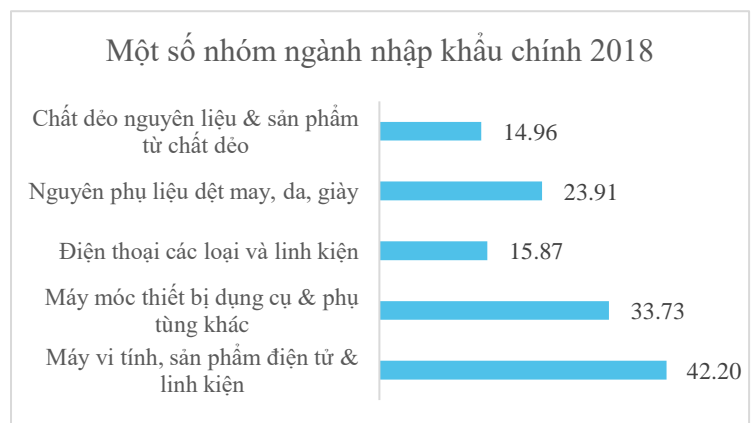
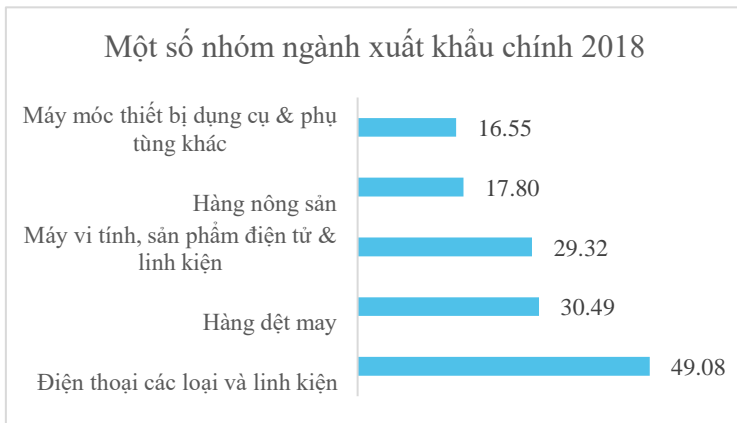
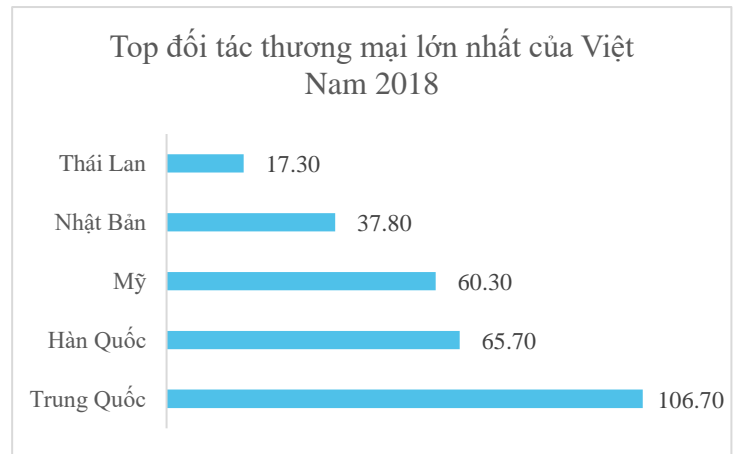
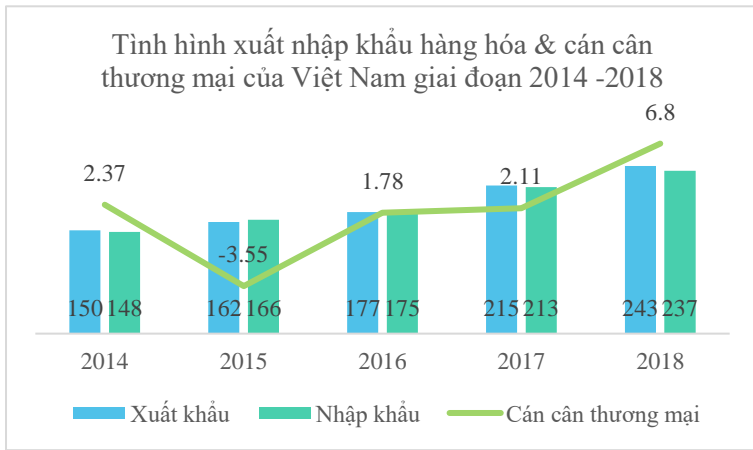
Nguồn: Tổng cục Hải Quan



Năm 2018 tiếp tục là một năm sôi động của

dòng vốn đầu tư khi tổng vốn FDI vào Việt Nam đạt 35.5 tỷ USD, bằng 98.8% so với 2017, vốn FII trong năm 2018 cũng đạt 9.9 tỷ USD, tăng 60% so với cùng kỳ. Ước tính các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài đã giải ngân 19,1 tỷ USD, tăng 9,1% so với cùng kỳ năm 2017. Về lĩnh vực đầu tư, trong năm 2018 nhà đầu tư nước ngoài đã đầu tư vào 18 ngành lĩnh vực tại Việt Nam, trong đó tập trung chủ yếu vào ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, các lĩnh vực hậu cần, logistics như vận tải, kho bãi... những mảng Việt Nam đang có lợi thế về lao động. Ngoài ra, do sự tăng lên của tầng lớp trung lưu, các lĩnh vực như bất động sản, kinh doanh ô tô xe máy cũng đang hấp dẫn nhà đầu tư ngoại. Trong bối cảnh các nền kinh tế lớn như châu Âu, Mỹ và Trung Quốc đang có dấu hiệu suy thoái, Việt Nam vẫn đang là một điểm sáng thu hút vốn đầu tư nước ngoài và được dự báo sẽ tiếp tục là quốc gia thu hút đầu tư trong nhiều năm tới.

### 3.1.2.3. Tình hình xuất nhập khẩu



(nguồn: Tổng cục Hải quan)

Năm 2018 ghi nhận kết quả kỉ lục về xuất nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam khi tổng giá trị xuất nhập khẩu đạt 480 tỷ USD, tăng 12% so với 2017, cụ thể xuất khẩu tăng 13,2% và nhập khẩu tăng 11,1%. Năm 2018 là cũng là năm thứ 3 liên tiếp, cán cân thương mại hàng hóa của Việt Nam có thặng dư, thặng dư 2018 đạt 6.8 tỷ USD, tăng 222% so với 2017. Nhóm 10 đối tác thương mại lớn nhất của Việt Nam chiếm hơn 72% tổng giá trị thương mại năm 2018, trong đó xuất nhập khẩu với Trung Quốc là lớn nhất, tiếp theo là Hàn Quốc và Hoa Kỳ. Nhóm mặt hàng xuất nhập khẩu lớn nhất về mặt giá trị chiếm đã hơn 80% tổng trị giá xuất nhập khẩu của tất cả các mặt hàng của Việt Nam trong năm 2018. Nhóm mặt hàng xuất khẩu lớn nhất của nước ta trong năm 2018 là điện thoại và linh kiện các loại với trị giá ghi nhận được lên đến 49,1 tỷ USD, chiếm 1/5 tổng trị giá xuất khẩu. Mặt hàng nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam là máy tính, sản phẩm điện tử và linh kiện, trị giá 42,2 tỷ USD, chiếm 17,8% tổng trị giá nhập khẩu.

### 3.1.3. Phân tích SWOT

#### 3.1.3.1. Điểm mạnh

- **Kinh nghiệm và uy tín trong ngành:** An Phát có 16 năm kinh nghiệm xuất khẩu trên khắp thế giới với các sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn của những thị trường khó tính nhất như

Nhật Bản, châu Âu, ... Mạng lưới khách hàng và đối tác trung thành của An Phát được phát triển rộng khắp từ gần 100 quốc gia và khu vực trên thế giới.

- **Quy mô sản xuất hàng đầu khu vực:** An Phát sở hữu hệ thống gồm 07 nhà máy sản xuất bao bì màng mỏng với tổng công suất thiết kế đạt 96.000 tấn/năm, lớn nhất trong khu vực Đông Nam Á. Các nhà máy sở hữu dây chuyền sản xuất hiện đại, được đầu tư bài bản, áp dụng quy trình sản xuất được chuẩn hóa theo tiêu chuẩn sản xuất quốc tế như ISO 9001:2015, ISO 14001:2004, ISO 22000:2005.

- **Giá trị gia tăng từ chuỗi sản xuất kinh doanh khép kín theo mô hình tập đoàn:** Là thành viên của tập đoàn An Phát Holdings, AAA được hỗ trợ từ hệ sinh thái doanh nghiệp khép kín của tập đoàn: nguồn nguyên vật liệu đầu vào với giá cả cạnh tranh, dịch vụ vận tải, logistics, chăm sóc khách hàng chuyên nghiệp, tin cậy. Điều này đảm bảo giúp AAA có thể cung cấp cho khách hàng sản phẩm và dịch vụ trọn gói với chất lượng và giá thành hiệu quả, gia tăng năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trên thị trường.

- **Văn hóa doanh nghiệp sâu sắc:** An Phát đã xây dựng được nền tảng văn hóa doanh nghiệp vững chắc, thấm nhuần trong đời sống của CBCNV. Các chuẩn mực ứng xử 9G, 9T, tư duy sản xuất 5S, văn hóa claim, văn hóa chào hỏi, đúng giờ... đã đang được CBCNV của Công ty thực hiện nghiêm túc, tiếp tục phát huy bộ gen Người An Phát trong sản xuất và kinh doanh.

- **Tầm nhìn chiến lược, phù hợp với xu hướng thời đại:** An Phát sở hữu tầm nhìn thời đại trở thành tập đoàn nhựa công nghệ cao và thân thiện với môi trường hàng đầu khu vực Đông Nam Á, tiên phong đón đầu xu hướng trong ngành nhựa Việt Nam. Hành động theo kim chỉ nam đúng đắn, An Phát đã đi trước đón đầu xu hướng tiêu dùng xanh của thế giới khi là doanh nghiệp đầu tiên tại Việt Nam sản xuất và thương mại thành công sản phẩm bao bì vi sinh phân hủy hoàn toàn. An Phát cũng là đơn vị Việt Nam đầu tiên được cấp chứng chỉ TUV Vincotte OK Home Compost cho các sản phẩm túi vi sinh phân hủy hoàn toàn theo tiêu chuẩn châu Âu EN13432 và là đơn vị Việt Nam duy nhất được công nhận là thành viên chính thức của Hiệp hội nhựa sinh học châu Âu.

### 3.1.3.2. Điểm yếu

- **Kinh nghiệm tại thị trường nội địa còn hạn chế:** An Phát có kinh nghiệm 16 năm xuất khẩu bao bì tại các thị trường quốc tế, tuy nhiên kinh nghiệm tại thị trường trong nước còn hạn chế. Trong năm 2018, với mong muốn người tiêu dùng Việt Nam được sử dụng các sản phẩm thân thiện với môi trường theo tiêu chuẩn quốc tế, An Phát đã quay trở lại thị trường nội địa với sản phẩm bao bì vi sinh phân hủy hoàn toàn. Đây là sản phẩm thân thiện với môi trường, đưa ra giải pháp cho vấn đề rác thải nhựa và đã đang được cộng đồng các nước phát triển tại châu Âu sử dụng, được đưa vào luật pháp tại các nước như Pháp, Ý....

- **Hệ thống quản trị và kiểm soát rủi ro đang trong giai đoạn xây dựng và hoàn thiện:** Trong bối cảnh độ mở của nền kinh tế càng lớn, An Phát nói riêng và các doanh nghiệp

Việt Nam nói chung càng dễ bị tác động bởi các ảnh hưởng từ kinh tế chính trị toàn cầu. Như vậy việc xây dựng chiến lược, mô hình và chính sách quản trị rủi ro để phòng ngừa và kịp thời phản ứng với biến động được xác định là một trong những trọng tâm của doanh nghiệp. An Phát đang trong quá trình hoàn thiện mô hình quản trị rủi ro, hệ thống khung chính sách quản trị rủi ro và các công cụ đo lường, quản lý rủi ro hướng đến các chuẩn mực và thông lệ quốc tế, bảo vệ lợi ích của doanh nghiệp và nhà đầu tư.

- **Phụ thuộc vào nguyên vật liệu nhập khẩu:** Với ngành bao bì, chi phí nguyên vật liệu chiếm khoảng 80% chi phí sản xuất. Do ngành lọc hóa dầu trong nước chưa đủ năng lực cung cấp hạt nhựa PE cho nhu cầu tiêu thụ của ngành nhựa, hiện khoảng 80% hạt nhựa vẫn đang phải nhập khẩu. Trong bối cảnh đó, An Phát cũng đang phải phụ thuộc vào nguồn hạt nhựa PE nhập khẩu. Trong những năm qua, An Phát đã nỗ lực đa dạng hóa nguồn cung cấp nguyên vật liệu từ nhiều khu vực trên thế giới như Trung Đông, Mỹ..., tuy nhiên việc phải nhập khẩu nguyên vật liệu cũng làm gia tăng rủi ro tỷ giá, đồng thời làm giảm sức cạnh tranh của An Phát trên thị trường.

#### 3.1.3.3. Cơ hội

- **Xu hướng tiêu dùng xanh đang lan tỏa mạnh mẽ:** Tiêu dùng xanh hiện được xem là xu hướng tiêu dùng của thế kỷ khi môi trường trở thành mối quan tâm lớn của nhiều quốc gia trên thế giới. Trong suốt thập kỷ qua, các chính sách và chương trình hỗ trợ đã được chính phủ và cộng đồng trên toàn thế giới nỗ lực thực hiện nhằm chuyển đổi thành công cơ cấu công nghiệp, đồng thời tác động đến lựa chọn, sử dụng và thải loại sản phẩm của người tiêu dùng. Đặc biệt trong bối cảnh vấn đề ô nhiễm trắng – những lo ngại về môi trường do rác thải từ nhựa đã khiến cộng đồng xã hội và chính phủ các quốc gia hành động quyết liệt hơn trong các vấn đề về sử dụng các sản phẩm thân thiện với môi trường. Nắm bắt được xu thế này, An Phát đã đi trước, đón đầu khi trở thành doanh nghiệp đầu tiên sản xuất và thương mại thành công bao bì vi sinh phân hủy hoàn toàn tại Việt Nam. Đồng thời AAA cũng đang nghiên cứu và cho ra mắt các sản phẩm nhựa thân thiện với môi trường như cốc, thìa, đĩa,... dùng một lần.

- **Xu hướng chuyển dịch sản xuất từ Trung Quốc sang các nước lân cận trong bối cảnh căng thẳng thương mại Mỹ - Trung:** Cuộc chiến thương mại Mỹ-Trung là một trong những vấn đề đáng chú ý nhất trong năm 2018. Một thỏa thuận 90 ngày đình chiến mà hai nước đạt được vào tháng cuối cùng của năm có thể là tín hiệu tích cực. Tuy nhiên những diễn biến khó lường trong chính sách thương mại giữa hai bên sẽ vẫn gây ra những rủi ro đáng kể cho các bên liên quan. Chính mối lo ngại này đã giúp thúc đẩy các doanh nghiệp quyết định tìm kiếm địa điểm sản xuất thay thế và thực hiện đa dạng hóa từ Trung Quốc sang các nước có chi phí thấp hơn như Việt Nam, mở ra cơ hội đẩy mạnh khai thác hạ tầng khu công nghiệp An Phát Complex và đẩy mạnh xuất khẩu bao bì cho AAA.

#### 3.1.3.4. Thách thức

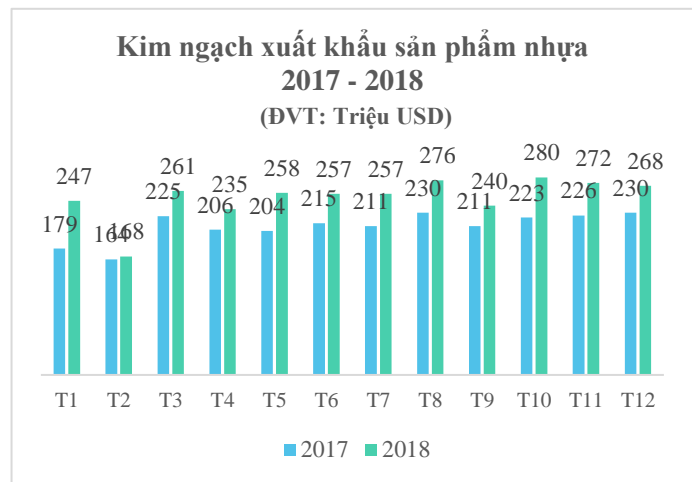
- **Môi trường kinh doanh cạnh tranh:** Ngành bao bì nhựa chịu nhiều áp lực về cạnh tranh, đặc biệt về giá giữa các nhà sản xuất. Trong bối cảnh lợi thế về chi phí sản xuất càng ngày càng được thu hẹp giữa các quốc gia khi chi phí nhân công, điện nước dự báo tăng trưởng hàng năm An Phát cần tiếp tục tìm ra những lợi thế cạnh tranh mới trên thị trường. Như vậy bên cạnh những lợi thế về quản lý sản xuất hiệu quả, An Phát đã chủ động đầu tư vào R&D để xây dựng lợi thế về công nghệ và cải tiến trong sản xuất.

- **Biến động giá nguyên vật liệu:** Diễn biến giá dầu khó dự báo đặt ra những thách thức không nhỏ cho doanh nghiệp để duy trì mức biên lợi nhuận ổn định. Công ty đã duy trì chính sách bán hàng linh hoạt, hạn chế dự trữ đầu cơ nguyên vật liệu để để chuyển rủi ro giá nguyên vật liệu sang khách hàng, tuy nhiên An Phát vẫn cần tìm nguồn nguyên vật liệu đầu vào ổn định, chất lượng cao với và giá cả cạnh tranh hơn.

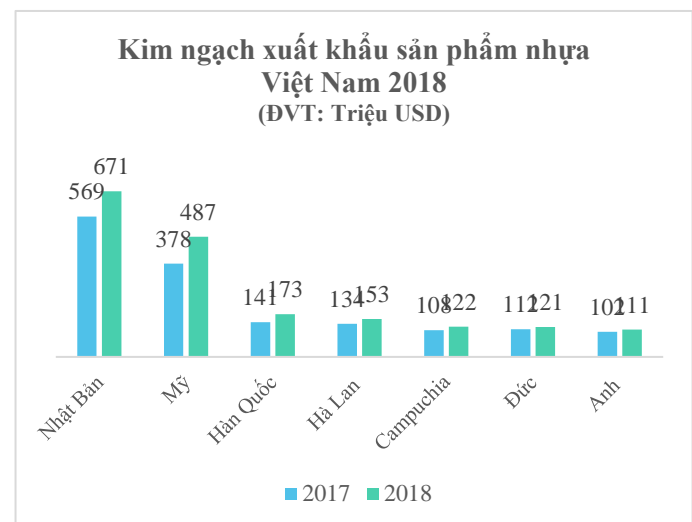
### 3.2. Thông tin thị trường ngành

#### 3.2.1. Toàn cảnh năm 2018

Ngành nhựa Việt Nam đã trải qua một năm 2018 khó khăn, dưới các tác động tiêu cực của thị trường thế giới như giá nguyên liệu tăng, biến động tỷ giá, căng thẳng thương mại Mỹ - Trung leo thang, cạnh tranh khốc liệt... Bên cạnh đó, ngành nhựa được đánh giá đang có nhiều thay đổi khi nhiều công ty trong nước được các tập đoàn nước ngoài mua lại. Với làn sóng dịch chuyển sản xuất của các công ty nhựa Trung Quốc vào Việt Nam dưới hình thức FDI lẫn FII, cạnh tranh trong ngành nhựa gia tăng hơn nữa.



Ở khía cạnh tích cực, Hiệp định thương mại tự do EVFTA hứa hẹn mở rộng cơ hội xuất khẩu sản phẩm nhựa. Bao bì nhựa Việt Nam đã có lợi thế cạnh tranh tại thị trường EU do không bị đánh thuế chống bán phá giá từ 4-30%. Sau khi EVFTA có hiệu lực, rào cản thuế quan gỡ bỏ, lợi thế xuất khẩu nhựa của Việt Nam càng lớn.



Trong năm 2018, xuất khẩu sản phẩm nhựa tăng trưởng khả quan do sức tiêu

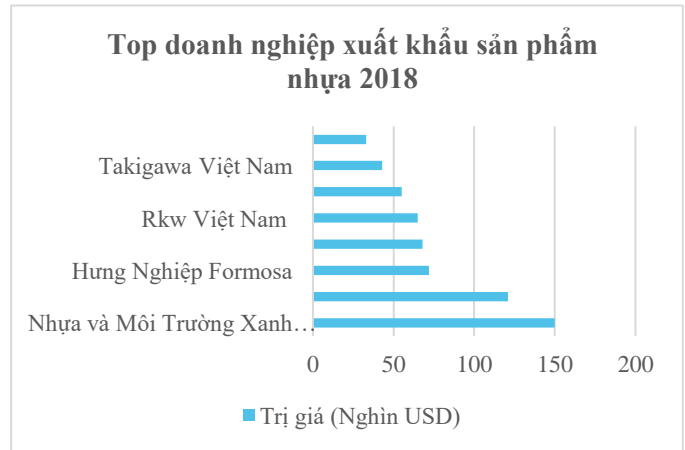
thụ của người dân thế giới tăng cao và người tiêu dùng Châu Âu ngày càng ưa thích sản phẩm nhựa của Việt Nam. Ngoài ra, doanh nghiệp sản xuất bao bì nhựa tăng cường mở rộng thị phần



xuất khẩu sang thị trường châu Âu nhờ được hưởng lợi kép về giá thành và ưu đãi mức thuế nhập khẩu. Theo thống kê của Tổng cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu sản phẩm nhựa Việt Nam trong năm 2018 tăng 19,5% so với năm 2017, đạt 3,04 tỷ USD.

### 3.2.2. Dự báo thị trường năm 2019

Năm 2019, doanh nghiệp bao bì nhựa được đánh giá sẽ có cơ hội tăng trưởng tốt nhờ sự phát triển của thị trường thực phẩm và đồ uống không cồn. Ở góc độ chi phí, các doanh nghiệp nhựa có thể giảm bớt chi phí nếu tận dụng được giá dầu giảm và sự tăng trưởng nguồn cung nguyên liệu nhựa trong nước với sản phẩm của các nhà máy dầu như Nghi Sơn, Bình Sơn. Theo EIA, giá dầu Brent



trong năm 2019 sẽ ổn định hơn và giảm nhẹ so với 2018, do đó giá các loại nguyên liệu là hạt nhựa PE và PP cũng được kỳ vọng sẽ ổn định hơn và giảm nhẹ.

Xu thế ngành nhựa tiếp tục dịch chuyển từ nhựa bao bì và dân dụng sang nhựa xây dựng, nhựa kỹ thuật, các công ty thuộc ngành nhựa cần tăng khả năng nắm bắt thị trường. Ngành cũng chứng kiến xu hướng phát triển sản phẩm nhựa thân thiện với môi trường ngày càng phổ biến hơn.

### 3.3. Báo cáo của HĐQT

#### 3.3.1. Kết quả thực hiện chỉ tiêu kinh doanh hợp nhất 2018

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	Tỷ lệ đạt kế hoạch năm 2018	Tăng trưởng 2018/2017
<b>Sản lượng hợp nhất (tấn)</b>	140.000	147.461	105%	48%
<b>Doanh thu (tỷ đồng)</b>	6.000	8.019	134%	97%
<b>LNST (tỷ đồng)</b>	330	212	64%	(19) %

Sản lượng hợp nhất trong năm 2018 đạt 147.461 tấn/năm, đạt 105% kế hoạch và tăng trưởng 48% so với năm 2017. Doanh thu hợp nhất 2018 đạt 8.019 tỷ, vượt 33,6% so với kế hoạch và tăng trưởng 97% so với cùng kỳ 2017. Sản lượng và doanh thu hợp nhất tăng trưởng vượt bậc được đóng góp bởi các yếu tố sau:

- Đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, chiếm lĩnh thị trường với việc nâng công suất hoạt động của hai nhà máy sản xuất bao bì Nhà máy số 6 và số 7 và Nhà máy sản xuất hạt Calbest và bột đá;

- Hoạt động thương mại được tăng cường, chiếm lĩnh thị trường, hệ thống phân phối triển khai đồng bộ cả trong và ngoài nước, quy mô thương mại lọt Top các doanh nghiệp phân phối nguyên vật liệu ngành nhựa hàng đầu Việt Nam

LNST hợp nhất đạt 212 tỷ đồng, tương đương 64 % so với kế hoạch, giảm 19% so với cùng kỳ 2017 do:

- Chính sách giữ ổn định giá bán để đẩy nhanh việc tăng công suất hoạt động của các nhà máy mới: Trong năm 2018, giá nguyên vật liệu ngành nhựa diễn biến khó dự báo, tuy nhiên với ưu tiên đẩy mạnh sản xuất hai nhà máy 6 và 7 và chiếm lĩnh thị trường, AAA đã giữ giá bán tương đối ổn định cho khách hàng trong năm. Bên cạnh đó, Công ty vẫn duy trì chính sách chào giá cập nhật theo giá nguyên vật liệu trên thị trường.
- Hiệu quả hoạt động thương mại chưa cao do ưu tiên chiếm lĩnh thị trường, đồng thời tiến độ ký kết hợp đồng bao tiêu hạt nhựa bị ảnh hưởng do các nguyên nhân khách quan.
- Biến động tỷ giá USD/VND theo hướng làm gia tăng chi phí tài chính

### **3.3.2. Tình hình tăng vốn và hoạt động đầu tư**

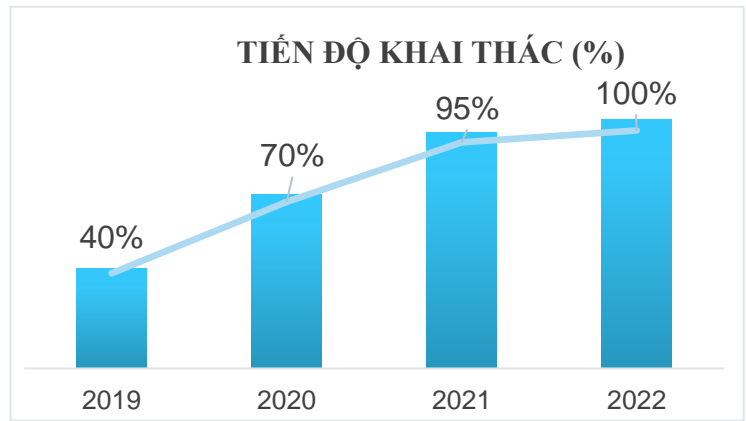
#### **3.3.3. Tình hình tăng vốn**

Trong năm 2018, HĐQT thực hiện Nghị quyết được ĐHCĐ thông qua với các nội dung về tăng vốn như sau:

- Quý II năm 2018 AAA đã chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 1:1, thu về 1.170 tỷ đầu tư nâng vốn sở hữu tại Công ty TNHH KCN Kỹ thuật cao An Phát (hay còn gọi là An Phát Complex) để đầu tư dự án đầu tư xây dựng tổ hợp nhựa kỹ thuật cao tại Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát (Nhà máy số 09) và đầu tư dự án nhà máy sản xuất bao bì màng phức (Nhà máy số 08).
- Quý III năm 2018, AAA đã phát hành 4 triệu cổ phiếu ESOP cho CBCNV, thu về 40 tỷ đồng, mục đích phát hành để tri ân đóng góp của CBCNV cho Công ty, nguồn vốn được sử dụng để bổ sung vốn lưu động.
- Quý IV năm 2018, AAA phát hành 400 tỷ trái phiếu kèm chứng quyền cho nhà đầu tư nước ngoài, mục đích hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH KCN Kỹ thuật cao An Phát để xây dựng, phát triển hạ tầng khu công nghiệp.

#### **3.3.3.1. Dự án Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát**

An Phát Complex là một bước đi chiến lược của AAA trong quá trình đa dạng hóa các dòng sản phẩm mới xoay quanh ngành nhựa, hướng tới các sản phẩm nhựa thân thiện với môi trường, có hàm lượng kỹ thuật cao và tạo ra nhiều giá trị gia tăng hơn cho cổ đông.



KCN Kỹ thuật cao An Phát rộng hơn 46 ha nằm ở vị trí đắc địa, giáp quốc lộ 5, thuộc các phường Tứ Minh và Việt Hòa (TP Hải Dương).

### 3.3.3.1.1. Quan điểm đầu tư:

- Mở rộng địa bàn hoạt động sản xuất kinh doanh, làm căn cứ điểm để triển khai các dự án mở rộng sản xuất với lĩnh vực hoạt động cốt lõi là ngành nhựa
- An Phát Complex dự kiến sẽ tạo việc làm cho 6.000 lao động địa phương và đóng góp cho ngân sách từ 200 - 300 tỷ đồng/năm.

### 3.3.3.1.2. Tiến độ triển khai:

- Công ty TNHH KCN kỹ thuật cao An Phát (An Phát Complex) đã nâng vốn điều lệ lên 910 tỷ đồng, trong đó AAA sở hữu 100% vốn điều lệ.
- An Phát Complex đã mua lại KCN Việt hòa – Kenmark qua đấu giá bởi BIDV. Tài sản đấu giá gồm quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất trong KCN đã được mua lại với giá 756,45 tỷ đồng. Tổng vốn đầu tư dự án bán đầu 98,4 triệu USD, chủ đầu tư trước đây - Công ty Kenmark đã giải ngân được khoảng 50%. Chủ đầu tư đã hoàn thành hạ tầng kỹ thuật, trạm xử lý nước thải và 13 nhà xưởng rộng 11,4 ha
- Trong năm 2018, An Phát Complex đã bảo dưỡng và sửa chữa hạ tầng của 05 khối nhà xưởng hoàn thiện, đưa 03 dự án nhà máy sản xuất đi vào vận hành, đảm bảo tiến độ khai thác 10% theo kế hoạch trong năm 2018
- Dự kiến trong năm 2019, An Phát Complex sẽ hoàn thiện và khai thác thêm các block khác, nâng tỷ lệ vận hành lên 40%.

### 3.3.3.1.3. Các nhà máy đang hoạt động tại An Phát Complex

#### 3.3.3.1.3.1. Nhà máy sản xuất bao bì công nghiệp An Vinh

- Sản phẩm: Bao bì công nghiệp (bao PP dẹt, bao Sling, bao Jumbo)
- Công suất thiết kế: 13.200 tấn/năm
- Thời gian khởi công: T6/2018
- Thời gian đi vào vận hành chính thức: T12/2018
- Thị trường mục tiêu: nội địa và xuất khẩu tới Nhật Bản, Đông Nam Á....

- Tiềm năng thị trường:
  - Xu hướng chuyển dịch quy cách đóng gói từ dạng cứng sang các bao mềm
  - Ngành bao bì công nghiệp được dự báo tăng trưởng--/năm
  - Xu hướng chuyển dịch sản xuất từ Trung Quốc sang Việt Nam
- Lợi thế cạnh tranh
  - Mạng lưới khách hàng rộng khắp
  - Chi phí sản xuất cạnh tranh
    - Quy mô sản xuất hàng đầu tại Việt Nam
    - Dây chuyền sản xuất khép kín từ kéo sợi, dệt manh đến bao bì hoàn thiện
    - Chi phí sản xuất tại Việt Nam thấp hơn các nước Thổ Nhĩ Kỳ, Trung Quốc
    - Nguồn nguyên vật liệu với giá thành cạnh tranh do khả năng cung ứng hạt PP trong nước được tăng cường, giảm việc phụ thuộc vào nguồn nguyên vật liệu nhập khẩu; đồng thời nguồn cung bột đá và phụ gia sản xuất từ công ty thành viên – CTCP An Tiến Industries với chất lượng ổn định và giá thành cạnh tranh.

#### ***3.3.3.1.3.2.Nhà máy sản xuất vật liệu kiến trúc công nghệ cao An Cường***

- Sản phẩm: Tấm ốp tường, trần, sàn nhựa, phào chỉ trang trí nội thất dưới thương hiệu AnPro
- Công suất thiết kế: 1 triệu m<sup>2</sup>/năm
- Thời gian khởi công: T6/2018
- Thời gian đi vào vận hành chính thức: T10/2018
- Thị trường mục tiêu: Thị trường nội địa (70%) & thị trường xuất khẩu (30%)
- Tiềm năng thị trường:
  - Thị trường bất động sản Việt Nam tiếp tục được dự báo tăng trưởng khả quan trong giai đoạn tới
  - Sản phẩm vật liệu kiến trúc nhựa có nhiều ưu điểm vượt trội so với các vật liệu truyền thống, được dự báo sẽ tạo ra xu hướng mới trên thị trường xây dựng.

#### ***3.3.3.1.3.3.Nhà máy sản xuất linh kiện nhựa An Trung Industries***

- Sản phẩm: Linh kiện nhựa ép kỹ thuật cho các sản phẩm nhựa gia dụng, thiết bị gia dụng điện tử, thiết bị di động, ô tô xe máy....
- Thời gian khởi công: T6/2018
- Thời gian đi vào vận hành chính thức: T10/2018
- Khách hàng mục tiêu: các doanh nghiệp FDI, các nhà sản xuất ô tô, xe máy, điện tử, điện thoại trong nước...
- Tiềm năng thị trường:

- Chính sách thúc đẩy ngành công nghiệp hỗ trợ của chính phủ
- Định hướng nâng tỷ lệ nội địa hóa của các doanh nghiệp FDI
- Xu hướng chuyển dịch sản xuất từ Trung Quốc sang Việt Nam

### **3.3.3.2. Dự án nhà máy số 8**

ĐHĐCĐ thường niên tháng 2/2018 đã thông qua việc đầu tư xây dựng nhà máy số 8 với tổng đầu tư dự kiến 360 tỷ đồng huy động từ nguồn vốn phát hành cổ phiếu ra công chúng. Hiện dự án vẫn đang được triển khai theo đúng tiến độ.

### **3.3.4. Báo cáo về hoạt động của BDH**

Năm 2018 là một năm đầy thử thách trước nhiều biến động của thị trường trong và ngoài nước cũng như trước sự cạnh tranh gay gắt và giá nguyên vật liệu tăng cao. Trong bối cảnh đó, AAA đã đạt 134% mục tiêu doanh thu và 64% mục tiêu lợi nhuận trong năm 2018. HĐQT đánh giá cao kết quả hoạt động của BDH trong năm 2018, ghi nhận sự nỗ lực và quyết tâm trong việc hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch được ĐHĐCĐ và HĐQT giao phó:

- BDH đã triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với Nghị quyết ĐHĐCĐ, chỉ đạo của HĐQT; tuân thủ chặt chẽ các quy định quản trị và quy định của pháp luật, điều lệ doanh nghiệp.
- Công tác giám sát, hỗ trợ các công ty thành viên trong hoạt động kinh doanh được thực hiện rất sát sao thông qua việc đánh giá kết quả kinh doanh, chỉ tiêu phát triển hàng tháng, quý, từ đó có thể kịp thời phát hiện và có hành động khắc phục đối với những điểm yếu và bất cập.
- Giám sát và thúc đẩy các đơn vị thành viên triển khai chiến lược kinh doanh, chiến lược chức năng nhằm đạt các mục tiêu đã đề ra cho năm 2018; đồng thời tổ chức cập nhật và điều chỉnh chiến lược công ty đến năm 2019.
- BDH đã báo cáo thường xuyên cho HĐQT về tình hình tài chính, tình hình quản lý điều hành sản xuất kinh doanh, tình hình đầu tư các dự án. Với việc trao đổi, cập nhật thông tin nhanh chóng và kịp thời như vậy, HĐQT luôn nắm bắt rõ tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty và chỉ đạo công ty hoạt động hiệu quả theo định hướng chiến lược đã đề ra.
- BDH thực hiện nghiêm túc các nghị quyết, quyết định và thông báo của HĐQT

Ngoài những nguyên nhân khách quan từ môi trường kinh doanh, một số điểm HĐQT đánh giá BDH chưa làm tốt trong năm 2018 dẫn đến việc lợi nhuận sau thuế chưa đạt kế hoạch như sau:

- Chưa kiểm soát thực sự chặt chẽ những tác động và ảnh hưởng của các yếu tố vĩ mô đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

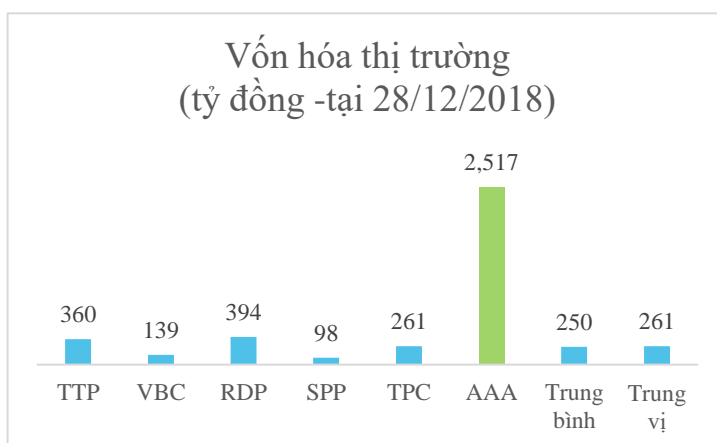
- Việc quản lý và điều hành chưa thực sự được sâu sát dẫn đến chỉ tiêu lợi nhuận chỉ đạt 64% so với kế hoạch.

Năm 2018 là một năm quan trọng của AAA, đánh dấu bước khởi đầu của doanh nghiệp trong một giai đoạn mới. Những kết quả BDH đạt được trong năm 2018 sẽ là những bộ phận vững chắc cho AAA trong năm 2019, tạo nền móng để hoàn thành những mục tiêu dài hạn mà HĐQT đề ra.

### 3.3.5. Báo cáo thực hiện chiến lược 2018

- **Trở thành tập đoàn nhựa tiên phong trong ngành nhựa Việt Nam và trong khu vực Đông Nam Á**

Với doanh thu hợp nhất đạt 8.019 tỷ đồng, quy mô vốn điều lệ đạt 1.712 tỷ đồng, quy mô vốn hóa thị trường đạt 2.527 tỷ đồng (tại ngày 31/12/2018), AAA đã vươn lên trở thành doanh nghiệp nhựa bao bì niêm yết có vốn hóa lớn nhất trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Nhà máy 6 và 7 sản xuất bao bì màng mỏng của AAA đi vào vận hành ổn định năm 2018 đã nâng tổng năng lực sản xuất bao bì màng mỏng lên 96.000 tấn /năm, khẳng định vị trí là nhà sản xuất bao bì màng mỏng số một tại Đông Nam Á.



- **Đẩy mạnh sản xuất & bán hàng, tập trung phát triển các sản phẩm thân thiện với môi trường.**

Với trọng tâm phát triển các sản phẩm thân thiện với môi trường, trong năm 2018, bên cạnh việc phát triển thị trường châu Âu truyền thống, An Phát đã mở rộng thị trường tại ngay chính thị trường nội địa với thương hiệu AnEco hiện diện trên hệ thống các siêu thị Vinmart, Seika, Nam An, L'Space trên cả nước...Mở màn bằng sản phẩm bao bì vi sinh phân hủy hoàn toàn đã ra mắt thành công tại sân chơi nội địa, AAA cũng nghiên cứu và triển khai các sản phẩm nhựa vi sinh phân hủy hoàn toàn khác như cốc, thìa, đĩa dùng một lần, theo kế hoạch sẽ sớm ra mắt thị trường trong năm 2019.

- **Hoàn thiện cơ cấu tổ chức và hệ sinh thái mô hình tập đoàn**

Trong năm 2018, hệ sinh thái doanh nghiệp đã được hoàn thiện với chuỗi giá trị khép kín từ nguyên vật liệu, sản xuất thành phẩm, phân phối sản phẩm và vận tải. Các công ty thành viên đã nỗ lực không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động, gia tăng giá trị cộng hưởng từ hệ sinh thái doanh nghiệp.

- **Phát triển bền vững & Trách nhiệm xã hội:**



Năm 2018, HĐQT triển khai thực hiện các nội dung định hướng, chính sách về phát triển bền vững với các nội dung cụ thể đã được hệ thống và áp dụng vào các quy trình hoạt động. Các chỉ tiêu về sản xuất được cải thiện như tiêu thụ nguyên vật liệu, năng lượng, năng suất lao động..... AAA cũng hoàn thành đầy đủ các nghĩa vụ đóng góp cho ngân sách nhà nước, tuân thủ các quy định về môi trường, đảm bảo an toàn lao động cho CBCNV, tham gia hưởng ứng các chương trình môi trường, nâng cao nhận thức của xã hội, tổ chức các chương trình hoạt động xã hội thường niên cho cộng đồng như phụng dưỡng các bà mẹ Việt Nam Anh hùng, phát cháo từ thiện, ủng hộ các Quỹ khuyến học, vv.

### **3.3.6. Các kế hoạch, định hướng của HĐQT**

#### **Các mục tiêu trong năm 2019**

- Giữ vững vị trí doanh nghiệp tiên phong trong ngành nhựa Việt Nam, vươn lên trở thành doanh nghiệp nhựa thân thiện với môi trường hàng đầu Đông Nam Á.
- Phát triển mở rộng thị trường tiêu thụ cả trong và ngoài nước, trong đó chú trọng lĩnh vực xuất khẩu vào các thị trường tiêu thụ trọng điểm mới Nhật Bản, Hoa Kỳ, Úc,... đồng thời tiếp tục phát triển các sản phẩm nhựa thân thiện môi trường tại thị trường nội địa
- Triển khai kế hoạch hợp tác kinh doanh khai thác hạ tầng KCN Kỹ thuật cao An Phát đã được phê duyệt.
- Tiếp tục cải thiện hệ thống quản trị rủi ro, đảm bảo an toàn tài chính.
- Đánh giá và triển khai các đề xuất của các phòng ban, bộ phận, nhà máy và trung tâm R&D trong công tác cải tiến sản xuất, tăng hiệu quả nguồn lực.
- Xây dựng chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh cho năm 2019 phù hợp với diễn biến thực tế của Công ty, của nền kinh tế và tập trung nỗ lực thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu đã đề ra.

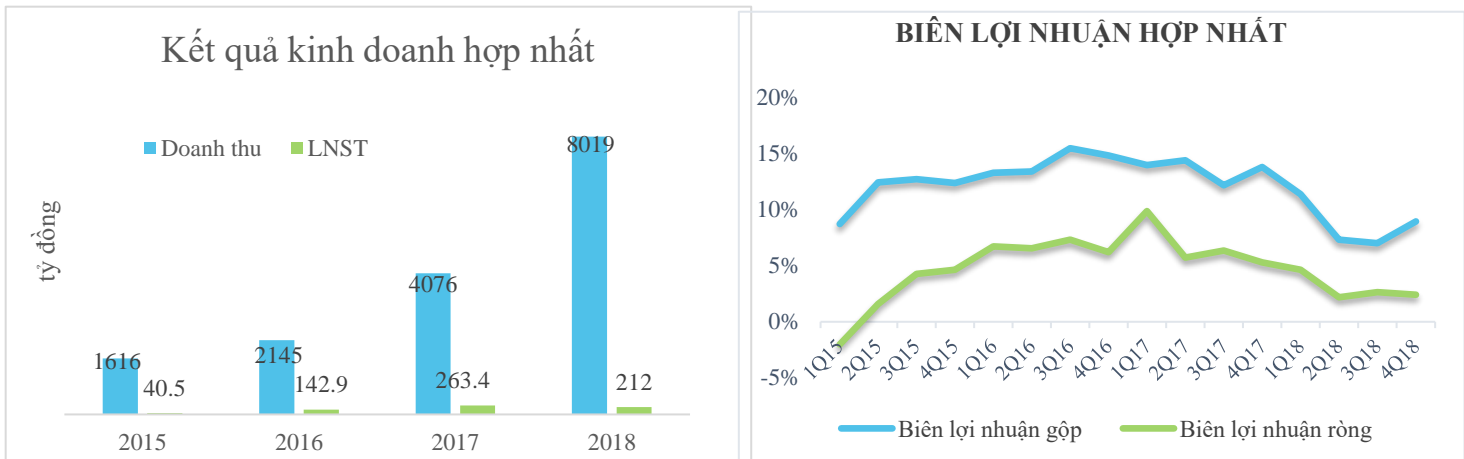
**Một số chỉ tiêu cơ bản trong hoạt động năm 2019 như sau:**

<b>STT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Kế hoạch năm 2019</b>
2	Tổng doanh thu hợp nhất (tỷ đồng)	10.000
3	Lợi nhuận sau thuế hợp nhất (tỷ đồng)	510
4	Dự kiến cổ tức năm 2018	10-20%

### 3.3. Báo cáo đánh giá của BDH

#### 3.3.1. Kết quả hoạt động kinh doanh

##### 3.3.1.1. Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất



Doanh thu thuần hợp nhất đạt hơn 8.019 tỷ đồng, tăng 97% so với năm 2017, đạt 134% kế hoạch đặt ra, LNST hợp nhất đạt 212 tỷ đồng, giảm 19% so với năm 2017, đạt 64% so với kế hoạch đặt ra. Cơ cấu doanh thu hợp nhất năm 2018 có sự thay đổi đáng kể khi tỷ trọng đóng góp từ thương mại nguyên vật liệu ngành nhựa tăng trưởng từ 26% trong năm 2017 lên 51% trong năm 2018.

Về mảng bao bì, doanh thu năm 2018 đạt 3.469 tỷ đồng, tăng trưởng 23% so với cùng kỳ. Năm 2018, hai nhà máy mới 6,7 đã đi vào hoạt động và dần tối đa hóa công suất đã làm cho tổng sản lượng của An Phát tăng lên mạnh mẽ: công suất sản xuất máy là 96.000 tấn/năm, sản lượng bán năm 2018 đạt 86.263 tấn, đồng thời tỷ trọng xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản và Mỹ tăng 150%, thị phần thị trường tại Nhật Bản tăng từ 3,6% lên 5%. Tuy nhiên biên lợi nhuận của mảng bao bì bị ảnh hưởng trong năm 2018. Thông thường chính sách giá bán của AAA được tính theo công thức giá nguyên vật liệu theo bảng giá ICIS trên thị trường nhằm hạn chế rủi ro biến động giá nguyên vật liệu, tuy nhiên trong năm 2018, với mục tiêu tăng công suất hoạt động hai nhà máy 6 và 7 và chiếm lĩnh thị trường AAA đã giữ giá bán ổn định đối với một số khách hàng và thị trường quan trọng, làm bệ phóng cho tăng trưởng trong 2019.

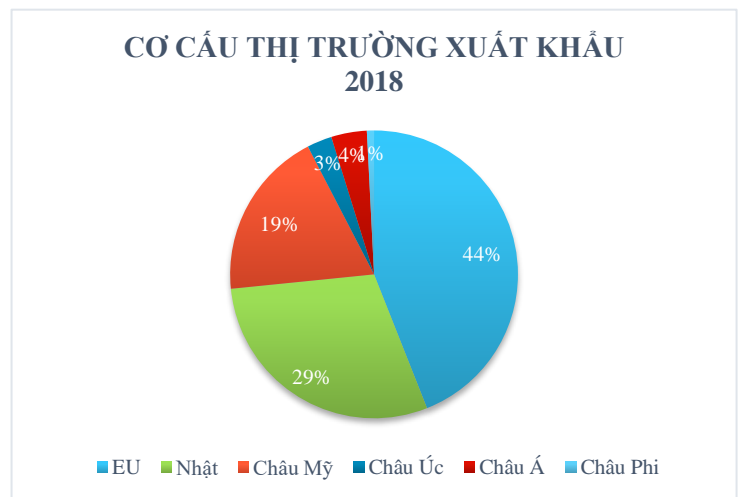
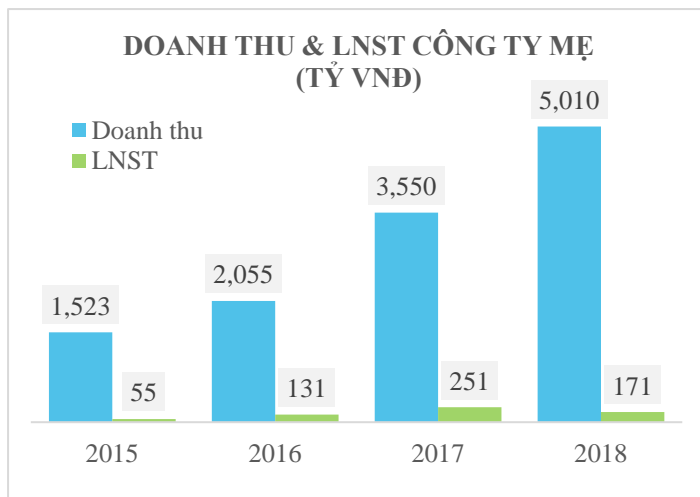
Về mảng Calbest và bột đá thực hiện bởi HII, doanh thu đạt 469 tỷ đồng, tăng 74% so với 2017. Trong năm, HII cũng đã tăng công suất vận hành nhà máy sản xuất hạt Calbest, mở rộng thị trường và khách hàng. Tuy nhiên do giá nguyên vật liệu là hạt nhựa tăng nên biên lợi nhuận mảng sản xuất thành phẩm của HII cũng bị ảnh hưởng.

Mảng thương mại nguyên vật liệu ngành nhựa doanh thu đạt 4.154 tỷ đồng trong năm 2018. CTCP Sản xuất tổng hợp An Thành – công ty con của HII hiện đã trở thành doanh nghiệp sở hữu mạng lưới phân phối lớn thứ hai về nguyên vật liệu ngành nhựa Việt Nam. Doanh thu tăng

trường mạnh nhưng lợi nhuận chưa theo kịp tốc độ tăng doanh thu do hợp đồng bao tiêu hạt nhựa trong nước vì một số nguyên nhân khách quan từ phía đối tác nên đã trì hoãn tiến độ kí kết, khiến lợi nhuận thương mại bị ảnh hưởng nhiều bởi biến động tỷ giá. Hợp đồng này hiện đã được kí kết trong tháng 1/2019, đảm bảo lợi nhuận ổn định cho mảng thương mại trong thời gian tới.

Mảng dịch vụ bao gồm chủ yếu cung cấp các dịch vụ vận tải của CTCP Liên vận An Tín (An Tín Logistics) - công ty con của HII. An Tín Logistic cung cấp các dịch vụ vận tải, hải quan cho các công ty thành viên và các khách hàng ngoài. Dù còn khiêm tốn về quy mô, hoạt động của An Tín trong năm 2018 đã tăng trưởng mạnh mẽ so với 2017, được kỳ vọng sẽ tiếp tục đóng góp tích cực cho tăng trưởng kết quả hoạt động kinh doanh trong những năm tiếp theo.

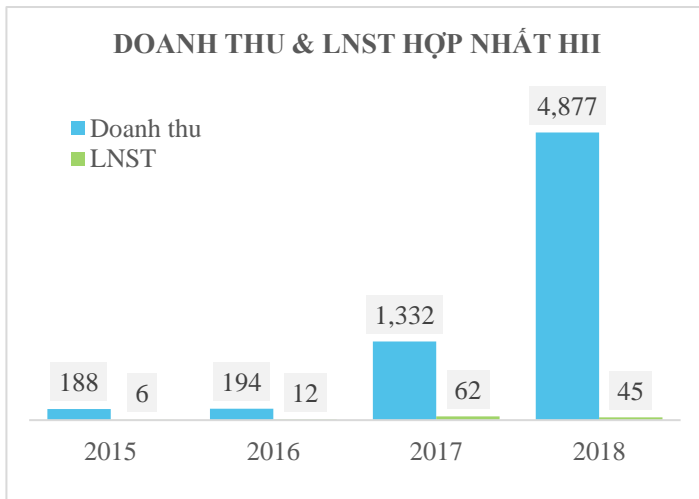
### 3.3.1.2. Kết quả hoạt động kinh doanh công ty mẹ



Về kết quả kinh doanh, năm 2018 doanh thu thuần Công ty mẹ đạt 5.010 tỷ đồng, tăng 41% so với năm 2017, LNST Công ty mẹ đạt 171 tỷ đồng, giảm 32% so với năm 2017. Trong năm 2018, AAA tiếp tục mở rộng thị trường xuất khẩu bao bì với 57 khách hàng được phát triển mới, một số thị trường mới mở có thể kể đến như Thụy Sĩ, Brazil, Áo, Na Uy và Ấn Độ,... Đặc biệt trong nửa cuối 2018 sản lượng xuất khẩu sang Mỹ đạt kỉ lục hơn 1.000 tấn/tháng trong bối cảnh chiến tranh thương mại có chiều hướng gia tăng căng thẳng khiến các khách hàng chuyển đơn từ Trung Quốc sang Việt Nam. Như vậy bên cạnh thị trường EU vẫn đóng vai trò quan trọng trong cơ cấu doanh thu mảng bao bì, thị trường Nhật và Mỹ ngày càng gia tăng ảnh hưởng và được dự báo sẽ trở thành động lực tăng trưởng cho mảng bao bì truyền thống trong thời gian tới.

### 3.3.1.3. Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con

#### 3.3.1.4. CTCP An Tiên Industries (MCK: HII)



Kết quả kinh doanh hợp nhất của HII bao gồm kết quả của công ty mẹ HII hạt nhựa Calbest và 03 công ty con: CTCP Liên vận An Tín, CTCP Sản xuất Tổng hợp An Thành và Công ty TNHH An Thanh Bicsol Singapore.

Năm 2018 HII doanh thu hợp nhất đạt 4.877 tỷ đồng, tăng 266% so cả năm 2017. LNST đạt 45 tỷ đồng, giảm 27%

so với 2017. Đối với mảng sản xuất nguyên vật liệu ngành nhựa, HII tăng cường xuất khẩu các sản phẩm bột đá, hạt màu, phụ gia ngành nhựa, hạt Calbest sang các thị trường Trung Quốc, Ấn Độ, Đông Nam Á, Châu Âu, Mỹ, khối GCC, ... với doanh thu xuất khẩu chiếm 66% tổng doanh thu. Về mảng thương mại, trong năm 2018, An Thành đã thành công mở rộng mạng lưới phân phối ngành nhựa với tổng sản lượng bán đạt hơn 135.000 tấn/năm, trở thành doanh nghiệp phân phối hạt nhựa lớn thứ 2 tại thị trường Việt Nam.

Tổng tài sản hợp nhất cuối năm 2018 của HII tăng gấp 2 lần so đầu năm, đạt 2.281 tỷ đồng trong đó tài sản ngắn hạn chiếm đến 65% nguồn vốn. Tháng 12/2018, HII đã chuyển nhượng toàn bộ vốn góp tại Công ty TNHH KCN Kỹ thuật cao An Phát cho AAA.

### 3.3.1.5. Công ty TNHH KCN Kỹ thuật cao An Phát

Thành lập từ tháng 10/2017, trong năm 2018 Công ty TNHH KCN Kỹ thuật cao An Phát đã hoàn thiện các thủ tục đầu tư và bắt đầu tiến hành đầu tư cải tạo và vận hành KCN Kỹ thuật cao An Phát (An Phát Complex). Dự án được triển khai từ quý II/2018, đến hết năm 2018 An Phát Complex đã đưa vào vận hành 05 block với tỷ lệ khai thác đạt 10%. Doanh thu năm 2018 đạt 1.5 tỷ đồng, LNST đạt 2.1 tỷ đồng.

### 3.3.2. Phân tích tình hình tài chính

#### 3.3.2.1. Phân tích các biến động lớn trên báo cáo kết quả kinh doanh

	2018		2017		Tăng giảm cùng kì (%)
	Tỷ đồng	% doanh thu 2018	Tỷ đồng	% doanh thu 2017	
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	8.018,8	100%	4.076,8	100%	96,7%
Các khoản giảm trừ doanh thu	7,3	0,1%	7,2	0,2%	1,4%
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	8.011,6	99,9%	4.069,6	99,8%	96,9%
Giá vốn hàng bán	7.338,6	91,5%	3.519,2	86,3%	108,5%
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	672,9	8,4%	550,4	13,5%	22,3%

Doanh thu hoạt động tài chính	61,5	0,8%	55,8	1,4%	10,3%
Chi phí tài chính	208,6	2,6%	95,1	2,3%	119,4%
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	126,0	1,6%	80,6	2,0%	56,3%
Phần lãi lỗ trong cty liên kết, liên doanh	-	0,0%	-	0,0%	
Chi phí bán hàng	156,6	2,0%	105,7	2,6%	48,1%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	123,6	1,5%	79,3	1,9%	55,8%
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	245,7	3,1%	326,1	8,0%	-24,7%
Thu nhập khác	11,2	0,1%	2,4	0,1%	369,3%
Chi phí khác	2,9	0,0%	0,4	0,0%	637,0%
<b>Lợi nhuận khác</b>	8,3	0,1%	2,0	0,0%	316,3%
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	254,0	3,2%	328,1	8,0%	-22,6%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	42,8	0,5%	64,4	1,6%	-33,6%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(0,9)	0,0%	0,3	0,0%	-464,8%
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	212,1	2,6%	263,4	6,5%	-19,4%

### **Doanh thu**

Doanh thu thuần tăng trưởng 97% so với 2017, đóng góp bởi doanh thu từ hoạt động sản xuất và thương mại hạt nhựa.

### **Lợi nhuận gộp**

Biên lợi nhuận gộp giảm từ 22% xuống 8% năm 2018 do hoạt động thương mại chiếm tỷ trọng cao hơn nhưng có biên lợi nhuận thấp hơn khiến biên lợi nhuận gộp hợp nhất giảm.

### **Chi phí**

Chi phí bán hàng tăng 48% về giá trị và giảm 6 điểm phần trăm trong cơ cấu doanh thu, nguyên nhân là do công ty đẩy mạnh sản lượng bán ở mảng bao bì khi vận hành hoạt động Nhà máy 6 và 7, đẩy mạnh sản lượng bán Calbest và mở rộng hoạt động thương mại nguyên vật liệu ngành nhựa chiếm lĩnh thị trường.

Chi phí quản lý doanh nghiệp dù tăng 56% về giá trị nhưng xét về tỷ lệ với doanh thu thì vẫn giảm 4 điểm phần trăm so với 2017.

### **Doanh thu và chi phí từ hoạt động tài chính**

Doanh thu từ hoạt động tài chính tăng 10% so với cùng kì, đóng góp chủ yếu bởi lãi tiền gửi và cho vay. Cụ thể năm 2018, lãi tiền gửi và cho vay đem lại 37,8 tỷ đồng cho công ty, tăng hơn hai lần so với 2017. Năm 2018 AAA cũng không còn doanh thu từ thu nhập từ đầu tư tài chính như 2017 (Năm 2017 AAA ghi nhận 24 tỷ doanh thu từ thoái vốn CTCP Bao bì Vinh (MCK: VBC)).

Chi phí tài chính tăng 119% so với 2017, chủ yếu do tăng chi phí lãi vay và lỗ do chênh lệch tỷ giá hối đoái. Cụ thể, chi phí tài chính tăng từ 80,6 tỷ trong năm 2017 lên 126 tỷ năm 2018, tăng

56% so với cùng kì. Trong năm 2018 đồng USD cũng tăng giá mạnh so với VND, khiến công ty ghi nhận lỗ từ chênh lệch tỷ giá 45,6 tỷ đồng so với mức 11,7 tỷ đồng trong năm 2017, tăng 290%.

### 3.3.2.2. Phân tích tài sản & nguồn vốn

Thay đổi cơ cấu tài sản hợp nhất năm 2018

Chỉ tiêu	Hợp nhất				Tăng/Giảm(%)
	31/12/2018		31/12/2017		
	tỷ đồng	% tổng tài sản	tỷ đồng	% tổng tài sản	
<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>3.979,4</b>	<b>52,9%</b>	<b>2.142,7</b>	<b>46,8%</b>	<b>85,7%</b>
Tiền và tương đương tiền	645,5	8,6%	519,6	11,4%	24,2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	710,9	9,4%	50,0	1,1%	1321,8%
Các khoản phải thu ngắn hạn	1.612,8	21,4%	961,4	21,0%	67,8%
Hàng tồn kho	862,7	11,5%	536,7	11,7%	60,7%
Tài sản ngắn hạn khác	147,5	2,0%	85,1	1,9%	73,3%
<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>3.549,8</b>	<b>47,1%</b>	<b>2.433,4</b>	<b>53,2%</b>	<b>45,9%</b>
Tài sản cố định	2.198,8	29,2%	2.299,5	50,2%	-4,4%
Tài sản dở dang dài hạn	1.208,0	16,0%	98,1	2,1%	1131,4%
Tài sản dài hạn khác	143,0	1,9%	35,8	0,8%	299,4%
<b>Tổng tài sản</b>	<b>7.529,2</b>	<b>100,0%</b>	<b>4.576,2</b>	<b>100,0%</b>	<b>64,5%</b>

#### 3.3.2.2.1. Phân tích tài sản

Quy mô tài sản của AAA tại ngày 31/12/2018 tăng 64% so với thời điểm 31/12/2017, trong đó tăng từ tài sản ngắn hạn chiếm 62%, tăng từ tài sản dài hạn chiếm 38%.

Xét về cơ cấu tài sản, tỷ trọng giữa tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn tương đối ổn định so với 2017. Tại ngày 31/12/2018, tài sản ngắn hạn chiếm 53% tổng tài sản so với mức 47% năm 2017, về giá trị tăng 86% so với cuối năm 2017. Mức tăng tỷ trọng ngắn hạn này chủ yếu đến từ tăng đầu tư tài chính ngắn hạn và phải thu ngắn hạn. Phải thu ngắn hạn tăng do công ty mở rộng quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh, doanh thu tăng 97% so với 2017. Bên cạnh đó, công ty đã tận dụng nguồn tiền mặt dồi dào cho hoạt động đầu tư ít rủi ro và mang lại doanh thu tài chính trong năm nhưng vẫn đảm bảo các nghĩa vụ khi cần thiết.

#### *Cơ cấu tài sản ngắn hạn*

*Vốn bằng tiền:* Từ kết quả và hiệu quả sản xuất kinh doanh cao mang lại, Công ty luôn duy trì giá trị vốn bằng tiền ở mức cao và quản lý dòng tiền này một cách có hiệu quả và an toàn. So với 2017, tỷ trọng tiền mặt được giảm xuống và tăng tỷ trọng đầu tư tài chính ngắn hạn. Chính sách quản lý rủi ro được thiết lập để đảm bảo rằng các khoản tiền gửi kỳ hạn ở mức an toàn cao và linh hoạt để đảm bảo đáp ứng đầy đủ nhu cầu vốn cho sản xuất kinh doanh của Công ty tại mọi thời điểm.

*Nợ phải thu khách hàng:* chiếm 17% tài sản ngắn hạn. Công ty duy trì tốt chính sách quản lý các



khoản phải thu, các khách hàng có lịch sử tín dụng tốt, không phát sinh nợ khó đòi.

*Hàng tồn kho:* Tỷ trọng hàng tồn kho trong cơ cấu tài sản vẫn giữ ổn định trong năm 2018, đặc biệt khi giá nguyên vật liệu biến động mạnh. Trước những biến động của thị trường, Công ty đã thực hiện linh hoạt các chính sách về mua, bán và tồn kho nguyên vật liệu, đảm bảo tối đa hóa lợi ích. Công ty không phát sinh hàng tồn kho chậm lưu chuyển nào đáng kể trong năm 2018 cũng như trong nhiều năm qua.

#### **Cơ cấu tài sản dài hạn**

Tài sản dài hạn thời điểm cuối năm 2018 chiếm 47% tổng tài sản so với mức 53% tại cuối năm 2017. Trong cơ cấu tài sản dài hạn, tài sản cố định và tài sản dở dang dài hạn sản chiếm tỷ trọng lớn nhất. So với thời điểm cuối năm 2017, tài sản cố định giảm nhẹ, khoảng 4% từ 2.299 tỷ đồng xuống còn 2.199 tỷ đồng. Tài sản dở dang dài hạn tăng từ 98 tỷ đồng năm 2017 lên 1.208 tỷ đồng năm 2018, do giá trị đầu tư xây dựng hạ tầng tại KCN Kỹ thuật cao An Phát.

#### **3.3.2.2.2. Cơ cấu nguồn vốn**

Chỉ tiêu	Hợp nhất				Tăng/Giảm(%)
	31/12/2018		31/12/2017		
	tỷ đồng	% tổng nguồn vốn	tỷ đồng	% tổng nguồn vốn	
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>4.548,9</b>	<b>60,4%</b>	<b>2.951,2</b>	<b>64,5%</b>	<b>54,1%</b>
Nợ ngắn hạn	3.206,1	42,6%	1.990,8	43,5%	61,0%
Phải trả ngắn hạn người bán	622,8	8,3%	519,3	11,3%	19,9%
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	2.492,4	33,1%	1.417,7	31,0%	75,8%
Nợ dài hạn	1.342,8	17,8%	960,4	21,0%	39,8%
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>2.980,3</b>	<b>39,6%</b>	<b>1.625,0</b>	<b>35,5%</b>	<b>83,4%</b>
Vốn góp chủ sở hữu	1.712,0	22,7%	826,0	18,1%	107,3%
<b>Tổng cộng nguồn vốn</b>	<b>7.529,2</b>	<b>100,0%</b>	<b>4.576,2</b>	<b>100,0%</b>	<b>64,5%</b>

Cơ cấu nguồn vốn của công ty luôn được tối ưu hóa để vừa đảm bảo hiệu quả của nguồn vốn sử dụng tài trợ cho các hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư của công ty trong năm. Tỷ trọng nợ phải trả của AAA đã giảm từ 64,5% xuống 60,4% tại cuối năm 2018. Trong quý II/2018, AAA đã thực hiện phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 1:1 để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu. Nhờ dòng vốn chủ tăng lên đã làm giảm áp lực tài chính, đảm bảo sự phát triển bền vững của công ty.

So với cuối năm 2017, cơ cấu nợ tương đối ổn định, giá trị nợ phải trả tăng 54% so với thời điểm cuối năm 2017. Trong đó nợ ngắn hạn tăng 61% trong năm chủ yếu do tăng nhu cầu vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh (doanh thu tăng trưởng 97%). Về nợ dài hạn, quý IV năm 2018 công ty đã phát hành 400 tỷ trái phiếu kèm chứng quyền cho các nhà đầu tư nước ngoài, mục đích huy động để hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH KCN Kỹ thuật cao An Phát xây dựng hạ tầng khu công nghiệp.

### 3.3.2.3. Phân tích các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

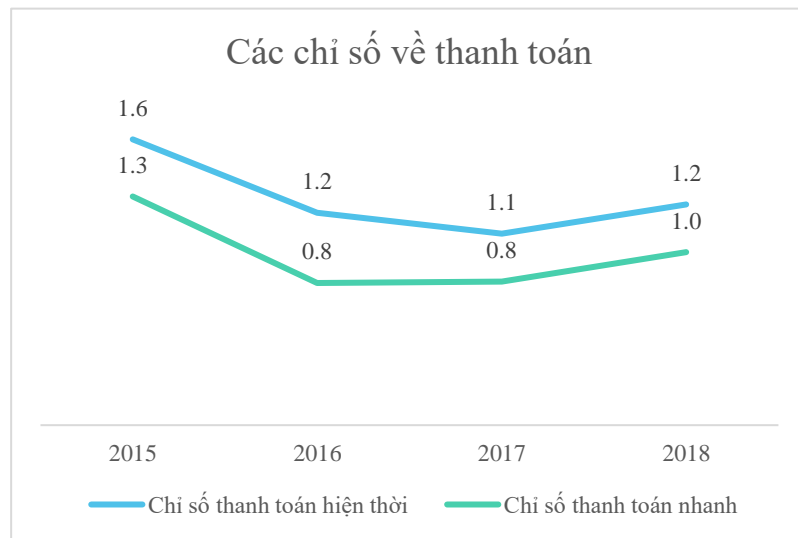
#### 3.3.2.3.1. Các chỉ số về hiệu quả hoạt động

	2015	2016	2017	2018
Vòng quay phải thu (lần)	6,0	5,2	5,8	9,7
Vòng quay hàng tồn kho (lần)	8,1	5,5	7,1	10,5
Vòng quay phải trả (lần)	6,0	5,2	9,3	14,5
Số ngày phải thu bình quân (ngày)	61,3	69,7	39,1	25,2
Số ngày tồn kho bình quân (ngày)	45,1	66,1	51,2	34,8
Số ngày phải trả bình quân (ngày)	46,3	50,2	42,7	28,4
Chu kì chuyển đổi tiền (ngày)	60,0	85,5	47,6	31,6

Trong năm 2018, nhóm các chỉ số về hiệu quả hoạt động của AAA như vòng quay phải trả, vòng quay phải thu, vòng quay hàng tồn kho đều tăng rõ rệt, phản ánh ảnh hưởng của hoạt động thương mại đến kết quả hợp nhất của AAA. Tuy nhiên xét tổng thể chu kì chuyển đổi tiền mặt của công ty giảm, thể hiện AAA đã quản lý tài sản hiệu quả hơn.

#### 3.3.2.3.2. Các chỉ số về thanh toán

Các chỉ số thanh toán hiện thời và thanh toán nhanh lần lượt ở mức 1.2 lần và 1 lần tại thời điểm cuối năm 2018, đều ở mức an toàn và cải thiện so với 2017. Các chỉ số này thể hiện sức khỏe tài chính của công ty, công ty không gặp rủi ro về thanh toán trong ngắn hạn.



#### 3.3.2.3.3. Các chỉ số về đòn bẩy tài chính và hiệu suất sinh lời – Phân tích Dupont

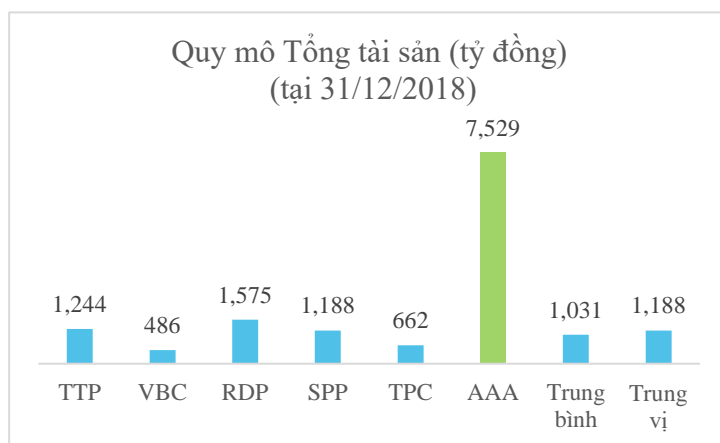
	Ý nghĩa	2015	2016	2017	2018
Thu nhập ròng/ Thu nhập trước thuế (EBT)	Gánh nặng thuế	80,1%	85,8%	80,3%	83,5%
EBT/EBIT	Gánh nặng lãi vay	67,8%	85,9%	80,3%	66,8%
EBIT/Doanh thu	Biên EBIT	4,6%	9,0%	10,0%	4,7%
Lợi nhuận ròng/ Doanh thu	Tỷ suất lợi nhuận ròng	2,5%	6,7%	6,5%	2,6%
Doanh thu/ Tổng tài sản bình quân	Hiệu suất sử dụng tài sản	1,0	0,9	1,1	1,3

ROA	Khả năng sinh lời trên tài sản	2,4%	5,7%	6,9%	3,5%
Tổng tài sản bình quân/ Tổng Vốn CSH bình quân	Đòn bẩy tài chính	2,1	2,8	3,0	2,6
ROE	Khả năng sinh lời trên vốn CSH	5,1%	16,1%	20,4%	9,2%

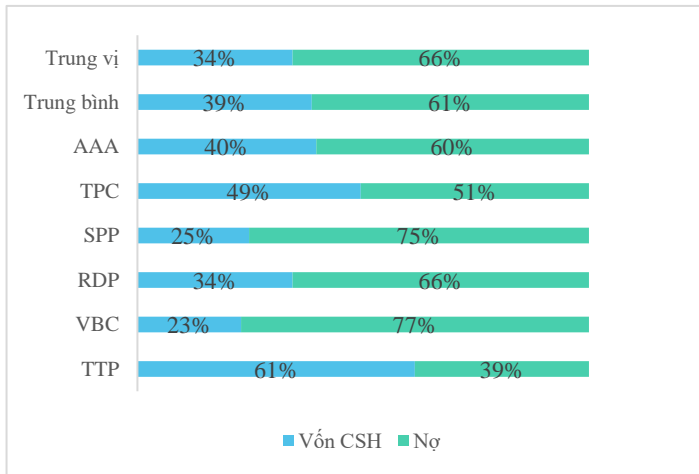
Có thể thấy năm 2018 gánh nặng thuế của AAA giảm nhẹ so với 2017. Trong năm 2018 nhà máy số 5 vẫn được miễn giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên gánh nặng về lãi vay tăng đáng kể, chủ yếu là do lãi vay phát sinh do nhu cầu vay nợ ngắn hạn mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Biên EBIT giảm so với 2017 do hoạt động thương mại chiếm tỷ trọng lớn hơn trong cơ cấu doanh thu nhưng có biên lợi nhuận thấp hơn so với hoạt động sản xuất đã dẫn đến biên lợi nhuận hợp nhất của AAA giảm so với cùng kì. Vòng quay tài sản tăng từ 1,1 lần năm 2017 lên 1,3 lần năm 2018 tuy nhiên tỷ suất khả năng sinh lời trên tài sản và trên vốn đều giảm đều do ảnh hưởng của việc tăng tỷ trọng hoạt động thương mại có biên lợi nhuận thấp hơn so với mảng sản xuất. Trong năm 2018, nguồn vốn thu được nhờ phát hành ra công chứng đã giúp AAA cải thiện tỷ lệ đòn bẩy tài chính.

#### 3.3.2.3.4. So sánh với các doanh nghiệp nhựa bao bì cùng ngành

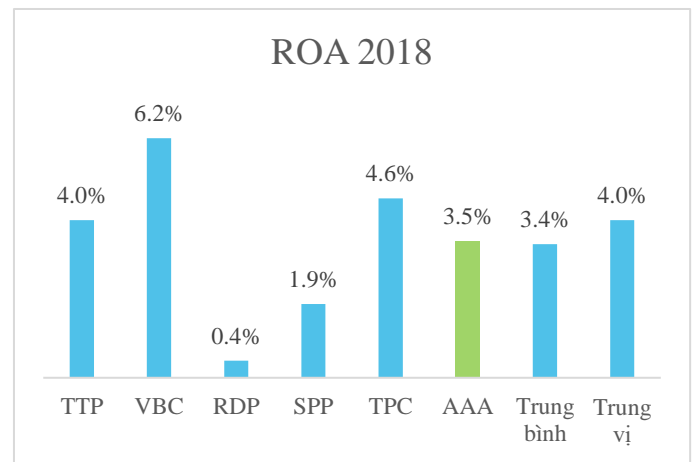
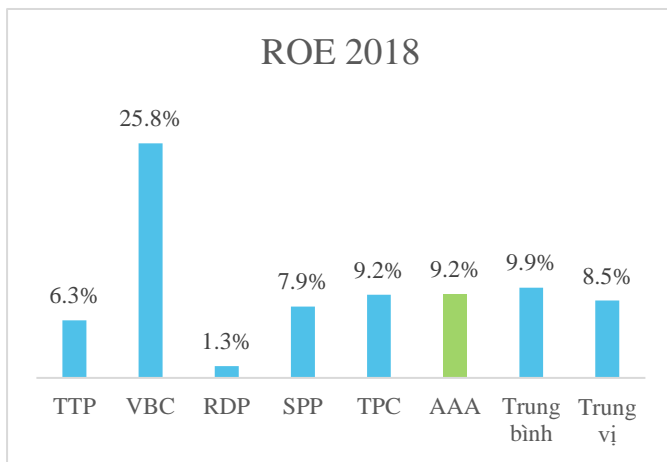
Kết quả kinh doanh hợp nhất của AAA gồm các mảng kinh doanh chính: sản xuất bao bì màng mỏng, sản xuất và phân phối nguyên vật liệu ngành nhựa. Do các doanh nghiệp nhựa bao bì niêm yết tại Việt Nam khá đa dạng và đặc thù về mô hình hoạt động cũng như lĩnh vực kinh doanh, số lượng doanh nghiệp niêm yết không nhiều nên việc so sánh các doanh nghiệp chỉ mang tính tham khảo. Dưới đây là thống kê một số chỉ tiêu của Công ty so với các doanh nghiệp niêm yết ngành nhựa bao bì khác:



Xét về quy mô tổng tài sản, AAA vượt trội hơn nhiều so với các doanh nghiệp niêm yết trong ngành.



Cơ cấu vốn của AAA tương đối an toàn so với các các công ty trong ngành nhựa bao bì niêm yết khác



Các chỉ số về hiệu quả kinh doanh của AAA trong năm 2018 ở mức trung bình so với các doanh nghiệp bao bì nhựa niêm yết.

### 3.3.3. Hoạt động truyền thông đối ngoại

Năm 2018 đánh dấu bước chuyển mình quan trọng của doanh nghiệp, cũng là năm AAA khẳng định vững chắc vị thế doanh nghiệp niêm yết đầu ngành nhựa bao bì và gia tăng sức ảnh hưởng của thương hiệu trên thị trường. Một số hoạt động truyền thông đối ngoại AAA ghi dấu trong năm 2018:

#### Đầu tư và chuyên nghiệp hóa xây dựng thương hiệu

Năm 2018 AAA ra mắt logo và bộ nhận diện thương hiệu mới, đồng nhất với bộ nhận diện thương hiệu của tập đoàn An Phát Holdings. Bộ nhận diện thương hiệu mới được phát triển với mong muốn truyền tải bước chuyển mình của doanh nghiệp, tinh thần và khát vọng của con người An Phát trong giai đoạn mới, nâng tầm giá trị thương hiệu, khẳng định vị thế tiên phong trong ngành nhựa Việt Nam. Một bước tiến nữa trong việc chuyên nghiệp hóa thương hiệu doanh nghiệp đó là AAA đã tiến hành đăng ký và công bố sở hữu trí tuệ đối với các thương hiệu Aneco cùng hơn 10 mẫu mã bao bì khác của AAA và các công ty thành viên.

## **Truyền tải thông điệp xanh - hành trình kiến tạo tương lai xanh của doanh nghiệp.**

○ Tại lễ kỷ niệm 15 năm thành lập và phát triển của AAA được tổ chức vào tháng 1/2018 với sự tham gia của hơn 3.000 CBCNV của AAA và các công ty thành viên cùng toàn thể hơn 500 khách mời là nhà cung cấp, khách hàng và đối tác lâu năm của doanh nghiệp, AAA đã truyền đi thông điệp về xây dựng, kiến tạo một tương lai xanh, thế giới xanh đến bạn bè đối tác trên toàn thế giới.

○ Thương hiệu nhựa thân thiện với môi trường AnEco của AAA bắt đầu phủ sóng thị trường nội địa từ cuối năm 2018. Với AnEco, AAA đã chính thức bắt tay vào hành trình kiến tạo tương lai xanh tại nước nhà khi đưa ra giải pháp thiết thực cho vấn đề môi trường được cả chính phủ và cộng đồng xã hội lo ngại. AAA cũng rất tích cực xúc tiến và cổ vũ các hoạt động xanh của cộng đồng, đặc biệt là các chương trình nhằm giảm thiểu rác thải nhựa, nâng cao nhận thức của cộng đồng, thay đổi thói quen tiêu dùng truyền thống.

### **• Hình ảnh mô hình doanh nghiệp tư nhân tiêu biểu đóng góp cho sự phát triển của kinh tế Việt Nam – Doanh nghiệp niêm yết ngành nhựa Việt Nam vươn tầm khu vực**

Năm 2018 An Phát vinh dự được đón tiếp nhiều đoàn Đại biểu cấp cao của Chính phủ, chính quyền địa phương, các đoàn Đại sứ quán nước ngoài, ...đến thăm và làm việc tại doanh nghiệp. Đặc biệt trong quý I/2019, An Phát được vinh dự là một trong ba doanh nghiệp Việt Nam, cùng với VinGroup và Viettel đón tiếp đoàn Đại biểu cấp cao của Chính phủ Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên đến thăm. An Phát tự hào khi truyền tải thành công hình ảnh mô hình doanh nghiệp tư nhân tiêu biểu đóng góp cho sự phát triển kinh tế của đất nước.

### **3.3.4. Hoạt động cải tiến sản xuất, nghiên cứu và phát triển R&D**

Là đơn vị sản xuất đáp ứng các tiêu chuẩn về xuất khẩu tại các thị trường phát triển, AAA luôn đảm bảo các quy trình sản xuất đáp ứng các chuẩn mực cao với các hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015, ISO 14001:2004, ISO 22000:2005. Các quy trình của Công ty đều chú trọng đến các vấn đề về kiểm soát chất lượng, an toàn lao động, bảo vệ môi trường và hiệu quả hoạt động. Với sự đóng góp của trung tâm R&D, kết hợp với kinh nghiệm sản xuất thực tế từ CBCNV, AAA luôn nỗ lực để không ngừng cải tiến, nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ, giảm tỷ lệ phế thải, tăng tái sử dụng nguyên vật liệu, tiết kiệm năng lượng trong quá trình sản xuất.

Năm 2018, trung tâm R&D đã tiến hành các hoạt động nghiên cứu nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, cải tiến chất lượng, tiêu biểu như:

- Nghiên cứu sử dụng phụ gia phân huỷ sinh học tăng chất lượng cho màng vi sinh phân huỷ hoàn toàn để xuất khẩu Pháp, Ý và các nước khác;
- Nghiên cứu cải thiện độ ổn định của phụ gia cho túi dày, túi trong, tăng độ dai cho túi;
- Nghiên cứu các phụ gia mới cho các ứng dụng sản phẩm tạo từ PP như kéo sợi, cán, thổi

màng; vv.

- Dự án cải thiện chất lượng Calbest, hạt màu của HII, giúp sản phẩm thân thiện hơn với môi trường và giảm giá thành sản phẩm.
- Nghiên cứu phát triển các sản phẩm nhựa vi sinh phân hủy hoàn toàn như bao bì, dao, thìa đĩa....

Ngoài ra, trung tâm R&D đẩy mạnh nghiên cứu triển khai đa dạng hoá các sản phẩm của Công ty để phục vụ thị trường xuất khẩu và trong nước, hướng đến các sản phẩm nhựa có biên lợi nhuận cao hơn màng bao bì truyền thống như nhựa vi sinh phân hủy hoàn toàn, nhựa kỹ thuật, nhựa linh kiện cho các ngành thiết bị điện tử và ô tô, xe máy, .... Hoạt động R&D cũng hướng đến mục tiêu thực hiện tốt trách nhiệm xã hội, thúc đẩy các hoạt động xanh.

Trong năm 2018, An Phát đã tăng cường việc hợp tác với các chuyên gia đầu ngành của Việt Nam và Quốc tế, các nhà cung cấp hàng đầu thế giới trong ngành nhựa sinh học như Tập đoàn BASF của Đức, Novamont của Italia, Bio-eco, TLC Korea, Ingredion, vv. AAA cũng hợp tác với các tập đoàn hoá nhựa như BSR, Gevo, Inabata, Lotte Chemical, Fortrec, vv. để thực hiện các thử nghiệm trong công tác phát triển sản phẩm, tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường.

### **3.3.5. Nhân sự và thay đổi các chính sách về nhân sự**

Năm 2018, tổng số nhân sự của AAA và hai công ty con là 2.145 người, trong đó nhân sự của riêng AAA là 1.885 người. Với phương châm con người là cốt lõi của sự phát triển, AAA đã nỗ lực không ngừng để xây dựng gia đình An Phát với những người con mang bộ gen An Phát, không chỉ phù hợp về năng lực chuyên môn mà còn hòa hợp trong tư duy, văn hóa doanh nghiệp.

Bởi lẽ đó đội ngũ CBCNV của An Phát đã ngày càng lớn mạnh, sáng tạo, hoàn thiện chuyên môn, kỹ năng, làm chủ công nghệ. Chính tinh thần “Không ngừng sáng tạo, vững bước tiến lên” là nhân tố tạo nên những bước nhảy vọt của AAA trên trường quốc tế, gây dựng thành công uy tín của thương hiệu An Phát trong mắt khách hàng, đối tác và nhà đầu tư, giúp AAA duy trì vị thế dẫn đầu ngành nhựa bao bì Việt Nam.

Trong năm 2018, dưới sự chỉ đạo của BĐH, các hoạt động về nhân sự được triển khai trên những mảng tiêu biểu như sau:

- Tiếp tục duy trì và phát huy các chính sách tốt về lương thưởng, chế độ đãi ngộ, phúc lợi với CBCNV
- Rà soát, đánh giá và thực hiện cải tiến trong hoạt động quản trị nhân sự,
- Xây dựng khung năng lực cán bộ, xây dựng bộ chỉ tiêu KPI theo từng vị trí, thực hiện đánh giá minh bạch, công khai hiệu quả công việc của CBCNV



- Xây dựng hình ảnh nhà tuyển dụng chuyên nghiệp, chú trọng công tác tuyển dụng đảm bảo cả về chất và lượng
- Xây dựng các chương trình nâng cao năng lực chuyên môn và năng lực lãnh đạo với tầm nhìn hoạch định nhân sự cốt lõi cho giai đoạn 2019-2024
- Đẩy mạnh các hoạt động truyền thông nội bộ, xây dựng khối đoàn kết gắn bó CBCNV
- Tiếp tục bồi đắp và lan tỏa văn hóa doanh nghiệp sâu rộng trong đời sống của CBCNV (Chi tiết về các hoạt động nhân sự, vui lòng xem Phát triển nguồn nhân lực)

#### 4. Quản trị công ty

##### 4.1. Thông tin cổ phiếu và hoạt động IR

###### 4.1.1. Thông tin cổ phiếu

- Vốn điều lệ: 1.711.999.760.000 đồng
- Mã cổ phiếu: AAA
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông
- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 171.199.976 cổ phần
- Tổng số cổ phần niêm yết: 171.199.976 cổ phần.
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phần
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 167.985.756 cổ phần
- Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 3.214.220 cổ phần.
- Giá trị vốn hóa thị trường (tại ngày 28/12/2018): 2.516.639.647.200 đồng
- **Thông kê khối lượng giao dịch năm 2018:**
  - Tổng số phiên giao dịch: 248 phiên.
  - Tổng khối lượng khớp lệnh: 375.662.270 cổ phiếu

Giá cổ phiếu giao dịch (*)	Ngày	Giá (VND/CP)	Khối lượng CP giao dịch	Ngày	Khối lượng (CP)
<b>Đóng cửa</b>	28/12/2018	14.700	<b>Đóng cửa</b>	28/12/2018	1.257.250
<b>Cao</b>	15/01/2018	25.750	<b>Cao</b>	20/11/2018	4.497.900
<b>Thấp</b>	16/11/2018	14.000	<b>Thấp</b>	21/05/2018	138.280
<b>Giá bình quân (**)</b>		18.295	<b>Giao dịch trung bình mỗi ngày</b>		1.514.767

(\*): Tính theo giá cổ phiếu điều chỉnh: Trong năm 2018, AAA đã phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1:1 và phát hành cổ phiếu ESOP tăng vốn điều lệ, dẫn tới thị giá bị pha loãng.

(\*\*): Tính bằng phương pháp bình quân gia quyền giá cổ phiếu, với trọng số là khối lượng giao dịch theo từng phiên.

#### 4.1.2. Cơ cấu cổ đông

(Theo danh sách cổ đông chốt ngày 18/02/2019)

Danh mục	Cổ đông trong nước		Cổ đông nước ngoài		Tổng	
	Số lượng CP	Tỷ lệ	Số lượng CP	Tỷ lệ	Số lượng CP	Tỷ lệ
Cổ đông sở hữu trên 5%	79.817.140	46,62%	12.798.124	7,48%	92.615.264	54,10%
Cổ đông sở hữu từ 1 đến 5%	4.347.920	2,54%	-	-	4.347.920	2,54%
Cổ đông sở hữu dưới 1%	69.982.167	40,87%	4.254.625	2,49%	74.236.792	43,36%
<b>Tổng cộng</b>	<b>154.147.227</b>	<b>90.03%</b>	<b>17.052.749</b>	<b>9,97%</b>	<b>171.199.976</b>	<b>100%</b>

Danh mục	Cổ đông trong nước		Cổ đông nước ngoài		Tổng	
	Số lượng CP	Tỷ lệ	Số lượng CP	Tỷ lệ	Số lượng CP	Tỷ lệ
1. Cổ đông nhà nước	-	-	-	-	-	-
2. Cổ đông nội bộ	200.000	0,11%	-	-	200.000	0,11%
3. Các cổ đông khác	153.947.227	89,92%	17.052.749	9,97%	170.999.976	99,89%
<b>Tổng cộng</b>	<b>154.147.227</b>	<b>90.03%</b>	<b>17.052.749</b>	<b>9,97%</b>	<b>171.199.976</b>	<b>100%</b>

Danh mục	Cổ đông trong nước		Cổ đông nước ngoài		Tổng	
	Số lượng CP	Tỷ lệ	Số lượng CP	Tỷ lệ	Số lượng CP	Tỷ lệ
Tổ chức	85.822.708	50,13%	16.249.675	9,48%	102.072.383	59,62%
Cá nhân	68.324.519	39,90%	803.074	0,47%	69.127.593	40,38%
<b>Tổng cộng</b>	<b>154.147.227</b>	<b>90.03%</b>	<b>17.052.749</b>	<b>9,97%</b>	<b>171.199.976</b>	<b>100%</b>

#### 4.1.3. Thông tin cổ đông lớn sở hữu từ 5% trở lên

Danh sách cổ đông lớn:

Tên tổ chức/cá nhân	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)
---------------------	-------------------	------------------

<b>CTCP Tập đoàn An Phát Holdings</b>	79.817.140	46,62%
<b>KALLANG LIMITED</b>	12.798.124	7,48%

#### 4.1.4. Sở hữu của cổ đông nội bộ

<b>Đối tượng</b>	<b>Họ và tên – Chức vụ</b>	<b>Tổng số lượng sở hữu</b>	<b>Tỷ lệ sở hữu (%)</b>
<b>HĐQT</b>	Phạm Ánh Dương – Chủ tịch HĐQT	0	0%
	Nguyễn Lê Trung – Phó Chủ tịch HĐQT	0	0
	Phạm Hoàng Việt – Phó Chủ tịch HĐQT	0	0%
	Đinh Xuân Cường – Thành viên HĐQT	0	0
	Hòa Thị Thu Hà – Thành viên HĐQT	0	0
<b>Ban Điều hành</b>	Nguyễn Lê Trung – Tổng Giám đốc	0	0
	Trần Thị Thoản – Phó Tổng Giám đốc thường trực	0	0
	Đặng Thị Quỳnh Phương – Phó Tổng Giám đốc phụ trách kinh doanh	0	0
<b>BKS</b>	Nguyễn Thị Giang – Trưởng BKS	0	0
	Văn Thị Lan Anh – Thành viên BKS	0	0
	Nguyễn Thị Phượng – Thành viên BKS	0	0
<b>Kế toán trưởng</b>	Nguyễn Thị Thùy Vân	200.000	0,00
<b>Người ủy quyền CBTT</b>	Đoàn Việt Khương – Người ủy quyền CBTT	0	0

#### 4.1.5. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Trong năm 2018, Công ty đã phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 1:1 và phát hành cổ phiếu ESOP cho cán bộ nhân viên để tăng vốn điều lệ, kết quả phát hành như sau:

- Vốn điều lệ trước khi phát hành: 83.5999.880.000 đồng
- Vốn điều lệ sau khi phát hành: 1.711.999.760.000 đồng

#### **4.1.6. Giao dịch cổ phiếu quỹ**

Trong năm 2018 Công ty không có giao dịch cổ phiếu quỹ.

#### **4.1.7. Chứng khoán khác**

Trong năm 2018, AAA đã phát hành 400 tỷ đồng trái phiếu kèm chứng quyền để hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Khu Công Nghiệp Kỹ thuật cao An Phát đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng và nhà xưởng trong Khu Công Nghiệp Kỹ thuật cao An Phát (tên cũ là Khu Công Nghiệp Việt Hòa - Kenmark) và bổ sung nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

#### **4.1.8. Công bố thông tin và hoạt động IR**

##### **4.1.8.1. Công bố thông tin**

AAA luôn đảm bảo tính trung thực, minh bạch và thống nhất trong việc cung cấp thông tin cho cổ đông, nhà đầu tư và các bên liên quan, bảo đảm tất cả các cổ đông được đối xử bình đẳng, bất kể là cổ đông nhỏ lẻ hay tổ chức, trong nước hay nước ngoài.

Các thông tin về hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty được cập nhật kịp thời và chính xác thông qua website [www.anphatplastic.com](http://www.anphatplastic.com), mục Quan hệ cổ đông/Quan hệ nhà đầu tư và báo cáo đầy đủ với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

##### **4.1.8.2. Hoạt động IR năm 2018**

**Highlight:** Hoạt động Quan hệ Nhà đầu tư đã được chuyên nghiệp hóa trong năm 2018. AAA đã vinh dự được bình chọn trong Top 3 “Doanh nghiệp niêm yết có hoạt động Quan hệ nhà đầu tư (IR) tốt nhất năm 2018” do Nhà đầu tư bình chọn.

##### **4.1.8.2.1. Các mục tiêu IR năm 2018**

- Cải thiện tính thanh khoản của cổ phiếu
- Cải thiện khả năng tương tác giữa cổ đông với HĐQT
- Nâng cao thu hút đối với dòng vốn trong và ngoài nước
- Nâng cao tương tác với đội ngũ phân tích
- Đa dạng hóa nền tảng cổ đông
- Tăng cường sự minh bạch trong công bố thông tin
- Nâng cao nghĩa vụ và sự liên kết với cổ đông nước ngoài
- Nâng cao nghĩa vụ và sự liên kết với cổ đông hiện hữu

##### **4.1.8.2.2. Các hoạt động đã triển khai trong năm**

- Định kì tổ chức các buổi gặp gỡ bộ phận phân tích các công ty chứng khoán trên thị trường để cập nhật tình hình kinh doanh, định hướng của doanh nghiệp và trực tiếp giải đáp những câu hỏi của các đội ngũ phân tích.
  - Gặp gỡ nhà đầu tư ngày 15/06/2018 cập nhật kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm, tổ chức tại Trụ sở công ty tại Cụm CN An Đồng, Nam Sách, Hải Dương
  - Gặp gỡ Nhà đầu tư ngày 10/10/2018 với nội dung cập nhật kết quả kinh doanh quý III/2018, nghị quyết trong ĐHĐCĐ bất thường tại Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát – Việt Hòa, thành phố Hải Dương
  - Gặp gỡ Nhà đầu tư ngày 16/1/2019 tại Hà Nội và ngày 21/1/2019 tại Hồ Chí Minh, nội dung cập nhật kết quả kinh doanh năm 2018, định hướng, kế hoạch kinh doanh 2019.
- Kịp thời trả lời các câu hỏi, cung cấp số liệu về công ty cho các bên quan tâm như đội ngũ phân tích, các nhà đầu tư nước ngoài, các cổ đông trong và ngoài nước,...
- Đón tiếp, gặp gỡ đại diện các quỹ đầu tư trong và ngoài nước đến thăm doanh nghiệp
- Xây dựng các Bản tin Nhà đầu tư hàng quý cập nhật về tình hình sản xuất kinh doanh, đầu tư,... đăng tải tại website [www.anphatplastic.com](http://www.anphatplastic.com) và gửi tới các cổ đông và nhà đầu tư qua email.
- Bộ phận Quan hệ Nhà đầu tư tiếp nhận những ý kiến, đóng góp của Nhà đầu tư và cổ đông qua email, điện thoại và kịp thời giải đáp những câu hỏi, quan tâm của Nhà đầu tư và Cổ đông dành cho Công ty.
- Thực hiện các nghĩa vụ cung cấp thông tin về ĐHĐCĐ, kết quả kinh doanh, cập nhật tình hình sản xuất kinh doanh, đầu tư cho các cổ đông nước ngoài
- Tham dự các Hội nghị đầu tư uy tín trong và ngoài nước
  - Asia Frontier Forum CLSA tại Colombo, Sri Lanka
  - Vietnam Investment Day – CTCP Chứng khoán Rồng Việt tổ chức tại Hongkong
  - Vietnam Emerging Market – CTCP Hồ Chí Minh tổ chức tại Hồ Chí Minh
  - Auerbach Grayson - 2018 Frontier & Emerging Markets Conference tại NewYork
  - Green Bonds – Environmental Finance tại Newyork, Mỹ
  - Green Equities – Environmental Finance tại London, Anh

## **4.2. Hoạt động của ĐHĐCĐ**

### **4.2.1. Quyền hạn và nhiệm vụ của ĐHĐCĐ**

Đại hội đồng cổ đông “ĐHĐCĐ” là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổ chức và giải thể Công ty, quyết định định hướng phát triển của Công ty, bổ nhiệm, miễn nhiệm các thành viên HĐQT, BKS và các quyền khác theo quy định của pháp luật.

#### 4.2.2. Hoạt động của ĐHĐCĐ trong năm 2018

Trong năm 2018, Công ty đã tổ chức 02 cuộc họp ĐHĐCĐ để xin ý kiến cổ đông về các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. Các trình tự, thủ tục thực hiện đầy đủ, đúng theo quy định hiện hành nhằm đảm bảo quyền và lợi ích tối đa cho các cổ đông.

#### Lịch trình triển khai tổ chức ĐHĐCĐ trong năm 2018

STT	Nội dung	ĐHĐCĐ thường niên	ĐHĐCĐ bất thường
1	Công bố thông tin về ngày chốt danh sách để tham dự Đại hội	- Ngày công bố thông tin: 25/12/2017 - Ngày đăng ký cuối cùng: 18/01/2018	- Ngày công bố thông tin: 29/08/2018 - Ngày đăng ký cuối cùng: 19/09/2018
2	Ngày gửi thư mời cho cổ đông bằng phương thức bảo đảm	- Ngày gửi thư mời: 26/01/2018	- Ngày gửi thư mời: 30/09/2018
3	Tài liệu ĐHĐCĐ công bố thông tin trong 10 ngày trước ngày tổ chức Đại hội	- Ngày đăng tài liệu tiếng Việt: 26/01/2018 - Ngày đăng tài liệu tiếng Anh: ngày 26/01/2018	- Ngày đăng tài liệu tiếng Việt: 28/09/2018 - Ngày đăng tài liệu tiếng Anh: ngày 28/09/2018
4	Ngày tổ chức Đại hội	Ngày 08/02/2018	Ngày 10/10/2018
5	Biên bản-Nghị quyết	- Ngày đăng tài liệu tiếng Việt: 08/02/2018 - Ngày đăng tài liệu tiếng Anh: ngày 08/02/2018	- Ngày đăng tài liệu tiếng Việt: 10/10/2018 - Ngày đăng tài liệu tiếng Anh: ngày 10/10/2018

#### Nội dung ĐHĐCĐ năm 2018 đã thông qua:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung thông qua
1	080201/2018/NQ-ĐHĐ	08/02/2018	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thông qua báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017.</li> </ul>

			<ul style="list-style-type: none"> <li>• Thông qua kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018.</li> <li>• Thông qua báo cáo hoạt động năm 2017 và Phương hướng hoạt động năm 2018 của HĐQT Công ty</li> <li>• Thông qua báo cáo hoạt động năm 2017 và Phương hướng hoạt động năm 2018 của BĐHCông ty</li> <li>• Thông qua Báo cáo thẩm định Báo cáo tài chính năm 2017, Báo cáo hoạt động năm 2017 và kế hoạch hoạt động năm 2018, Báo cáo tự đánh giá của BKS, Kiểm soát viên của BKS</li> <li>• Thông qua báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017</li> <li>• Thông qua mức thù lao của HĐQT và BKS năm 2018</li> <li>• Thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2017 và phương án dự kiến chi trả cổ tức năm 2018.</li> <li>• Thông qua việc duyệt chi các Quỹ được trích lập từ lợi nhuận năm 2016 sử dụng trong năm 2017 theo đề trình của HĐQT.</li> <li>• Thông qua phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động trong Công ty và phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành.</li> <li>• Thông qua việc bổ sung ngành nghề kinh doanh khác.</li> <li>• Thông qua việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT, BKS.</li> <li>• Thông qua việc sửa đổi Điều lệ</li> <li>• Thông qua quy chế quản trị nội bộ Công ty.</li> <li>• Các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.</li> </ul>
2	101001/2018/NQ - ĐHCĐ	10/10/2018	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Thông qua phương án phát hành trái phiếu kèm chứng quyền và phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán</li> <li>• Thông qua phương án chuyển địa điểm triển khai nhà máy 8</li> </ul>



### 4.3. Hoạt động của HĐQT

Trong năm 2018 HĐQT đã thực hiện tốt vai trò dẫn dắt trong việc chỉ đạo, xây dựng các mục tiêu, định hướng, chiến lược và kế hoạch kinh doanh năm 2018 với trọng tâm đảm bảo tăng trưởng và gia tăng lợi ích cho cổ đông, đảm bảo hài hòa lợi ích cho cổ đông và phát triển bền vững, nâng cao hiệu quả trong quản trị, điều hành doanh nghiệp, xây dựng và lan tỏa văn hóa doanh nghiệp, phát huy sức mạnh của tập thể.

#### 4.3.1. Quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT

HĐQT do ĐHĐCĐ bầu ra và là cơ quan quản trị cao nhất của Công ty, có đầy đủ quyền hạn để thay mặt ĐHĐCĐ quyết định và thực hiện các vấn đề liên quan tới mục tiêu và lợi ích của Công ty, ngoại trừ các vấn đề thuộc quyền hạn của ĐHĐCĐ.

Thực hiện chức năng và nhiệm vụ của HĐQT, trong năm 2018 HĐQT AAA đã giám sát, chỉ đạo các công việc thuộc thẩm quyền trong các lĩnh vực, cụ thể:

- Chỉ đạo công tác xây dựng, phê duyệt kế hoạch kinh doanh và chiến lược kinh doanh của Công ty
- Tổ chức ĐHĐCĐ thường niên và bất thường, báo cáo xin ý kiến ĐHĐCĐ về các vấn đề theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ
- Đưa ra định hướng, chỉ đạo giải quyết các công việc phát sinh trong hoạt động sản xuất kinh doanh
- Quản trị doanh nghiệp và công tác nhân sự cấp cao của Công ty
- Giám sát thường xuyên đối với hoạt động của BDH cũng như các bộ phận hỗ trợ, đảm bảo sự điều hành của BDH phù hợp với các quy định và chính sách của công ty.

#### 4.3.2. Cơ cấu tổ chức của HĐQT

HĐQT của Công ty gồm 5 thành viên trong đó có 2 thành viên HĐQT không điều hành và 1 thành viên độc lập HĐQT nhằm đảm bảo tính minh bạch và theo đúng quy định hiện hành cũng như thông lệ quốc tế.

Danh sách HĐQT tại ngày 31/12/2018 gồm các thành viên sau:

STT	Thành viên HĐQT	Chức danh	TV HĐQT	Chức danh TV HĐQT nắm giữ tại tổ chức khác
1	Phạm Ánh Dương	Chủ tịch HĐQT	Không điều hành	<b>02 Công ty, cụ thể:</b> <ul style="list-style-type: none"><li>• 03/2017 đến nay: Chủ tịch HĐQT CTCP Tập đoàn An Phát Holdings</li></ul>

				<ul style="list-style-type: none"> <li>10/2018 đến nay: Thành viên HĐQT CTCP An Tiên Industries</li> </ul>
2	Nguyễn Lê Trung	Ủy viên HĐQT	Điều hành	<b>01 Công ty, cụ thể:</b> Từ 03/2017 đến nay: Thành viên HĐQT CTCP Tập đoàn An Phát Holdings
3	Phạm Hoàng Việt	Ủy viên HĐQT	Không điều hành	<b>03 Công ty, cụ thể:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>03/2017 – đến nay: Thành viên HĐQT CTCP Tập đoàn An Phát Holdings</li> <li>03/2017 – đến nay: Chủ tịch HĐQT CTCP Sản xuất Tổng hợp An Thành</li> <li>02/2018 – đến nay: Thành viên HĐQT CTCP Liên vận An Tín</li> </ul>
4	Hòa Thị Thu Hà	Ủy viên HĐQT	Điều hành	Hiện không nắm giữ chức danh thuộc HĐQT của công ty khác
5	Đình Xuân Cường	Ủy viên HĐQT	Độc lập	<b>02 Công ty, cụ thể:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 03/2017 – đến nay: Thành viên HĐQT CTCP Tập đoàn An Phát Holdings.</li> <li>- 10/2018 đến nay: Chủ tịch HĐQT CTCP An Tiên Industries</li> </ul>

### 4.3.3. Hoạt động của HĐQT trong năm 2018

#### 4.3.3.1. Tổ chức họp định kỳ và bất thường nhằm đánh giá tình hình hoạt động và đưa ra các định hướng phát triển của AAA

Thực hiện quy định lại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trong năm 2018, HĐQT đã tiến hành 32 cuộc họp HĐQT nhằm bàn bạc, trao đổi, thống nhất và kịp thời đưa ra các chỉ đạo trong điều hành hoạt động của công ty.

Việc tổ chức các cuộc họp của HĐQT đảm bảo tuân thủ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Các thành viên HĐQT đã nghiêm túc tham dự trực tiếp các cuộc họp với tỷ lệ dự họp là 100%, cụ thể như sau:

#### Tỷ lệ tham dự họp của HĐQT

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu là Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
-----	-----------------	---------	---------------------------------	--------------------------	-------------------	-------------------------

1	Phạm Ánh Dương	Chủ tịch HĐQT (Thành viên HĐQT không điều hành)	09/03/2007	32/32	100%	
2	Nguyễn Lê Trung	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc (Thành viên HĐQT điều hành)	09/03/2007	32/32	100%	
3	Phạm Hoàng Việt	Thành viên HĐQT (Thành viên HĐQT không điều hành)	09/03/2007	32/32	100%	
4	Hòa Thị Thu Hà	Thành viên HĐQT kiêm PTGD phụ trách Tài chính – Kế toán (Thành viên HĐQT điều hành)	17/04/2010	32/32	100%	
5	Phạm Đình Ngu	Thành viên HĐQT (Thành viên độc lập HĐQT)	11/6/2012	4/4	100%	Miễn nhiệm từ ngày 08/2/2018
6	Đình Xuân Cường	Thành viên HĐQT (Thành viên độc lập HĐQT)	08/02/2018	28/28	100%	Bổ nhiệm từ ngày 08/2/2018

Trong năm HĐQT đã ban hành 19 nghị quyết, tập trung giải quyết các vấn đề trọng tâm sau:

- Chỉ đạo sát sao việc thực hiện nghị quyết của ĐHCĐ thường niên và bất thường năm 2018, kế hoạch kinh doanh 2018
- Chỉ đạo việc huy động nguồn vốn từ chào bán ra công chúng và phát hành trái phiếu kèm chứng quyền
- Kiện toàn nhân sự cấp cao của Công ty, hoàn thiện bộ máy nhân sự chủ chốt
- Chỉ đạo việc đầu tư góp vốn vào Công ty TNHH KCN Kỹ thuật cao An Phát
- Chỉ đạo việc xây dựng Quy chế quản trị Công ty

Các Nghị quyết được HĐQT thống nhất đưa ra tại các cuộc họp là những định hướng quan trọng giúp BDH công ty thực hiện nhiệm vụ kinh doanh 2018 một cách hiệu quả.

#### **Các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT trong năm 2018**

<b>TT</b>	<b>Số Nghị quyết/ Quyết định</b>	<b>Ngày</b>	<b>Nội dung</b>
1	2501/2018/NQ-HĐQT	25/01/2018	Tổ chức họp ĐHCĐ năm 2018

<b>TT</b>	<b>Số Nghị quyết/ Quyết định</b>	<b>Ngày</b>	<b>Nội dung</b>
2	080201/2018/QĐ-HĐQT	08/02/2018	Ban hành Quy chế quản trị Công ty
3	090202/2018/NQ-HĐQT	09/02/2018	Thông qua hồ sơ phát hành cổ phiếu
4	090201/2018/NQ-HĐQT	09/02/2018	Thông qua việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu, kế hoạch chi tiết việc sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu
5	010301/2018/QĐ-HĐQT	01/03/2018	Quyết định miễn nhiệm chức danh Phó Tổng giám đốc thường trực
6	010302/2018/QĐ-HĐQT	01/03/2018	Quyết định về việc Bổ nhiệm cán bộ quản lý
7	2103/2018/QĐ-AP	21/03/2018	Thành lập địa điểm kinh doanh
8	0204/2018/QĐ-HĐQT	02/04/2018	Quyết định HĐQT về việc bổ nhiệm cán bộ quản lý
9	1104/2018/NQ-HĐQT	11/04/2018	Nghị quyết về việc tăng vốn góp vào công ty TNHH KCN Kỹ thuật cao An Phát
10	1505/2018/NQ-HĐQT	15/05/2018	Phân phối lại cổ phiếu không chào bán hết trong đợt phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tăng vốn Điều lệ năm 2018
11	1605/2018/NQ-HĐQT	16/05/2018	Tăng vốn góp vào Công ty TNHH KCN Kỹ thuật cao An Phát
12	2105/2018/QĐ-AP	21/05/2018	Tăng vốn điều lệ, thay đổi đăng ký kinh doanh, sửa đổi điều lệ
13	280802/2018/NQ - HĐQT	28/08/2018	Thông qua tiêu chuẩn, danh sách người lao động được tham gia chương trình ESOP 2018 và thông qua việc triển khai thực hiện phương án phát hành ESOP 2018
14	290801/2018/NQ - HĐQT	29/08/2018	Thông qua việc chuẩn bị tổ chức họp ĐHCĐ bất thường năm 2018
15	2009/2018/NQ - HĐQT	20/09/2018	Thông qua việc tăng vốn và thay đổi đăng ký kinh doanh
16	092802/2018/NQ - HĐQT	28/09/2018	Thông qua thời gian, địa điểm họp và các văn kiện tài liệu họp ĐHCĐ bất thường năm 2018
17	101003/2018/NQ - HĐQT	10/10/2018	Thông qua phương án phát hành riêng lẻ chi tiết trái phiếu kèm chứng quyền
18	111502/2018/NQ - HĐQT	15/11/2018	Thông qua việc miễn nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc đối với Ông Bùi Minh Hải
19	122002/2018/NQ - HĐQT	20/12/2018	Thông qua việc nhận chuyển nhượng phần vốn góp tại Công ty TNHH KCN Kỹ thuật Cao An Phát

Ngoài các phiên họp định kỳ và bất thường, HĐQT còn thường xuyên giao ban công việc hàng tuần, hàng tháng để kiểm tra, đánh giá công việc của từng thành viên HĐQT và giám sát công tác điều hành. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT ban hành đều dựa trên sự thống nhất cao của các thành viên.

#### **4.3.3.2. HĐQT thực hiện tốt công tác chỉ đạo và giám sát BDH và các cán bộ quản lý**

HĐQT đã thường trực bám sát hoạt động hàng ngày và trên các lĩnh vực hoạt động của Công ty, trực tiếp chỉ đạo giám sát BDH và cán bộ quản lý triển khai thực hiện các nghị quyết ĐHĐCĐ và HĐQT trong các hoạt động sản xuất kinh doanh; định hướng chiến lược phát triển các dự án; chỉ đạo giám sát công tác huy động, quản lý và sử dụng nguồn vốn, quản lý chi phí; công tác đầu tư xây dựng, vận hành khai thác các dự án.... Các thành viên HĐQT thường xuyên làm việc thường trực hầu hết thời gian tại Công ty, trực tiếp giải quyết kịp thời nhiều công việc cấp bách, quan trọng trong tất cả các mảng hoạt động.

#### **4.3.3.3. HĐQT triển khai kịp thời, thực hiện nghiêm túc Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên và bất thường năm 2018**

HĐQT, BDH Công ty đã triển khai thực hiện nghiêm túc và hiệu quả các nội dung của Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên và ĐHĐCĐ bất thường năm 2018, cụ thể là:

- Thực hiện việc chi trả cổ tức năm 2017 bằng tiền mặt với tỷ lệ chi trả là 20%/mệnh giá cho cổ đông hiện hữu.
- Phát hành thành công 83.599.988 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu thu về 1.170.399.832.000 đồng, đầu tư nâng vốn sở hữu tại Công ty TNHH Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát để đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng và nhà xưởng trong khu Công Nghiệp kỹ thuật Cao An Phát (tên cũ là Khu Công Nghiệp Việt Hòa – Kenmark) và đầu tư dự án nhà máy sản xuất bao bì màng phức hợp (Nhà máy số 08).
- Phát hành 4.000.000 cổ phiếu ESOP cho CBCNV thu về 40.000.000 đồng bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, ghi nhận đóng góp của CBCNV trong quá trình công tác, tạo sự gắn bó giữa trách nhiệm và quyền lợi của CBCNV với quá trình phát triển của Công ty.
- Thực hiện bổ sung ngành nghề kinh doanh.
- Phát hành 400 tỷ trái phiếu kèm chứng quyền trong quý IV/2018, mục đích hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH KCN Kỹ thuật cao An Phát để tiếp tục đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng và nhà xưởng trong Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát.

#### **4.3.4. Hoạt động của Thành viên độc lập HĐQT**

Hiện tại cơ cấu thành viên HĐQT của AAA đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên kiêm điều hành, các thành viên không điều hành và thành viên độc lập, trong đó đảm bảo thực hiện quy định tối thiểu 1/3 số thành viên HĐQT là thành viên độc lập là ông Đinh Xuân Cường, 2/5 thành viên HĐQT không điều hành của Công ty là ông Phạm Ánh Dương và Ông Phạm Hoàng Việt. Việc tuân thủ đúng quy định về tỷ lệ thành viên độc lập và thành viên không điều hành giúp HĐQT có thể đưa ra các quyết định khách quan và độc lập các vấn đề, quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT.

Ông Đinh Xuân Cường hiện là Thành viên độc lập HĐQT của Công ty. Không chỉ tốt nghiệp tiến sỹ tài chính tại Pháp, ông còn có nhiều năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính – đầu tư tại nước ngoài và nhiều năm kinh nghiệm quản lý các doanh nghiệp trong nước. Từ ngày được bổ nhiệm, ông đã tham mưu trong các quyết định của HĐQT về các lĩnh vực quản trị tài chính doanh nghiệp, xây dựng cơ chế lương, thưởng, xây dựng cơ cấu nguồn vốn, đầu tư hiệu quả, xây dựng chiến lược điều hành, hỗ trợ công tác đối ngoại của HĐQT.

#### 4.4. Báo cáo của BKS

##### 4.4.1. Thành viên và cơ cấu BKS

STT	Thành viên	Chức vụ	Thời gian được bổ nhiệm
1	Nguyễn Thị Giang	Trưởng Ban	Tháng 3/2016
2	Nguyễn Thị Phương	Thành viên	Tháng 2/2018
3	Vũ Thị Lan Anh	Thành viên	Tháng 4/2009

BKS do ĐHCĐ bầu ra, hoạt động độc lập với HĐQT và BĐH. Các thành viên BKS Công ty là những người có kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán. Hiện tất cả các thành viên BKS Công ty đều là thành viên độc lập, không kiêm nhiệm chức danh điều hành nào tại Công ty để đảm bảo tính độc lập và khách quan trong hoạt động được giao phó.

##### 4.4.2. Hoạt động của BKS trong năm 2018

Trong năm 2018, BKS đã thực hiện các nhiệm vụ chính như sau:

- Tham gia đầy đủ các phiên họp HĐQT để nắm bắt tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình đầu tư và tham gia ý kiến, đưa ra các kiến nghị với HĐQT, BĐH Công ty trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình.
- Tổ chức các cuộc họp định kỳ hàng quý với đầy đủ các thành viên tham gia để tổng kết kết quả công việc đã thực hiện trong kỳ, lập kế hoạch thực hiện cho kỳ tiếp theo và gửi các ý kiến kiến nghị, góp ý tới HĐQT.
- Phối hợp chặt chẽ với HĐQT và BĐH theo sát việc ban hành và triển khai các Nghị quyết ĐHCĐ và HĐQT về các vấn đề đầu tư, phát hành cổ phiếu, trái phiếu huy động vốn, tình hình sử dụng vốn và phân chia cổ tức, thực hiện kế hoạch kinh doanh 2018
- Tham gia kiểm tra, giám sát hoạt động kiểm toán, kiểm soát nội bộ tại Công ty cùng các đơn vị thành viên, đảm bảo hoạt động bộ máy tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật và quy chế Quản trị của Công ty.
- Kiểm soát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của Công ty và các công ty thành viên đã niêm yết theo quy định của pháp luật.
- Soát xét, thẩm định các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan.

## Các phiên họp của BKS

Trong năm 2018, BKS đã tổ chức 04 phiên họp định kì, thông tin về tỷ lệ tham dự họp và nội dung biên bản họp như sau:

### Tỷ lệ tham dự họp

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu là Thành viên BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Bà Nguyễn Thị Giang	Trưởng BKS	19/3/2016	4/4	100%	
2	Bà Vũ Thị Minh Nguyệt	Ủy viên BKS	19/3/2016	1/1	100%	Miễn nhiệm từ ngày 08/2/2018
3	Bà Văn Thị Lan Anh	Ủy viên BKS	16/5/2009	4/4	100%	
4	Bà Nguyễn Thị Phương	Ủy viên BKS	08/2/2018	3/3	100%	Bỏ nhiệm từ ngày 08/2/2018

### Nội dung chính và kết quả các cuộc họp của BKS trong năm:

Phiên họp	Thành phần tham dự	Nội dung chính	Kết quả
25/01/2018	3/3	<p>Thẩm định báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh, Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017</p> <p>Thông qua báo cáo hoạt động của BKS năm 2017 trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018</p> <p>Báo cáo đánh giá công tác quản lý điều hành của HĐQT trình Đại hội đồng cổ đông thường niên</p> <p>Lựa chọn đơn vị kiểm toán để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018.</p>	<p>Các số liệu kế toán đảm bảo đầy đủ, khách quan, trung thực và chính xác với thực tế. Các số liệu đã thể hiện sự tăng trưởng, vượt kế hoạch ĐHCĐ đã đề ra và đạt mức cao nhất so với các năm trước</p> <p>Các nghị quyết và đề xuất được thực hiện theo đúng quy chế làm việc của HĐQT, các số liệu phục vụ kiểm toán được chuẩn bị đầy đủ.</p>
15/06/2018	3/3	<p>Đánh giá, xem xét tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ và các Nghị quyết của HĐQT trong quý II</p> <p>Kiểm tra các quy trình thực hiện và tuân thủ các quy định liên quan tới công bố thông tin.</p>	<p>Các phòng, ban nghiệp vụ và các đơn vị thành viên đã hoàn thành các nghị quyết của HĐQT ban hành trong quý II.</p>



10/07/2018	3/3	<p>Thảo luận nội bộ về kế hoạch kiểm tra, giám sát trong nửa cuối năm 2018</p> <p>Báo cáo về kết quả giám sát, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, trung thực, mức độ cần trọng trong công tác kế toán thống kê, lập báo cáo tài chính</p>	<p>Đánh giá tình hình triển khai công việc và đưa ra định hướng hoạt động kiểm tra giám sát trong 6 tháng cuối năm 2018.</p> <p>Công tác kế toán thống kê đảm bảo đầy đủ, trung thực. Các số liệu đảm bảo tính hợp lý, hợp pháp, đúng quy định của pháp luật, báo cáo tài chính định kỳ hàng quý và năm, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ đúng quy định, đảm bảo tính khách quan, trung thực, đúng với thực tế hoạt động kinh doanh của Công ty.</p>
15/12/2018	3/3	<p>Rà soát các nghị quyết HĐQT ban hành trong Quý III, Quý IV và đánh giá kết quả thực hiện</p> <p>Báo cáo kết quả kiểm tra việc thực thi các quy định của pháp luật về thuế, chính sách tiền lương, tiền thưởng, BHYT, BHXH, cổ tức;...</p>	<p>Các bộ phận liên quan đã thực hiện nghiêm túc các Quyết định của HĐQT, không để xảy ra sai sót</p> <p>Việc thực thi các quy định của pháp luật về thuế, chính sách tiền lương, tiền thưởng, BHYT, BHXH; cho người lao động và chi trả cổ tức cho cổ đông đều được thực thi đầy đủ, kịp thời, và nghiêm chỉnh.</p>

### **Báo cáo kết quả hoạt động của BKS**

- **Kết quả giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên/bất thường năm 2018**
  - Việc thực hiện các chỉ tiêu kinh doanh của Công ty: Với kết quả kinh doanh như đã nêu trên, năm 2018, chỉ tiêu về sản lượng sản xuất và doanh thu đều hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch đặt ra, do một vài yếu tố khách quan chỉ tiêu lợi nhuận chưa đạt kế hoạch đặt ra
  - Công ty đã hoàn thành việc chi trả cổ tức năm 2017 theo tỷ lệ 20% (2.000 đồng/cổ phiếu) với tổng số tiền đã chi trả là 155.024.976.000 đồng và sử dụng LNST năm 2017 để trích lập các quỹ theo đúng nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2018.
  - Công ty đã hoàn thành việc ban hành Điều lệ sửa đổi, bổ sung Công ty và bổ sung ngành nghề kinh doanh.
  - Công ty đã thực hiện việc phát hành tăng vốn cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1:1 và phát hành cổ phiếu ESOP cho CBCNV theo đúng phương án đã được ĐHĐCĐ thông qua.

- Công ty đã thực hiện việc phát hành 400 tỷ đồng trái phiếu kèm chứng quyền theo đúng phương án đã được ĐHĐCĐ bất thường năm 2018 thông qua ngày 10/10/2018 và giải ngân vốn theo đúng phương án sử dụng vốn đã được ĐHĐCĐ thông qua.

- **Kết quả giám sát HĐQT**

- HĐQT đã giám sát chặt chẽ các hoạt động của BDH trong hoạt động sản xuất kinh doanh, giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ đã đề ra và đã triển khai thực hiện toàn bộ các nghị quyết của ĐHĐCĐ.
- Năm 2018, HĐQT đã tiến hành 32 phiên họp, đã thông qua và ban hành 19 nghị quyết và quyết định thuộc thẩm quyền HĐQT. Các phiên họp của HĐQT có số thành viên tham dự đảm bảo theo đúng quy định. Số phiên họp của HĐQT đảm bảo theo đúng quy định tại điều lệ Công ty.
- Ban hành kịp thời các Nghị quyết sau khi có kết quả kiểm phiếu dưới hình thức lấy ý kiến biểu quyết bằng văn bản các thành viên thông qua tờ trình. Các nghị quyết của HĐQT được ban hành đúng chức năng, quyền hạn của HĐQT và phù hợp với chủ trương, Nghị quyết của ĐHĐCĐ và hoàn toàn tuân thủ luật doanh nghiệp cũng như các quy định khác của pháp luật.
- Trong công tác phối hợp với BKS: HĐQT tạo điều kiện thuận lợi để BKS hoàn thành nhiệm vụ. Các Tờ trình, Nghị quyết, biên bản kiểm phiếu biểu quyết của HĐQT đều được gửi tới BKS để tạo thuận lợi cho công tác của BKS.
- Các vấn đề quan trọng của Công ty đều được HĐQT lấy ý kiến bằng văn bản; việc bầu thành viên trong HĐQT đều được HĐQT xin ý kiến của ĐHĐCĐ theo đúng quy định.

- **Kết quả giám sát BDH**

Dưới sự chỉ đạo sát sao, kịp thời của HĐQT, trong năm 2018 BDH đã năng động, sáng tạo và nỗ lực trong việc lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên để đưa ra các giải pháp kinh doanh trên tinh thần chủ động sáng tạo, khắc phục khó khăn, quyết tâm thực hiện thắng lợi kế hoạch kinh doanh năm 2018 đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 thông qua và các nghị quyết, quyết định của HĐQT. BDH đã hoàn thành tốt vai trò điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty theo đúng các định hướng, chỉ đạo của HĐQT.

- **Kiểm soát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của Công ty và các công ty thành viên đã nghiêm yết theo quy định của pháp luật.**

- Công ty chấp hành tốt quy định về công bố thông tin đối với công ty chứng khoán niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh. Những người nội bộ thực hiện đầy đủ quy định về công bố thông tin khi giao dịch cổ phiếu AAA.
- Các báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng hàng quý, sáu tháng được công bố đúng thời hạn.
- **Kết quả thẩm định báo cáo tài chính và kết quả kinh doanh**
  - **Về thực hiện chế độ kế toán và BCTC:**
    - Các BCTC riêng của Công ty mẹ và BCTC hợp nhất năm 2018 đã lập trên cơ sở lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán, thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và tuân thủ các quy định, các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam.
    - Các BCTC riêng và BCTC hợp nhất năm 2018 đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính riêng và hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2018, kết quả hoạt động kinh doanh riêng, hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng, hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.
    - Các BCTC riêng và BCTC hợp nhất năm 2018 đã được trình bày rõ ràng các thông tin về các sự kiện trong năm tài chính 2018 theo đúng Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam. BCTC riêng và BCTC hợp nhất năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Vaco và không có ý kiến ngoại trừ của kiểm toán.
  - **Về số liệu và kết quả kinh doanh:**

Ban kiểm soát thống nhất về các số liệu đã được thể hiện trong báo cáo riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Vaco

Chỉ tiêu	TH 2017	KH 2018	TH 2018	Tỷ lệ TH/ KH 2018	Tăng trưởng
1. Sản lượng hợp nhất (tấn)	94.694	140.000	147.461	105%	56%
2. Tổng doanh thu	4.077	6.000	8.019	134%	97%
3. Lợi nhuận sau thuế	263	330	212	64%	-19%

Với kết quả kinh doanh năm 2018 như đã nêu ở trên, BKS có nhận xét như sau:

- Tổng doanh thu từ hoạt động kinh doanh năm 2018 là 8.019 tỷ đồng, bằng 197% năm 2017, đạt 134% kế hoạch đặt ra

- Lợi nhuận sau thuế đạt 212 tỷ đồng, bằng 80% năm 2017, đạt 64% kế hoạch đặt ra.
- Tổng tài sản tại thời điểm 31/12/2018 là 7.529 tỷ đồng, tăng 2.953 tỷ đồng, tương đương với mức tăng 64% so với cùng thời điểm năm 2017.
- Vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2018 là 2.980 tỷ đồng, tăng 1.355 tỷ đồng, tương đương với mức tăng 83% so với cùng thời điểm năm 2017. Vốn điều lệ là 1.712 tỷ đồng, thặng dư vốn cổ phần là 532,1 tỷ đồng, quỹ đầu tư phát triển là 57,8 tỷ đồng, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu là 13,2 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là 266 tỷ đồng
- **Đánh giá sự phối hợp giữa hoạt BKS với HĐQT, BDH và các cán bộ quản lý.**
  - BKS đã phối hợp tốt với HĐQT và BDH triển khai công tác kiểm tra, giám sát tại các đơn vị thành viên. Qua các cuộc kiểm tra, BKS thông báo kết quả công tác kiểm tra, giám sát với HĐQT, BDH để có những biện pháp xử lý kịp thời những vấn đề tồn tại nhằm nâng cao hiệu quả quản lý.
  - HĐQT Công ty đã cung cấp kịp thời, đầy đủ các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT cho BKS, BDH đã tạo điều kiện cho BKS trong việc thu thập các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty khi có yêu cầu. HĐQT Công ty, BKS, BDH và các cán bộ quản lý của Công ty đã có mối quan hệ phối hợp chặt chẽ trong công tác điều hành, quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh.

#### **4.4.3. Đề xuất và phương án hoạt động của BKS cho năm 2019**

##### **4.4.3.1. Đề xuất của BKS cho năm 2019**

BKS đề xuất các ý kiến sau cho năm 2018

- Hoàn thiện các yêu cầu về quản trị công ty theo Nghị định 71 và Thông tư 95
- Đánh giá và nghiên cứu kế hoạch triển khai hệ thống ERP để áp dụng đồng bộ toàn Công ty và các Công ty thành viên
- Bộ phận Tài chính kế toán làm việc sâu sát hơn với đơn vị kiểm toán và tư vấn thuế nhằm nâng cao hiệu quả công tác tài chính kế toán

##### **4.4.3.2. Kế hoạch hoạt động của BKS năm 2019**

- Tiếp tục triển khai các công việc rà soát, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty
- Làm việc với đơn vị kiểm toán độc lập trong việc kiểm toán Báo cáo tài chính; giám sát việc thực hiện nội dung đề nghị, góp ý của đơn vị kiểm toán
- Giám sát HĐQT và BDH trong việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ
- Thực hiện rà soát, kiểm tra, thẩm định các báo cáo tình hình kinh doanh và báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT để trình ĐHĐCĐ 2020
- Giám sát việc tuân thủ các quy trình, quy định, quy chế của Công ty và luật pháp.

- Theo dõi, kiến nghị những vấn đề còn thiếu sót về quy trình, quy chế, hoạt động kinh doanh của công ty

#### 4.5. Giao dịch & thù lao

##### 4.5.1. Các giao dịch của cổ đông nội bộ

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ/cổ đông lớn	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Thay đổi trong năm 2018		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng..)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Mua	Bán	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	
1	Ông Phạm Ánh Dương	Chủ tịch HĐQT	0	0	5.625.990	5.625.990	0	0	Mua và thực hiện quyền và bán cổ phiếu cho APH
2	Ông Nguyễn Lê Trung	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	1.700.000	2,03%	1.700.000	3.400.000	0	0	Mua và thực hiện quyền và bán cổ phiếu cho APH
3	Ông Phạm Hoàng Việt	Thành viên HĐQT	0	0	2.994.220	2.994.220	0	0	Mua và thực hiện quyền và bán cổ phiếu cho APH

4	CTCP An Phát Holdings	Người có liên quan của người nội bộ	26.648.465	31,9%	53.168.675	0	79.817.140	46,62%	Thực hiện quyền và mua cổ phiếu trên sàn
---	-----------------------	-------------------------------------	------------	-------	------------	---	------------	--------	--

#### 4.5.2. Giao dịch với các bên liên quan

STT	Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Giá trị giao dịch (đồng)
1	CTCP Sản xuất tổng hợp An Thành	Công ty liên kết	Bán hàng, cung cấp dịch vụ	1.166.474.292.075
2	CTCP An Tiến Industries	Công ty con	Bán hàng, cung cấp dịch vụ	63.187.236.548
3	AN THANH BICSOL SINGAPORE PTE. LTD.	Công ty liên kết	Bán hàng, cung cấp dịch vụ	227.466.940.650
4	Công ty TNHH khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát	Công ty con	Bán hàng, cung cấp dịch vụ	758.153.039
5	CTCP Nhựa Bao Bì An Vinh	Công ty liên kết	Bán hàng, cung cấp dịch vụ	3.780.455.366
6	CTCP VLXD công nghệ cao An Cường	Công ty liên kết	Bán hàng, cung cấp dịch vụ	207.107.864
7	CTCP An Phát Holdings	Công ty mẹ	Cung cấp dịch vụ	1.372.727.273
8	CTCP Liên Vận An Tín	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	464.545.454
9	AN THANH BICSOL SINGAPORE PTE. LTD.	Công ty liên kết	Mua hàng hóa dịch vụ	55.073.569.709
10	CTCP sản xuất tổng hợp An Thành	Công ty liên kết	Mua hàng hóa dịch vụ	156.977.236.203
11	CTCP Liên Vận An Tín	Công ty liên kết	Mua hàng hóa dịch vụ	54.922.699.356
12	CTCP An Tiến Industries	Công ty con	Mua hàng hóa dịch vụ	94.626.501.745

13	CTCP Nhựa Bao Bì An Vinh	Công ty liên kết	Mua hàng hóa dịch vụ	45.794.949.093
14	CTCP An Phát Holdings	Công ty mẹ	Mua hàng hóa dịch vụ	1.644.398.577
15	CTCP VLXD công nghệ cao An Cường	Công ty liên kết	Mua hàng hóa dịch vụ	168.579.400
16	Công ty TNHH KCN Kỹ thuật cao An Phát	Công ty con	Hợp tác kinh doanh	355.565.000.000
17	Công ty TNHH KCN Kỹ thuật cao An Phát	Công ty con	Góp vốn	810.000.000.000

### 4.5.3. Thù lao của HĐQT, BKS, BDH

#### 4.5.3.1. Nguyên tắc chi trả thù lao của HĐQT, BKS và BDH:

Việc chi trả thù lao hàng tháng cho các thành viên HĐQT, BKS, BDH tuân thủ theo định mức quy định tại Điều lệ Công ty về chế độ thù lao, tiền thưởng và các chi phí hoạt động, đồng thời được ĐHCĐ thông qua tại mỗi kỳ ĐHCĐ thường niên và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan.

#### 4.5.3.2. Thù lao chi trả cho HĐQT, BKS và BDH năm 2018:

Trong năm 2018 số lượng thành viên của HĐQT và lần lượt là 5 thành viên HĐQT và 3 thành viên BKS.

Họ và tên	Chức vụ	Thù lao	Lương	Thưởng	Các khoản chi trả khác
Ông Phạm Ánh Dương	Chủ tịch HĐQT	180.000.000	-	-	1.000.000
Ông Nguyễn Lê Trung	Phó Chủ tịch HĐQT Tổng Giám đốc	120.000.000	465.805.424	-	1.000.000
Ông Phạm Hoàng Việt	Thành viên HĐQT	120.000.000		-	-
Bà Hòa Thị Thu Hà	Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc phụ trách TC - KT	120.000.000	246.158.399	-	16.000.000
Ông Đinh Xuân Cường	Thành viên HĐQT	100.000.000	-	-	-
Ông Phạm Đình Ngu	Thành viên HĐQT	20.000.000	-	-	-
Bà Nguyễn Thị Giang	Trưởng BKS	120.000.000	-	-	-
Bà Văn Thị Lan Anh	Thành viên BKS	72.000.000	-	-	-
Bà Nguyễn Thị Phượng	Thành viên BKS	60.000.000	-	-	-
Bà Vũ Thị Minh Nguyệt	Thành viên BKS	12.000.000	-	-	-
Bà Trần Thị Thoàn	Phó Tổng giám đốc thường trực	-	495.518.842	-	56.250.000



Bà Đặng Thị Quỳnh Phương	Phó Tổng Giám đốc phụ trách kinh doanh	-	389.283.246	-	57.407.800
Nguyễn Thị Thùy Vân	Kế toán trưởng	-	120.505.681	-	-

Tổng mức thù lao của thành viên HĐQT và thành viên BKS của Công ty được ĐHCĐ thường niên tháng 2 năm 2018 của Công ty phê duyệt như sau:

- Tổng mức thù lao HĐQT: 660.000.000 đồng.
- Tổng mức thù lao BKS: 264.000.000 đồng.

Thù lao, lương, thưởng và các khoản lợi ích chi trả cho tất cả các thành viên HĐQT và thành viên BKS; BDH trong năm 2018:

- Thù lao chi trả cho tất cả các thành viên HĐQT: 660.000.000 đồng và phù hợp với Nghị quyết ĐHCĐ thường niên 2018.
- Thù lao chi trả cho tất cả các thành viên BKS: 264.000.000 đồng và phù hợp với Nghị quyết ĐHCĐ thường niên 2018
- BDH hưởng lương, thưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng lao động và không có chế độ thù lao.

#### **4.5.4. Các chế độ đãi ngộ khác đối với thành viên HĐQT, BKS và BDH:**

Ngoài các khoản tiền lương và thù lao, các thành viên HĐQT; BKS, BDH còn được hưởng các chế độ đãi ngộ khác như:

- Kiểm tra sức khỏe định kỳ: Thành viên HĐQT, BKS; BDH và người thân được kiểm tra sức khỏe định kỳ mỗi năm hai lần theo gói khám sức khỏe đặc biệt tại phòng khám đa khoa VIP 12. Chi phí khám sức khỏe do Công ty thanh toán theo chi phí phát sinh thực tế.
- Bảo hiểm sức khỏe: Ngoài các chế độ bảo hiểm được hưởng theo đúng quy định của pháp luật, các thành viên HĐQT, BKS và BDH được hưởng gói Bảo hiểm sức khỏe cho bản thân và người thân do Công ty chi trả.
- Phụ cấp điện thoại di động: mỗi thành viên HĐQT; BKS; BDH được Công ty thanh toán cước điện thoại di động theo chi phí phát sinh thực tế do có thể sử dụng điện thoại cá nhân để phục vụ cho công việc.

- Ưu đãi khi sử dụng dịch vụ của các Công ty thành viên: thành viên HĐQT; BKS, BDH được miễn phí hoặc giảm giá khi sử dụng các dịch vụ của các Công ty thành viên trong Tập đoàn.
- Chế độ đi công tác: thành viên HĐQT; BKS và BDH đi công tác đường hàng không được sử dụng hạng thương gia, có xe ô tô riêng đưa đón tại sân bay và phục vụ công việc. Thành viên HĐQT; BKS và BDH được thanh toán công tác phí theo chi phí phát sinh thực tế phù hợp với nội dung công việc

#### **4.6. Quản trị rủi ro**

##### **Mục đích Quản trị rủi ro**

Tại An Phát, quản trị rủi ro được xem là công cụ quan trọng để đảm bảo quản trị hiệu quả và quản trị phát triển bền vững của doanh nghiệp. Do đó, HĐQT và BDH Công ty đã đầu tư nghiêm túc vào xây dựng văn hóa tuân thủ & quản trị rủi ro, hướng đến các mục tiêu sau:

- Xây dựng khuôn khổ nhằm giúp doanh nghiệp thực hiện kế hoạch tương lai có tính nhất quán và có thể kiểm soát;
- Tăng cường năng lực trong việc đưa ra những chỉ đạo chiến lược, quyết định kinh doanh trên cơ sở hiểu biết thấu đáo và chặt chẽ về hoạt động kinh doanh, môi trường kinh doanh, cơ hội và thách thức của doanh nghiệp;
- Góp phần phân bổ và sử dụng hiệu quả những nguồn lực trong doanh nghiệp;
- Giảm thiểu những sai sót trong mọi khía cạnh của doanh nghiệp;
- Bảo vệ và tăng cường tài sản cũng như hình ảnh của doanh nghiệp;
- Tối ưu hóa hiệu quả hoạt động.

##### **Văn hóa tuân thủ và đạo đức nghề nghiệp là nền tảng cốt lõi của quản trị rủi ro doanh nghiệp**

Một điểm đặc thù trong quản trị rủi ro của An Phát đó là đạo đức nghề nghiệp và văn hóa tuân thủ được xác định là nền tảng cốt lõi của quản trị rủi ro doanh nghiệp. Khi đạo đức nghề nghiệp và văn hóa tuân thủ được lan tỏa và thực thi sâu rộng, quản trị rủi ro được thấm nhuần và thực thi trong sự thấu hiểu, hiệu quả của quản trị rủi ro sẽ được đảm bảo. Dưới sự chỉ đạo của HĐQT và BDH, công tác truyền thông thực hiện thường xuyên, trên các giao diện khác nhau nhằm nâng cao nhận thức của tất cả các cán bộ công nhân viên về các chính sách, quy định, lợi ích của tuân thủ và các việc cần làm hay nên tránh. Mọi nhân viên của An Phát thấu hiểu việc nắm rõ các rủi ro phát sinh và các phương thức, công cụ để kiểm soát các rủi ro là cách duy nhất để An Phát phát triển bền vững và đạt được các mục tiêu chiến lược.

An Phát nghiêm túc tuân thủ các quy định pháp luật và luôn hướng tới áp dụng các chuẩn mực tiêu chuẩn quốc tế tốt nhất trong việc xây dựng mô hình, cấu trúc và chính sách quản trị rủi ro. HĐQT và BĐH cũng tăng cường sử dụng công nghệ trong công tác quản lý, đề cao đồng bộ hóa hệ thống và sự kết dính chặt chẽ giữa các tuyến hỗ trợ để nâng cao hiệu quả trong công tác tuân thủ và quản trị rủi ro, làm tiền đề triển khai chiến lược dài hạn của doanh nghiệp.

### Phương pháp xây dựng quy trình quản trị rủi ro



### Nhận diện rủi ro

Tên rủi ro	Đánh giá
Rủi ro thị trường	Cao
Rủi ro về nguyên vật liệu	Cao
Rủi ro về nguồn nhân lực	Cao
Rủi ro về chiến lược	Trung bình
Rủi ro về tỷ giá	Trung bình
Rủi ro về lãi suất	Trung bình
Rủi ro về an ninh thông tin	Thấp
Rủi ro về chính sách, pháp luật	Thấp
Rủi ro môi trường	Thấp
Các rủi ro khác	Thấp

### Phân tích rủi ro và biện pháp quản trị rủi ro

STT	Tên rủi ro	Mô tả	Biện pháp kiểm soát
1	Rủi ro về chiến lược	Chiến lược của Công ty không phù hợp với thời đại; không bắt xu hướng thị trường hoặc không xây	<ul style="list-style-type: none"> <li>HĐQT đã xây dựng chiến lược dài hạn, trung hạn và ngắn hạn, BĐH nắm bắt và phổ biến cho các phòng ban, bộ phận nắm được định hướng phát triển của doanh nghiệp.</li> </ul>

		<p>dựng được mục tiêu phát triển lâu dài của công ty</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• HĐQT và BDH xác định các nguồn lực cốt lõi để thực hiện mục tiêu, xây dựng kế hoạch hiện thực hóa, theo dõi và giám sát tiến độ thực hiện các mục tiêu chiến lược đã vạch ra.</li> <li>• HĐQT và BDH dự báo biến động và kịp thời điều chỉnh mục tiêu ngắn hạn theo tình hình thực tế</li> </ul>
2	Rủi ro thị trường	<ul style="list-style-type: none"> <li>○ Giảm thị phần và có nguy cơ bị bắt kịp bởi các đối thủ</li> <li>○ Cách mạng công nghiệp 4.0 tác động mạnh mẽ đến doanh nghiệp trên nhiều lĩnh vực với gia tăng tự động hóa, sức ép cạnh tranh trong và ngoài nước ngày càng cao trước yêu cầu của người tiêu dùng</li> <li>○ Những quan ngại về môi trường về rác thải nhựa có thể khiến người tiêu dùng hạn chế lượng bao bì nhựa sử dụng, gây ảnh hưởng đến tình hình kinh doanh của công ty</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Xây dựng bộ phận Phân tích dự báo thực hiện nhiệm vụ phân tích, nghiên cứu nhu cầu thị trường, dự báo các xu hướng về sản phẩm, các biến động trong ngành để từ đó có hoạch kế hoạch hành động và phản ứng phù hợp.</li> <li>• Phát triển các sản phẩm nhựa thân thiện với môi trường, đón đầu xu hướng tiêu dùng xanh của thế giới.</li> <li>• Bộ phận R&amp;D nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới, chất lượng cao, đưa ra các sáng kiến cải tiến sản xuất, nâng cao năng suất lao động, tạo lợi thế cạnh tranh cho công ty</li> <li>• Nâng cao hiệu quả hoạt động của các kênh phân phối, tiếp tục mở rộng mạng lưới phân phối, kết hợp các kênh truyền thống và hiện đại.</li> </ul>
3	Rủi ro về nguyên liệu	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Giá nguyên vật liệu biến động bất thường, gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh</li> <li>• Không kịp thời cung cấp nguyên vật liệu cho sản xuất, quá trình sản xuất bị gián đoạn.</li> <li>• Các nguyên vật liệu chất lượng thấp, không đáp ứng nhu cầu, không thể đưa vào sản xuất, ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Theo dõi chặt chẽ giá hàng hóa thông qua Phòng mua hàng, bộ phận sản xuất và báo cáo BDH định kỳ</li> <li>• Công ty áp dụng chính sách bán hàng linh hoạt, với cơ chế báo giá bán xác định theo công thức giá nguyên vật liệu cập nhật trên thị trường</li> <li>• Hạn chế tồn kho nguyên vật liệu tuy nhiên vẫn đảm bảo cân đối với kế hoạch sản xuất</li> <li>• Đa dạng hóa các nhà cung cấp để đảm bảo chất lượng và giá cả cạnh tranh</li> </ul>

			<ul style="list-style-type: none"> <li>• Thường xuyên đánh giá, kiểm tra chất lượng nguyên vật liệu và nhà cung cấp</li> </ul>
4	Rủi ro về nguồn nhân lực	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Không đủ số lao động đáp ứng cho các kế hoạch phát triển của công ty, nhân sự biến động nhiều dẫn đến những khó khăn trong tổ chức nhân sự theo kế hoạch sản xuất</li> <li>• Chất lượng nguồn nhân lực không đáp ứng được yêu cầu phát triển của công ty và thị trường</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Chú trọng công tác quản trị nhân sự để đảm bảo duy trì nguồn nhân lực chất lượng cao với độ linh hoạt trong tổ chức, tối ưu hóa chi phí vận hành</li> <li>• Lập kế hoạch tuyển dụng cụ thể cho từng giai đoạn &amp; xây dựng đội ngũ dự bị cho các vị trí quan trọng trong sản xuất.</li> <li>• Tổ chức đào tạo cho CBCNV trước khi đưa vào sản xuất &amp; định kỳ tổ chức sát hạch, kiểm tra để đảm bảo năng lực làm việc.</li> <li>• Xây dựng kế hoạch đào tạo tổ chức tập huấn, cử CBCNV sang học tập tại nước ngoài</li> <li>• Xây dựng và phát triển môi trường làm việc ổn định, thân thiện với CBCNV, xây dựng cơ chế lương thưởng, phúc lợi tốt cho CBCNV.</li> </ul>
5	Rủi ro về an ninh thông tin	Các rủi ro về gián đoạn hệ thống, vấn đề bảo mật thông tin, các tội phạm mạng công nghệ tấn công	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Áp dụng các biện pháp đảm bảo an ninh thông tin của Công ty trong cả khối sản xuất và khối văn phòng</li> <li>• Thường xuyên cập nhật các công cụ bảo vệ cho hệ thống thông tin của công ty.</li> </ul>
6	Rủi ro về tỷ giá	Biến động mạnh của tỷ giá ảnh hưởng đến các hoạt động xuất khẩu hàng bán, nhập khẩu nguyên vật liệu, chi phí tài chính của Công ty	<ul style="list-style-type: none"> <li>• BDH theo dõi sát sao các yếu tố có thể tạo nên biến động về tỷ giá như kinh tế, tài chính trong và ngoài nước</li> <li>• Chủ động phòng ngừa thông qua chính sách điều chỉnh nguồn thu xuất khẩu, tín dụng thương mại...Các bộ phận liên quan xây dựng kế hoạch xuất nhập khẩu được tính toán</li> </ul>

			<p>kỹ lưỡng về thời gian thực hiện và thời gian thanh toán để hạn chế rủi ro đến mức thấp nhất</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• BĐH nghiên cứu tính khả thi và triển khai các công cụ phòng vệ</li> </ul>
7	Rủi ro về lãi suất	Rủi ro tín dụng và lãi suất của Công ty chủ yếu là ảnh hưởng đến khoản tiền gửi ngân hàng, phải thu khách hàng và nợ vay.	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Bộ phận tài chính thực hiện theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan bao gồm thị trường tài chính và tiền tệ trong nước và quốc tế</li> <li>• Công ty luôn lập kế hoạch vay và chi trả cụ thể cho từng khoản, đồng thời tìm và tận dụng các khoản vay dài hạn với lãi suất ưu đãi, kiểm soát dòng tiền hợp lý</li> <li>• Sử dụng đòn bẩy tài chính thận trọng,</li> </ul>
8	Rủi ro về chính sách, pháp luật	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Luật pháp và các văn bản pháp luật, quy định ngành, quy định về thuế quan thường xuyên thay đổi, chưa đồng bộ nên có tác động đến kết quả kinh doanh và định hướng của Công ty</li> <li>• Có thể xảy ra nguy cơ bị kiện tụng, tranh chấp, bồi thường nếu công ty không thường xuyên cập nhật các quy định về pháp luật</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Tuân thủ theo các quy định, chính sách của Nhà nước.</li> <li>• Thường xuyên theo dõi, cập nhật những thay đổi trong pháp luật, chính sách của từng bộ phận, phòng ban chuyên môn</li> <li>• Rà soát 100% hồ sơ, hợp đồng được ký kết</li> <li>• Bộ phận Thư ký tư vấn tham mưu cho HĐQT và các đơn vị thành viên về các dự án đầu tư, thỏa thuận hợp tác kí kết</li> </ul>
9	Rủi ro môi trường	Công ty có thể gây ảnh hưởng xấu đến môi trường xung quanh qua các nguồn nước thải, chất thải trong quá trình vận hành sản xuất	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Tuân thủ các quy định của pháp luật về hoạt động bảo vệ môi trường, không để xảy ra sai phạm trong quá trình hoạt động</li> <li>• Áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế về quản lý môi trường như ISO 14001 để kịp thời phát hiện và kiểm soát các rủi ro về môi trường có thể xảy ra</li> <li>• Bộ phận chuyên trách thực hiện kiểm soát tuân thủ về vấn đề môi trường, báo cáo thường xuyên về mức độ tuân thủ và tính hiệu quả trong hoạt động</li> </ul>

10	Các rủi ro khác	Các rủi ro bất khả kháng như động đất, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh... đều gây ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động của Công ty	Công ty đã mua các loại bảo hiểm vật chất cho các nhà máy, dự án, hàng hóa.
----	-----------------	---	---

#### 4.7.Đánh giá tình hình thực hiện Quản trị công ty dựa trên Thẻ điểm Quản trị công ty

STT	Phần	Tiêu chí	Phản trả lời	Đánh giá và định hướng hành động
<b>QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG VÀ ĐỐI XỬ CÔNG BẰNG VỚI CỔ ĐÔNG</b>				
1	A	Công ty có áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tốt nhất, bao gồm hướng dẫn cổ đông biểu quyết thông qua họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác?	Chưa áp dụng	Công ty sẽ nghiên cứu và phân đầu đến năm 2020 sẽ đưa vào áp dụng
2	A	Công ty có quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty về thủ tục ủy quyền và lập giấy ủy quyền cho các cổ đông và hướng dẫn cổ đông thực hiện việc ủy quyền đại diện tham gia ĐHĐCĐ không?	Có	AAA thực hiện tốt nội dung này. Ngoài việc quy định chi tiết trong quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Điều lệ Công ty, Công ty còn thể hiện chi tiết trong thư mời họp, giấy ủy quyền được gửi kèm theo thư mời gửi trực tiếp tới các cổ đông và được đăng tải đầy đủ trên website Công ty
3	A	Công ty có công bố và sử dụng tài liệu họp ĐHĐCĐ, bao gồm thư mời họp bằng tiếng Anh không?	Có	AAA thực hiện tốt nội dung này
4	A	Công ty có công bố đã bổ nhiệm một bên độc lập (kiểm tra, giám sát viên) tham gia Ban kiểm phiếu bầu tại ĐHĐCĐ không?	Không	Bắt đầu từ cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 Công ty sẽ áp dụng
5	A	Công ty có xây dựng và công bố chính sách liên quan đến việc khiếu nại của cổ đông không?	Có	Điều 56 Điều lệ Công ty
6	A	Có bằng chứng cho thấy đại hội đồng cổ đông có thông qua thù lao hoặc lương thưởng, chi phí, các khoản lợi ích do công ty thanh toán cho từng thành viên HĐQT không?	Có	ĐHĐCĐ thường niên hàng năm Công ty đều thông qua mức thù lao của từng thành viên HĐQT, BKS
<b>ĐẢM BẢO VAI TRÒ CỦA CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN</b>				
7	B	Công ty có công bố Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội ?	Có	Bắt đầu thực hiện từ năm 2019 và được thể hiện trong báo cáo thường niên và Báo cáo phát triển bền vững năm 2018
8	B	Công ty có lập và công bố Báo cáo PTBV được quốc tế công nhận (theo tiêu chuẩn GRI, Báo cáo Tích hợp, SASB )?	Có	Bắt đầu thực hiện từ năm 2019



9	B	Công ty có công bố chính sách và các thực hành nhằm bảo vệ quyền lợi khách hàng?	Có	
10	B	Công ty có công bố rõ ràng chính sách và thực hành về sức khỏe, an toàn, và phúc lợi cho nhân viên?	Có	AAA thực hiện rất tốt nội dung này
11	B	Công ty có công bố rõ ràng chính sách và thực hành về các chương trình đào tạo và phát triển cho nhân viên?	Có	AAA thực hiện rất tốt nội dung này
12	B	Công ty có chính sách khen thưởng gắn với hiệu quả hoạt động của công ty trong dài hạn hơn là trong ngắn hạn?	Có	Hàng năm Công ty đều phát hành cổ phiếu ESOP cho CBNV
13	B	Công ty có cung cấp thông tin liên hệ trên website của công ty hay Báo cáo Thường niên để các bên có quyền lợi liên quan (vd: khách hàng, nhà cung cấp, công chúng...) có thể sử dụng để lên tiếng về lo ngại và/hoặc khiếu kiện về những vi phạm có thể xảy ra đối với quyền lợi của họ?	Có	
14	C	Công ty có công bố tính độc lập của thành viên HĐQT không?	Có	
15	C	Tiền lương của Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác có được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của công ty và được báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên không?	Có	
16	C	Báo cáo thường niên có công bố lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí do công ty thanh toán cho từng thành viên trong HĐQT, BKS, BDH/ Tổng Giám đốc không?	Có	
17	C	Công ty có công bố phí kiểm toán không?	Có	
18	C	Website Công ty có công bố giao dịch cổ phiếu của công ty do người người nội bộ của công ty thực hiện?	Có	
19	C	Công ty có công bố chính sách về rà soát và phê duyệt GDBLQ trọng yếu/quan trọng?	Có	
<b>TRÁCH NHIỆM CỦA HĐQT VÀ BKS</b>				
20	D	Cơ cấu HĐQT có đa dạng về kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của công ty không?	Có	
21	D	Cơ cấu HĐQT có đa dạng về giới không?	Có	
22	D	HĐQT của công ty có đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên HĐQT là thành viên độc lập không?	Có	
23	D	HĐQT có bổ nhiệm/ chỉ định ít nhất 1 người làm Người phụ trách quản trị công ty hay không?	Có	

24	D	Báo cáo đánh giá về hoạt động của HĐQT năm có phải do Thành viên Độc lập đánh giá không?	Có	
25	D	Công ty có thành lập các tiểu ban sau: tiểu ban chính sách phát triển, tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng không?	Không	Công ty chưa thành lập tiểu ban trực thuộc
26	D	Các tiểu ban trực thuộc HĐQT có phải do Thành viên độc lập làm trưởng ban không?	Không	Cac
27	D	Công ty có chính sách giới hạn về số năm đương nhiệm của thành viên HĐQT không?	Không	
28	D	Trưởng BKS phải là người có nghiệp vụ về kế toán và kiểm toán và phải làm việc chuyên trách tại công ty không? <i>Trường hợp công ty đại chúng hoạt động theo mô hình quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Luật doanh nghiệp</i>	Có	
29	D	Công ty có ban hành và công bố Bộ quy tắc ứng xử/Đạo đức không?	Có	
30	D	Chủ tịch HĐQT không kiêm nhiệm Tổng Giám đốc?	Không kiêm nhiệm	
31	D	Chủ tịch có phải là thành viên HĐQT độc lập?	Không	Chủ tịch HĐQT là thành viên HĐQT không điều hành
32	D	Thành viên HĐQT có tham gia các khóa đào tạo về Quản trị công ty không?	Có	

## **5. Báo cáo phát triển bền vững**

### **5.1. Thông điệp Tổng Giám đốc**

Kính thưa Quý cổ đông và các bên liên quan!

Là người sáng lập, thành viên HĐQT và Tổng Giám đốc Công ty, tôi tự hào về lịch sử của An Phát. Chúng tôi biết rằng bước tiến của doanh nghiệp hoàn toàn phụ thuộc vào sự thịnh vượng của cộng đồng mà chúng tôi phục vụ. Vì lẽ đó, ngay từ ngày đầu thành lập, An Phát đã nỗ lực không ngừng để đem lại giá trị tích cực cho cổ đông và tất cả các bên hữu quan – từ những người con trong gia đình An Phát đến những bạn hàng, đối tác thân quen và cộng đồng xã hội.

Phát triển bền vững được xác định là một ưu tiên của Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành Công ty. Chúng tôi tin rằng phát triển bền vững không hề tách rời khỏi hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mà thực sự bắt nguồn từ cách doanh nghiệp vận hành. Trong chiến lược phát triển dài hạn của An Phát, các mục tiêu về phát triển bền vững sẽ góp phần làm gia tăng giá trị doanh nghiệp, đồng thời đóng góp cho việc xây dựng một xã hội tốt đẹp, văn minh.

Ngày hôm nay, phát triển bền vững đã trở thành cuộc hành trình của tất cả CBCNV của gia đình An Phát. Chúng tôi hiểu rằng dù còn nhiều khó khăn thử thách, chúng tôi vẫn sẽ không ngừng tiến bước trên cuộc hành trình phát triển bền vững, cùng với những người bạn đồng hành, nỗ lực hết mình kiến tạo tương lai xanh cho nhân loại.

Chúng tôi chưa hài lòng khi những đóng góp cho cộng đồng chỉ đến từ giá trị kinh tế được tạo ra trong quá trình sản xuất kinh doanh. Chúng tôi nỗ lực tạo ra những giá trị khác biệt cho cộng đồng xã hội, góp phần xây dựng một lối sống xanh, tiêu dùng xanh, dựng xây thế giới xanh cho tương lai. Điều này đòi hỏi tư duy mới, con đường mới để phát triển bền vững và sáng tạo giá trị. Và Hội đồng quản trị sẽ cam kết làm hết sức mình để đảm bảo An Phát sẽ tiếp tục tiến bước trên hành trình phát triển bền vững.

Thay mặt Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành, tôi xin chân thành cảm ơn những quan tâm của Quý vị dành cho Công ty!

**Tổng Giám đốc**

*Đã kí*

**Nguyễn Lê Trung**

## 5.2. Thông tin chung về báo cáo

- Mục tiêu của báo cáo: Báo cáo đưa ra đánh giá liên quan đến các vấn đề phát triển bền vững của AAA trong năm 2018. Dựa trên tầm nhìn, định hướng phát triển và chiến lược kinh doanh, Báo cáo đưa ra các vấn đề trọng yếu của AAA có tác động đáng kể đến kinh tế, xã hội, môi trường. Báo cáo Phát triển bền vững của AAA là một phần quan trọng trong Báo cáo Thường niên, giúp nhà đầu tư, cổ đông và các bên hữu quan tiếp cận các thông tin về chiến lược phát triển, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty ở khía cạnh phát triển bền vững
- Cách thức xây dựng nội dung báo cáo: Báo cáo Phát triển bền vững được lập thành 01 Báo cáo độc lập dựa theo bộ tiêu chuẩn mới nhất GRI Sustainability Reporting Standards của Tổ chức sáng kiến toàn cầu (GRI) được trình bày cụ thể cho từng lĩnh vực theo các danh mục Kinh tế - Xã hội – Môi trường, tham khảo tài liệu Hướng dẫn công bố thông tin về Môi trường & Xã hội do UBCKNN phối hợp với Tổ chức IFC thực hiện. Đồng thời báo cáo cũng quy chiếu chiến lược phát triển của Công ty với 17 mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc đến năm 2030.
- Thời gian thực hiện báo cáo: 1/1/2018 – 31/12/2018
- Ngày báo cáo gần nhất: 31/12/2017
- Chu kì báo cáo: thường niên
- Phạm vi báo cáo: Báo cáo được lập trong phạm vi hoạt động của CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát về lĩnh vực sản xuất và kinh doanh bao bì nhựa, nguyên vật liệu ngành nhựa.
- Thông tin liên hệ:

AAA đang nỗ lực hết mình để đáp ứng kỳ vọng của các bên liên quan đối với minh bạch thông tin, tăng trưởng bền vững trong kinh doanh, thể hiện trách nhiệm của doanh nghiệp với xã hội. Do đó chúng tôi rất mong nhận được những đóng góp ý kiến của Quý vị. Mọi ý kiến đóng góp liên quan đến vấn đề phát triển bền vững, xin Quý vị vui lòng gửi về địa chỉ:  
Nguyễn Thị Tiệp  
Trưởng Ban Thư ký  
Email: [tiennt@anphatplastic.com](mailto:tiennt@anphatplastic.com)  
Số điện thoại: +84 912 808 885

### 5.3. Định hướng phát triển bền vững

#### Các tác động của AAA liên quan đến phát triển bền vững

Việc đánh giá tác động từ các hoạt động của AAA lên 03 yếu tố: kinh tế, xã hội và môi trường sẽ giúp AAA xác định được vai trò, trách nhiệm và các hành động cần thiết để đảm bảo sự phát triển bền vững của Công ty và đóng góp xây dựng cộng đồng và xã hội.

- Tác động đối với nền kinh tế:

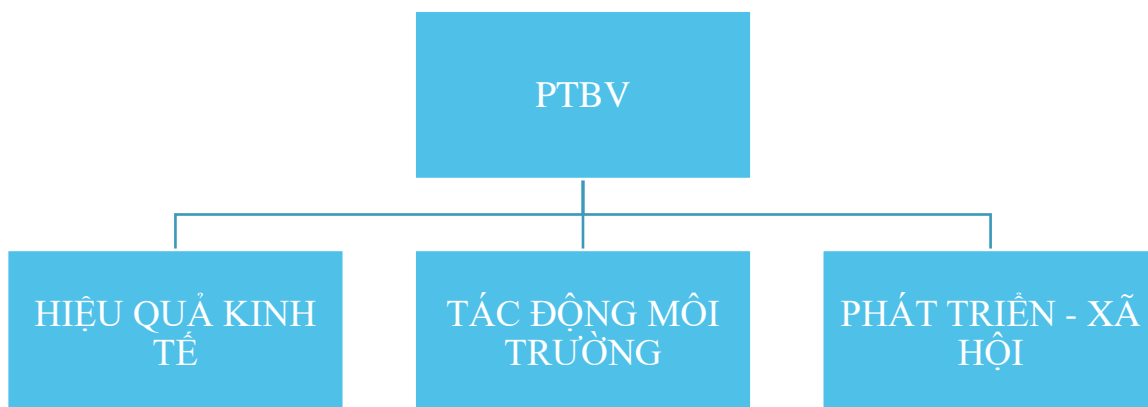
AAA luôn đảm bảo tăng trưởng về doanh thu, lợi nhuận từ đó hoàn thành đầy đủ các nghĩa vụ đóng góp cho Ngân sách nhà nước. Bên cạnh đó, với vai trò là doanh nghiệp dẫn đầu ngành nhựa bao bì, An Phát luôn tiên phong trong các xu hướng sản phẩm công nghệ cao và thân thiện với môi trường, đón đầu xu thế của thế giới, hỗ trợ và nâng đỡ các doanh nghiệp ngành nhựa Việt Nam, giúp nâng cao vị thế và tầm vóc ngành nhựa Việt Nam trên thế giới.

- Tác động đối với xã hội:

Trong nhiều năm qua, AAA đã duy trì công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho người dân tại địa bàn và các tỉnh lân cận, đóng góp cho công tác an sinh xã hội tại địa phương. Đồng thời, AAA cũng chú trọng đầu tư phát triển nguồn nhân lực, góp phần nâng cao dân trí, xây dựng xã hội văn minh. Ngoài ra công ty đã tổ chức và tài trợ các chương trình hoạt động cộng đồng, xã hội, san sẻ khó khăn,

- Tác động đối với môi trường:

AAA hoạt động trong lĩnh vực sản xuất bao bì nhựa, bản thân các sản phẩm nhựa truyền thống gây ra những quan ngại về vấn đề môi trường. Ý thức được điều đó, AAA đã nỗ lực để “xanh” trong cách doanh nghiệp vận hành, đồng thời thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu sản phẩm sang các sản phẩm thân thiện với môi trường bằng việc lan tỏa thói quen tiêu dùng xanh trong nội tại doanh nghiệp và tới tất cả các bên hữu quan. Hệ thống xử lý nước thải được đầu tư theo dây chuyền tuần hoàn khép kín theo các tiêu chuẩn quốc tế, các chỉ tiêu về tiêu thụ năng lượng và nguyên vật liệu được giám sát chặt chẽ, khuôn viên các nhà máy được quy hoạch với không gian



xanh rộng mở, các phong trào tiết kiệm năng lượng được phát động thường xuyên và hưởng ứng bởi tất cả CBCNV trong công ty. Đồng thời Công ty cũng đẩy mạnh phát triển các sản phẩm nhựa thân thiện môi trường, đặc biệt tại thị trường nội địa, góp phần giải quyết các vấn đề về ô nhiễm môi trường do rác thải nhựa được cộng đồng quan tâm.

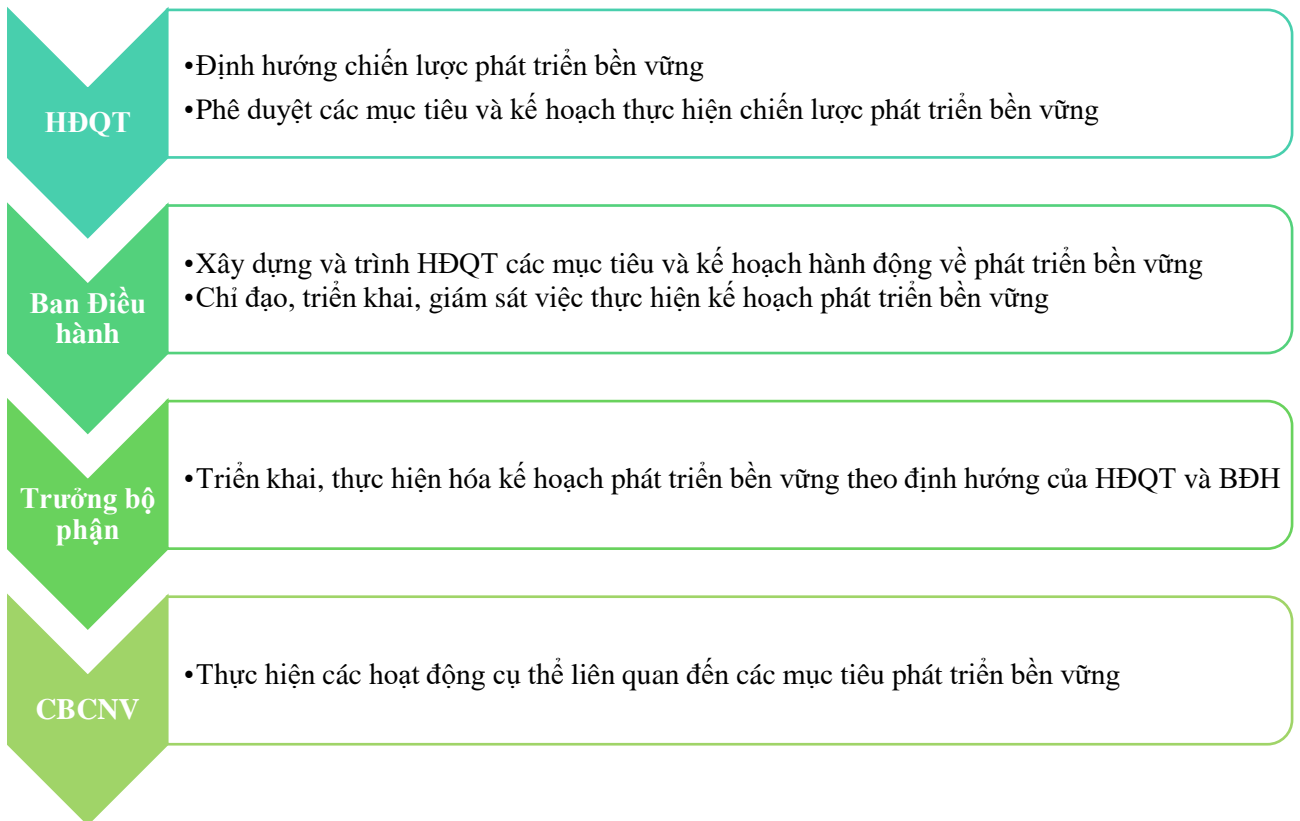
**Các định hướng và chiến lược phát triển bền vững của AAA theo các mục tiêu thế kỷ của Liên Hợp Quốc**

	<b>Mục tiêu Liên Hợp Quốc</b>	<b>Định hướng phát triển đến năm 2020</b>
<b>Tăng trưởng kinh tế</b>	<p>Mục tiêu 8: Giải quyết việc làm, phát triển kinh tế</p> <p>Mục tiêu 17: Đẩy mạnh cách thức thực hiện và đem lại sức sống mới cho quan hệ đối tác toàn cầu để phát triển bền vững</p>	<p>Đảm bảo tăng trưởng kinh tế dài hạn và bền vững</p> <p>Thúc đẩy đa dạng hóa sản phẩm, đầu tư nghiên cứu sản phẩm mới, tập trung vào các sản phẩm công nghệ cao và thân thiện với môi trường</p> <p>Nâng cao năng lực cạnh tranh, năng suất lao động</p> <p>Duy trì và phát huy thế mạnh tại các thị trường xuất khẩu</p> <p>Sẵn sàng liên doanh, liên kết với các đối tác trên toàn thế giới, hợp tác cùng phát triển</p>
<b>Phát triển xã hội</b>	<p>Mục tiêu 2: Chất lượng giáo dục</p> <p>Mục tiêu 3: Cuộc sống khỏe mạnh</p> <p>Mục tiêu 9: Công nghiệp đổi mới và hạ tầng</p>	<p>Xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, sáng tạo, thân thiện, đảm bảo CBCNV có điều kiện tốt nhất để học hỏi và phát huy năng lực</p> <p>Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về BHYT, BHXH cho người lao động</p> <p>Duy trì và phát triển các chương trình chăm lo sức khỏe, đời sống cho người lao động</p> <p>Nâng cao ý thức vì cộng đồng trong mỗi cá nhân, thúc đẩy cá nhân hoạt động vì sự phát triển của xã hội</p> <p>Xây dựng và phát triển hạ tầng khu công nghiệp, xây dựng hệ sinh thái doanh nghiệp bền vững</p>
<b>Bảo vệ môi trường</b>	<p>Mục tiêu 7: Năng lượng sạch và bền vững</p> <p>Mục tiêu 12: Tiêu dùng và sản xuất có trách nhiệm</p>	<p>Tuân thủ các quy định về môi trường</p> <p>Nâng cao ý thức bảo vệ môi trường và tiết kiệm năng lượng để mỗi CBCNV của An Phát đều trở thành đại sứ môi trường</p> <p>Cải tiến sản xuất đảm bảo sử dụng hiệu quả nguyên vật liệu</p> <p>Đảm bảo an toàn lao động trong sản xuất kinh doanh</p> <p>Thúc đẩy tiêu dùng xanh trong cộng đồng, xã hội</p>

#### 5.4. Mô hình phát triển bền vững

AAA xác định quản trị doanh nghiệp là một trong những yếu tố quan trọng nhất để đảm bảo tăng trưởng hiệu quả, phát triển bền vững để đảm bảo lợi ích của các bên hữu quan. Bên cạnh việc xây dựng một hệ thống quản trị tiên tiến, tuân theo các quy định của pháp luật và chuẩn mực quốc tế, AAA cũng ban hành hệ thống các quy chế nội bộ nhằm tạo ra tạo ra một cơ chế quản trị xuyên suốt.

#### Mô hình quản trị phát triển bền vững



#### 5.5. Gắn kết với các bên liên quan

Trong xu thế chung của hội nhập toàn cầu, mối quan hệ của doanh nghiệp với các bên liên quan càng đóng vai trò quan trọng với sự phát triển bền vững của doanh nghiệp. Do đó AAA đã xây dựng những nguyên tắc, chuẩn mực nhằm tăng cường chủ động, tương tác trong các mối quan hệ, tiếp nhận các phản hồi từ các bên. AAA hướng đến xây dựng các mối quan hệ bền vững dựa trên nền tảng thương hiệu và các chuẩn mực đạo đức kinh doanh doanh nghiệp, hướng tới mục tiêu mang lại giá trị tích cực và bền vững cho tất cả các bên.

### 5.5.1. Cơ chế tiếp nhận ý kiến của các bên liên quan

Năm 2018 các vấn đề liên quan đến phát triển bền vững được AAA quan tâm và chủ động trao đổi với các bên liên quan thông qua nhiều kênh tương tác. AAA đã sử dụng những cách thức riêng, phù hợp với từng bên liên quan, để đảm bảo cung cấp các thông tin mà các bên quan tâm một cách nhanh chóng, đầy đủ, chính xác. Dưới đây là những kênh tiêu biểu AAA đã và đang triển khai.

Các bên liên quan	Kênh tương tác	Tần suất
<b>Khách hàng</b>	Tiếp nhận và trả lời ý kiến của khách hàng thông qua trao đổi làm việc giữa bộ phận bán hàng và chăm sóc khách hàng	Thường xuyên
	Tổ chức thường niên các hội nghị khách hàng	Thường niên
	Cập nhật thông tin mới nhất về công ty, đồng thời tiếp nhận ý kiến của khách hàng qua website công ty	Thường xuyên
	Thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng	Thường xuyên
	Khách hàng đến thăm và làm việc trực tiếp tại công ty	Thường niên/ Khi có yêu cầu
<b>Cổ đông và nhà đầu tư</b>	Tổ chức ĐHĐCĐ thường niên hoặc bất thường theo quy định pháp luật	Thường niên hoặc khi phát sinh
	Tiếp nhận thông tin trao đổi qua email, điện thoại...	Thường xuyên
	Tổ chức các buổi thăm quan nhà máy, gặp gỡ ban lãnh đạo công ty định kỳ với các nhà đầu tư để cập nhật về tình hình kinh doanh và phát sinh khi có yêu cầu từ nhà đầu tư	Thường xuyên
	Công bố thông tin trên website công ty	Thường xuyên
	Tham gia các Hội nghị đầu tư, Diễn đàn tăng cường trao đổi giữa nhà đầu tư và doanh nghiệp	Khi có sự kiện
<b>CBCNV</b>	Tiếp nhận, xử lý các ý kiến của CBCNV thông qua các tổ chức công đoàn và đoàn thể của công ty	Thường xuyên
	Thông qua các hoạt động truyền thông nội bộ về xây dựng nguồn nhân lực, đào tạo, lan tỏa văn hóa An Phát	Thường xuyên
	Tổ chức các chương trình bình chọn cá nhân xuất sắc	2 lần/năm
	Thông qua các hoạt động hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch nội bộ	Thường xuyên
	Thông qua các kênh truyền thông, mạng xã hội	Thường xuyên



<b>Nhà cung cấp</b>	Thông qua các kênh tương tác email, điện thoại, trao đổi trực tiếp làm việc giữa bộ phận mua hàng và nhà cung cấp	Thường xuyên
	Thông qua các quy chế, quy định liên quan đến hoạt động mua hàng của công ty	Thường xuyên
	Xây dựng kênh tương tác phản hồi để nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ	Thường xuyên
	Thông qua các buổi gặp gỡ chiến lược giữa lãnh đạo hai bên	Khi có sự kiện, yêu cầu
<b>Cộng đồng - Xã hội</b>	Tiếp nhận, trả lời các ý kiến của cộng đồng, xã hội qua các phương tiện truyền thông, mạng xã hội của công ty	Thường xuyên
	Thông qua các chương trình, hoạt động an sinh xã hội hàng năm theo kế hoạch của công ty	Khi có sự kiện
	Tham gia tư vấn, hỗ trợ, tài trợ các sự kiện, hoạt động liên quan đến vấn đề bảo vệ môi trường, xây dựng cộng đồng, xã hội	Thường xuyên
<b>Truyền thông Báo chí</b>	Thông qua hoạt động công bố thông tin trên các phương tiện truyền thông đại chúng	Thường xuyên
	Tổ chức thăm quan doanh nghiệp, gặp gỡ và trả lời phỏng vấn, họp báo khi có yêu cầu	Khi có yêu cầu, sự kiện
	Thực hiện thông cáo báo chí, tổ chức họp báo khi có sự kiện cần công bố	Thường xuyên
	Cập nhật thường xuyên tin tức về doanh nghiệp trên website công ty theo cả tiếng Anh và tiếng Việt để mở rộng đối tượng, phạm vi, khách hàng tiềm năng	Thường xuyên
<b>Các cơ quan quản lí</b>	Tham dự các buổi tập huấn do các cơ quan nhà nước tổ chức Thường xuyên cập nhật các quy định pháp luật qua các phương tiện thông tin đại chúng	Thường xuyên

### 5.5.2. Mối quan tâm của các bên liên quan

Các bên liên quan	Các vấn đề được quan tâm	Hành động của AAA
<b>Khách hàng</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Số lượng, chất lượng sản phẩm</li> <li>Đảm bảo về thời gian giao hàng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Coi sự tin tưởng và hài lòng của khách hàng là thước đo giá trị chất lượng sản phẩm và uy tín thương hiệu trên thị trường</li> </ul>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Chăm sóc khách hàng, xử lý các yêu cầu khiếu nại của khách hàng</li> <li>• Đảm bảo các sản phẩm đáp ứng được các yêu cầu của khách hàng về cả số lượng, chất lượng, thời gian giao hàng.</li> <li>• Đào tạo bộ phận bán hàng và chăm sóc khách hàng về theo những chuẩn mực về thái độ, trách nhiệm và văn hóa khi giao tiếp, làm việc với khách</li> <li>• Sẵn sàng đón tiếp khách hàng đến khảo sát, đánh giá nhà máy</li> <li>• Tích cực xây dựng kênh thông tin trao đổi giữa khách hàng và doanh nghiệp, đảm bảo doanh nghiệp có thể thấu hiểu và đáp ứng các nhu cầu của khách hàng.</li> </ul>
<p><b>Cổ đông và Nhà đầu tư</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.</li> <li>• Tính minh bạch, trung thực trong việc công bố thông tin.</li> <li>• Biến động cổ phiếu của công ty.</li> <li>• Quyền lợi của cổ đông được đảm bảo</li> <li>• Thực hiện nghiêm túc các nghĩa vụ về công bố thông tin theo quy định pháp luật; đảm bảo tính trung thực, minh bạch, công khai, kịp thời của công bố thông tin.</li> <li>• Việc trao đổi, cập nhật thông tin về doanh nghiệp đảm bảo tính công bằng cho các nhà đầu tư</li> <li>• Thực hiện các nghĩa vụ với cổ đông như tổ chức ĐHĐCĐ, chi trả cổ tức,...</li> <li>• Xây dựng kênh thông tin hiệu quả, hai chiều giữa doanh nghiệp và cổ đông &amp; nhà đầu tư thông qua gặp gỡ thăm doanh nghiệp, email, điện thoại, bản tin nhà đầu tư.....</li> </ul>
<p><b>Nhân viên</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Được đảm bảo các quyền lợi chính đáng về lương thưởng, chế độ phúc lợi.</li> <li>• Cơ hội học hỏi, đào tạo, hoàn thiện năng lực cá nhân, cơ hội để thăng tiến trong tổ chức</li> <li>• Môi trường làm việc chuyên nghiệp, thân thiện, sáng tạo.</li> <li>• Nhận thức con người là động lực sáng tạo và thúc đẩy sự phát triển của doanh nghiệp, Công ty duy trì và phát triển các chính sách nhân sự về lương, thưởng, phúc lợi hấp dẫn cho CBCNV</li> <li>• Áp dụng đánh giá hiệu quả công việc bằng KPI giúp công ty công bằng và minh bạch năng lực của CBCNV, đảm bảo CBCNV</li> </ul>

		<p>chủ động, trách nhiệm trong công việc theo từng vị trí, chức năng cụ thể</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Sẵn sàng áp dụng những sáng kiến nhằm xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, sáng tạo, tạo động lực làm việc cho CBCNV.</li> <li>Khảo sát và đánh giá nhu cầu đào tạo của CBCNV, thường xuyên chủ động tổ chức các chương trình đào tạo cho CBCNV để nâng cao trình độ chuyên môn.</li> </ul>
<b>Nhà cung cấp</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Minh bạch thông tin, đảm bảo công bằng cho các nhà cung cấp.</li> <li>Minh bạch quy trình lựa chọn nhà cung cấp.</li> <li>Hoàn thành các nghĩa vụ thanh toán.</li> <li>Xây dựng quan hệ hợp tác lành mạnh, cùng phát triển</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Xây dựng quy trình đánh giá, lựa chọn nhà cung cấp theo từng loại nguyên vật liệu.</li> <li>Thống nhất quy trình thanh toán trước khi ký hợp đồng, đảm bảo thực hiện thanh toán theo hợp đồng</li> <li>Thường xuyên đánh giá năng lực, chất lượng của nhà cung cấp.</li> <li>Xây dựng các kênh trao đổi thông tin hai chiều giữa Công ty và nhà cung cấp, chú trọng xây dựng quan hệ hợp tác chiến lược trên nhiều lĩnh vực</li> </ul>
<b>Cộng đồng Xã hội</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thực hiện các nghĩa vụ trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp với xã hội.</li> <li>Đóng góp của doanh nghiệp cho sự phát triển của cộng đồng, xã hội và bảo vệ môi trường.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>AAA đặt trách nhiệm xã hội và môi trường là một trọng tâm trong chiến lược phát triển bền vững, cam kết hạn chế tối thiểu sự tác động đến môi trường trong quá trình vận hành sản xuất</li> <li>Thực hiện chiến lược kiến tạo tương lai xanh khi hoạt động sản xuất gắn liền với bảo vệ môi trường</li> <li>Duy trì và phát huy các chương trình cộng đồng, xã hội, đóng góp cho sự phát triển cộng đồng xã hội</li> <li>Lan tỏa xu hướng tiêu dùng xanh tới cộng đồng, xã hội.</li> </ul>

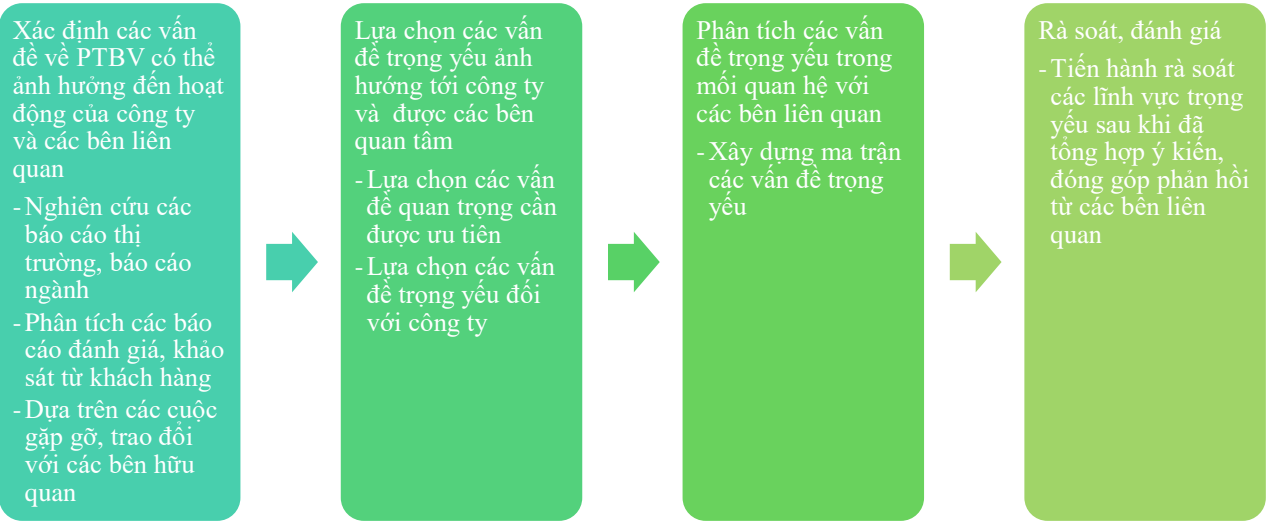
<b>Cơ quan truyền thông</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Các thông tin về tình hình hoạt động, kết quả sản xuất kinh doanh</li> <li>• Các nhận định về thị trường, các chia sẻ của lãnh đạo công ty</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Xây dựng mối quan hệ thân thiện, hợp tác với các cơ quan truyền thông báo chí trên nguyên tắc minh bạch, hợp pháp</li> <li>• Đảm bảo tính chính xác, đầy đủ, kịp thời các thông tin trao đổi</li> <li>• Trả lời các câu hỏi, thắc mắc của báo chí.</li> </ul>
<b>Các cơ quan quản lí</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Tuân thủ các quy định về pháp luật của doanh nghiệp</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Tuân thủ các quy định trong hoạt động sản xuất kinh doanh, vận hành,... của doanh nghiệp</li> <li>• Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về thuế, bảo hiểm... với các cơ quan chức năng</li> </ul>

**5.5.3. Xác định các lĩnh vực trọng yếu**

Báo cáo phát triển bền vững AAA năm 2018 được thực hiện thông qua việc đánh giá các lĩnh vực trọng yếu có mối liên hệ giữa kinh tế, xã hội và môi trường với các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan. Việc xác định đúng các vấn đề trọng yếu là rất quan trọng, đảm bảo lợi ích giữa các bên liên quan, là cơ sở để đảm bảo tính đầy đủ, chính xác của báo cáo.

**5.5.4. Quy trình xác định các vấn đề trọng yếu**

Các vấn đề trọng yếu của Công ty được thực hiện theo quy trình sau:



## 5.6. Hiệu quả kinh tế

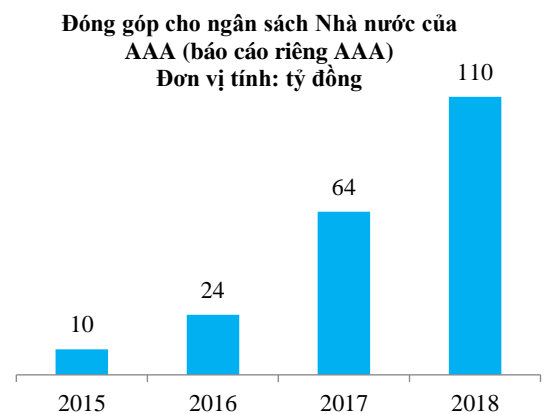
### 5.6.1. Tác động kinh tế trực tiếp

#### Kết quả kinh doanh tăng trưởng

Chiến lược phát triển bền vững của công ty chỉ có thể được thực hiện khi công ty đảm bảo được nguồn lực tài chính, có hoạt động sản xuất kinh doanh tăng trưởng liên tục qua các năm. Từ khi niêm yết (năm 2010) đến nay, quy mô AAA tăng trưởng mạnh mẽ qua từng năm. Tính đến năm 2018, quy mô vốn chủ sở hữu và tổng tài sản tăng lên khoảng 10 lần so với năm bắt đầu niêm yết. An Phát đã và đang ngày càng chứng minh được vị thế là doanh nghiệp bao bì nhựa niêm yết hàng đầu khu vực. Năm 2018 doanh thu hợp nhất đạt 8.019 tỷ, vượt 34% so với kế hoạch, tăng 97% so với cùng kỳ.

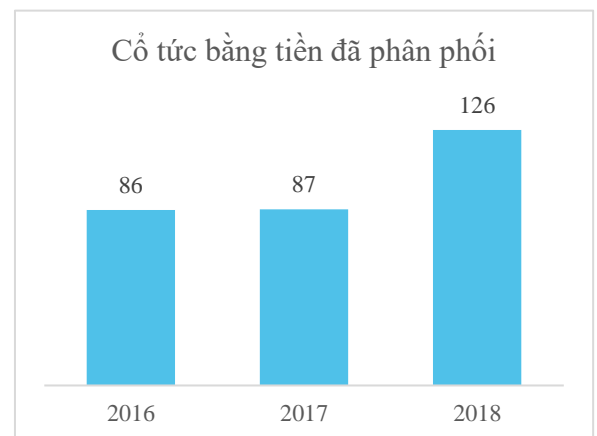
#### Đóng góp Ngân sách nhà nước

Cùng với tăng trưởng kinh tế, giá trị đóng góp cho Ngân sách Nhà nước của AAA luôn tăng trưởng nhanh qua các năm. Năm 2018, nộp Ngân sách Nhà nước của riêng AAA đạt hơn 110 tỷ đồng. Doanh thu và lợi nhuận tăng trưởng, các hoạt động đầu tư và mở rộng được đẩy mạnh, thu nhập của CBCNV được cải thiện là tác động chính nâng cao đóng góp ngân sách nhà nước của Công ty.



#### Đảm bảo quyền lợi cho cổ đông

Tổng giá trị cổ tức bằng tiền mặt AAA đã chi trả cho cổ đông trong giai đoạn 2016 – 2018 là 298,7 tỷ đồng. AAA đã duy trì chính sách cổ tức bằng tiền mặt thường niên cho cổ đông, đảm bảo chi trả đúng thời hạn. Năm 2018, giá trị cổ tức bằng tiền mặt đã chi trả là 125,6 tỷ đồng.



#### Đảm bảo quyền lợi cho CBCNV và đóng góp cho cộng đồng, xã hội

Năm 2018, AAA đã thực hiện chi trả đầy đủ lương và các chế độ ngoài lương cho người lao động, thưởng theo hiệu quả sản xuất kinh doanh, thực hiện đầy đủ các chính sách bảo hiểm, phúc lợi theo quy định của pháp luật.

Bên cạnh đó, AAA cũng đã chi ngân sách các khoản tài trợ cho các hoạt động cộng đồng, xã hội. Tiêu biểu kể đến như chương trình tài trợ quỹ khuyến học tại địa phương 100 triệu đồng, ủng hộ tết vì người

nghèo 200 triệu đồng, quyên góp cho các gia đình CBCNV bị tai nạn, bệnh hiểm nghèo từ 70 triệu đến 130 triệu đồng,... và các chương trình xã hội

### **5.6.2. Tác động kinh tế gián tiếp**

#### **Nâng cao vị thế và thương hiệu ngành nhựa Việt Nam trên thị trường quốc tế**

- Đóng góp lớn vào tăng trưởng của ngành: Với kim ngạch xuất khẩu cao nhất, AAA được vinh danh là doanh nghiệp xuất khẩu uy tín của ngành chất dẻo Việt Nam bởi Bộ Công thương. Tăng trưởng vượt bậc của AAA trong giai đoạn 2015 -2018 đã đóng góp không nhỏ cho sự lớn mạnh chung của ngành nhựa Việt Nam.
- Góp phần mở rộng quan hệ thương mại giữa Việt Nam với các nước trên thế giới: AAA xuất khẩu gần 100% sản lượng bao bì sản xuất tới gần 100 quốc gia và vùng lãnh thổ. An Phát thường xuyên đón nhiều khách hàng lớn từ châu Âu, Mỹ, Úc và Nhật Bản tới tham quan và làm việc tại doanh nghiệp, tăng cường hợp tác trên nhiều lĩnh vực như: Dollar General, Mitsubishi Corporation, Sojitz, Itochu, Hanwa,...
- Khẳng định vị trí ngành nhựa bao bì Việt Nam trên bản đồ thế giới: Với quy mô sản xuất đạt 96.000 tấn/năm, AAA đã vươn lên trở thành nhà sản xuất bao bì màng mỏng hàng đầu khu vực Đông Nam Á, chính thức đặt tên Việt Nam lên bản đồ các nhà sản xuất bao bì uy tín trên thế giới.

#### **Góp phần thúc đẩy phát triển hạ tầng, tăng cường đầu tư vào KCN tại địa phương**

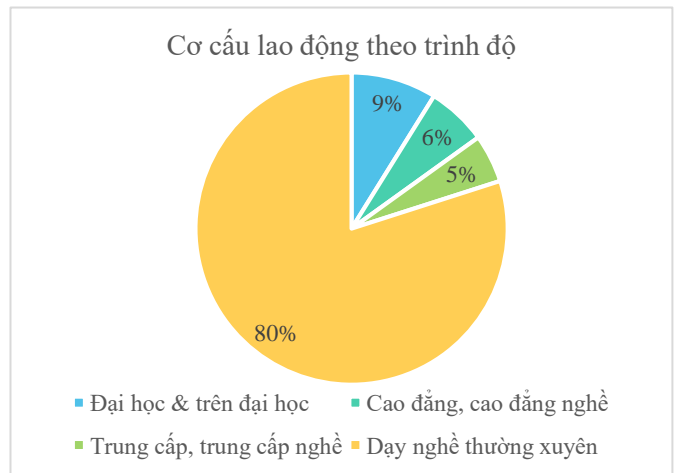
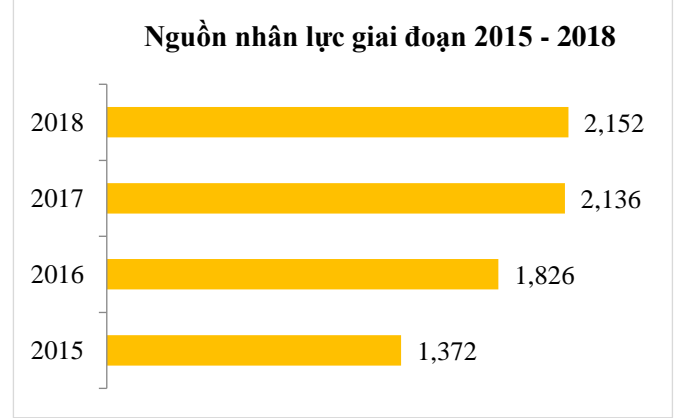
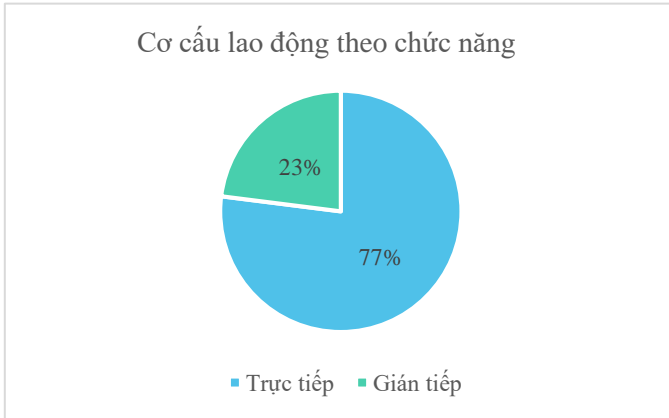
Trong năm 2018, AAA góp vốn 910 tỷ, sở hữu 100% vốn điều lệ Công ty TNHH KCN Kỹ thuật cao An Phát. Tháng 3/2018, Công ty TNHH KCN Kỹ thuật cao An Phát đã mua lại dự án Khu công nghiệp Việt Hòa – Kenmark quy mô 46 ha tại Hải Dương. Đây vốn là dự án bị bỏ hoang từ năm 2010 do chủ đầu tư cũ bất ngờ bỏ về nước. Sau khi được tiếp nhận, KCN Kỹ thuật cao An Phát được quy hoạch sẽ trở thành cơ sở phát triển các nhà máy sản xuất nhựa kỹ thuật cao và thân thiện với môi trường, đồng thời hạ tầng khu công nghiệp hiện đại sẽ được AAA phát triển để thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Như vậy sự đầu tư nghiêm túc của AAA và công ty con đã và đang đem lại diện mạo mới cho KCN. Tại ngày 31/12/2018 đã có 03 nhà máy vận hành sản xuất với tổng nhân sự đang hoạt động tại đây đạt 461 người. Dự kiến toàn bộ khối nhà xưởng sẽ được hoàn thiện cải tạo, sửa chữa, đủ điều kiện kinh doanh vào 2020.

### **5.7. Phát triển nguồn nhân lực**

Xác định con người là nhân tố cốt lõi thúc đẩy phát triển bền vững của doanh nghiệp nên ngay từ ngày đầu thành lập, AAA đã nỗ lực đem lại cho CBCNV môi trường làm việc tốt nhất, cơ hội phát triển năng lực đầy đủ nhất và một đời sống phong phú cả về vật chất và tinh thần. Chiến lược quản trị nhân sự của AAA được xây dựng trên những mục tiêu chính: tạo ra một môi trường

làm việc chuyên nghiệp, sáng tạo, thân thiện; thu hút, bồi dưỡng và trọng dụng nhân tài, chú trọng thăng tiến nội bộ đưa AAA trở thành một tập thể không ngừng học hỏi và hoàn thiện; đánh giá năng lực CBCNV công bằng, minh bạch; tạo khối đoàn kết nội bộ thông qua các chính sách đãi ngộ, phúc lợi gắn với giá trị cốt lõi và văn hóa doanh nghiệp.

### 5.7.1. Cơ cấu nguồn nhân lực



### 5.7.2. Đảm bảo an toàn lao động cho CBCNV

Nhằm đảm bảo sức khỏe của người lao động và xây dựng môi trường làm việc an toàn để người lao động an tâm công tác, AAA luôn tuân thủ chặt chẽ các quy định của pháp luật về an toàn, sức khỏe nghề nghiệp.

Đồng thời Công ty sẽ thường xuyên cập nhật và thu thập những thông tin mới nhất về các mối nguy hại tiềm ẩn có thể xảy ra trong quá trình sản xuất, và thông báo công khai cho người lao động. Công ty sẽ hạn chế hoặc có những giám sát đặc biệt khi bắt buộc phải sử dụng các chất tiềm ẩn các mối nguy hại tới sức khỏe của người lao động, kiểm soát chặt chẽ quy trình sản xuất, giảm thiểu rủi ro cho người lao động.

Tại AAA, CBCNV được trang bị dụng cụ bảo hộ lao động đạt tiêu chuẩn chất lượng, được kiểm tra sức khỏe định kỳ hàng năm để hạn chế tối đa rủi ro cũng như phát hiện, điều trị kịp thời bệnh nghề nghiệp; được hoàn thiện các thủ tục BHXH cho CBCNV, bảo đảm 100% người lao động làm việc lâu dài tại công ty được đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và được xem xét hỗ trợ các chính sách, bồi thường độc hại trong các chế độ phụ cấp ngoài lương. Tòa nhà văn phòng, nhà máy sản xuất được trang bị hệ thống chống cháy, báo cháy, bình chữa cháy, vòi nước... nhằm ứng phó kịp thời với các tình huống khẩn cấp. Trong năm AAA cũng tổ chức các buổi tập duyệt phòng cháy chữa cháy cho CBCNV.

<b>TT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Số lượng</b>
1	Số lượng CBCNV được khám sức khỏe định kỳ	Người/năm	1.722
2	Tai nạn lao động		
	Tổng số vụ tai nạn lao động	Vụ	Không có
	Tổng số người bị tai nạn lao động	Người	Không có
	Số ngày nhân viên bị nghỉ việc do tai nạn lao động	Ngày	Không có
	Tổng số trường hợp tử vong do tai nạn lao động	Người	Không có
3	Bệnh nghề nghiệp		
	Tổng số người bị bệnh nghề nghiệp trong năm	Người	Không có
	Tổng số người bị bệnh nghề nghiệp cộng dồn tại thời điểm báo cáo	Người	Không có

### **5.7.3. Công tác chăm lo đời sống cho người lao động**

AAA luôn nỗ lực tạo ra môi trường làm việc thuận lợi nhất, khơi nguồn sáng tạo, tinh thần cống hiến của CBCNV. Bên cạnh việc tuân thủ nghiêm túc các quy định của pháp luật về sử dụng lao động và đảm bảo đầy đủ quyền lợi của người lao động, AAA luôn luôn chú trọng phát triển các chính sách đãi ngộ, chăm lo đời sống của CBCNV.

Bên cạnh các chế độ phúc lợi chung theo quy định của Pháp luật, Công ty còn có các chính sách khác để chăm sóc toàn diện cho người lao động, cụ thể như sau:

- Quy hoạch xây dựng khuôn viên nhà máy và văn phòng tổng thể với không gian cây xanh rộng rãi, có hội trường, khu vực sinh hoạt cộng đồng cho CBCNV
- Tổ chức bếp ăn tập thể phục vụ CBCNV: Bếp ăn của Công ty cung cấp đầy đủ chất dinh dưỡng và đảm bảo chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm
- Tổ chức thường niên chương trình gặp gỡ gia đình CBCNV: Năm 2018, với chủ đề “An Phát Chung một ước mơ”, chương trình đã giúp gia đình CBCNV được trực tiếp



trải nghiệm, thăm quan môi trường làm việc của CBCNV, từ đó tạo điều kiện để CBCNV an tâm công tác

- Duy trì ký túc xá cho CBCNV ở xa: Khu kí túc xá An Phát có khả năng cung cấp chỗ ở cho khoảng hơn 200 CBCNV, tạo điều kiện cho các CBCNV ở xa đến làm việc tại Công ty.
- Tổ chức chương trình du lịch nghỉ mát thường niên cho CBCNV
- Tổ chức các chương trình chúc mừng ngày lễ tết, sinh nhật tập thể cho CBCNV
- Tổ chức thăm hỏi, hỗ trợ gia đình CBCNV khi bị ốm đau, hiếu hỉ
- Tổ chức quyên góp hỗ trợ gia đình CBCNV có hoàn cảnh khó khăn
- Tổ chức các chương trình thể thao, văn nghệ giữa các đơn vị

#### **5.6.4. Văn hóa doanh nghiệp**

Văn hóa doanh nghiệp là nhân tố quyết định sự phát triển bền vững và thành công của doanh nghiệp. Trải qua 16 năm rèn luyện, bộ gen người An Phát đã không ngừng được bồi đắp, đưa văn hóa An Phát ngày càng lan tỏa và thấm nhuần trong phong cách làm việc, ứng xử của con người An Phát. Văn hóa An Phát được xây dựng dựa trên các giá trị cốt lõi 9G – quy chuẩn trong mối quan hệ giữa người lãnh đạo và nhân viên, và 9T – bộ nguyên tắc ứng xử giữa Nhân viên và Lãnh đạo, nguyên tắc ứng xử giữa người An Phát với các bên liên quan. Bên cạnh các bộ nguyên tắc ứng xử, văn hóa An Phát còn đặc trưng bởi những nét rất riêng như văn hóa chào hỏi theo phong cách Nhật, văn hóa đúng giờ, văn hóa claim, văn hóa tham dự họp, .... hướng đến xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, sáng tạo, thân thiện; xây dựng hình ảnh con người An Phát năng động, hiện đại, văn minh.

#### **5.6.5. Công tác đào tạo**

Xác định con người là nhân tố cốt lõi thúc đẩy sự phát triển bền vững của doanh nghiệp Trung tâm đào tạo nghề An Phát ra đời và đã hoàn thành tốt chức năng tuyển chọn, đào tạo nghề thường xuyên cho đội ngũ sản xuất.

Ban đào tạo và phát triển nguồn nhân lực đã xây dựng chương trình đào tạo và kiểm tra cho người lao động theo tiêu chuẩn BSCI, đảm bảo 100% người lao động đều được trải qua quá trình đào tạo ban đầu trước khi vào sản xuất thực tế. Trong quá trình làm việc, người lao động tiếp tục được đào tạo, kiểm tra để nâng cao trình độ chuyên môn, cấp bậc. Trong năm AAA cũng liên kết với các chuyên gia kỹ thuật đầu ngành nhựa để đào tạo cho đội ngũ nhân viên R&D và cán bộ lãnh đạo nhà máy; cử một số CBCNV ưu tú đi tập huấn, học hỏi tại nước ngoài, tổ chức các lớp đào tạo kỹ năng mềm, kỹ năng chuyên môn cho đội ngũ CBCNV văn phòng.

Một số chỉ tiêu đào tạo trong năm 2018:

Chỉ tiêu	Đơn vị	Giá trị năm 2018
Số CBCNV được đào tạo	Người	2.60
Số giờ đào tạo trung bình năm/ người	Giờ/ người	40
Tổng số giờ đào tạo	Giờ	58.400
Tỷ lệ CBCNV được định kì đánh giá	%	100%

AAA cũng phối hợp với các đơn vị đào tạo lao động như các trung tâm đào tạo nghề địa phương, các trường cao đẳng, đại học nhằm đảm bảo ổn định nguồn cung lao động phục vụ công tác sản xuất và kinh doanh. Đồng thời để chuẩn bị nguồn nhân lực chất lượng cao cho tương lai, AAA cũng tổ chức các buổi giao lưu với Học viện tài chính, tài trợ các chương trình khởi nghiệp tại địa phương....., xây dựng hình ảnh thương hiệu nhà tuyển dụng chuyên nghiệp, qua đó thu hút nhân sự chất lượng cao đóng góp cho sự phát triển của Công ty.

### 5.8. Phát triển xã hội

**Trong quá trình lớn mạnh của doanh nghiệp, bên cạnh việc tập trung mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, nâng cao hiệu quả kinh tế, AAA đã nỗ lực thực hiện tốt trách nhiệm của doanh nghiệp với cộng đồng xã hội, trở thành doanh nghiệp tiêu biểu đóng góp cho sự phát triển của địa phương.**

#### Việc làm

AAA đã tạo ra việc làm ổn định cho hơn 2.152 lao động địa phương và các tỉnh lân cận. Xây dựng một môi trường làm việc ổn định, thu nhập ổn định đã đóng góp không nhỏ cho công tác an sinh xã hội của địa phương. Con người An Phát được thường xuyên đào tạo, nâng cao năng lực, rèn luyện đạo đức, góp phần dựng xây xã hội văn minh, hiện đại.

**Thu nhập bình quân lao động/tháng (triệu đồng)**



#### Hoạt động cộng đồng xã hội

Một số hoạt động đóng góp cho cộng đồng trong năm 2018 tiêu biểu:

- Phụng dưỡng, tổ chức tri ân, tặng quà mẹ Việt Nam anh hùng, người già không nơi nương tựa
- Tặng quà cho gia đình CBCNV có hoàn cảnh khó khăn
- Ủng hộ Tết vì người nghèo tại địa phương
- Ủng hộ chương trình Xuân Ấm tình người do Ủy ban Nhân dân tỉnh tổ chức

- Tài trợ Quỹ khuyến học tại địa phương
- Tổ chức chương trình phát cháo từ thiện tại bệnh viện
- Tổ chức xem bóng đá trên màn hình lớn tại các gia đình cầu thủ U23 thi đấu ở Hải Dương, tặng quà tri ân các gia đình cầu thủ
- Tài trợ giải bóng đá thiếu nhi tại địa phương

## 5.9. Bảo vệ môi trường

### 5.9.1. Quản lý nguồn nguyên liệu

Tổng lượng nguyên liệu vật liệu chính sử dụng trong sản xuất và đóng gói sản phẩm:

STT	Nguyên vật liệu	Đơn vị	Tiêu thụ năm 2016	Tiêu thụ năm 2017	Tiêu thụ năm 2018	Tăng so với 2017
	Sản lượng bao bì sản xuất	Tấn	48.188	74.797	87.528	17,0%
1	Hạt nhựa	Tấn	53.802	78.946	91.392	15,8%
2	Mực in	Tấn	110	143	183	28,1%
3	Hộp carton	Nghìn hộp	9.289	16.355	18.329	12,1%
4	Tem dán	Nghìn Chiếc	30.798	61.698	69.464	12,6%
5	Lõi giấy	Nghìn chiếc	27.554	36.734	36.514	-0,6%

Nguyên vật liệu chính trong sản xuất của AAA là hạt nhựa PE – sản phẩm từ tài nguyên không tái tạo. Do đó, AAA luôn nỗ lực áp dụng các cải tiến trong sản xuất nhằm giảm thiểu tiêu hao nguyên vật liệu, đồng thời đầu tư hệ thống dây chuyền tái chế, tận dụng nguyên vật liệu tiêu hao trong quá trình sản xuất. Bên cạnh đó, việc đẩy mạnh các sản phẩm thân thiện với môi trường cũng giúp làm hạn chế sử dụng hạt nhựa PE do hạt compound sản xuất các sản phẩm vi sinh phân hủy hoàn toàn có nguồn gốc từ tinh bột ngô.

Năm 2018, sản lượng sản xuất tăng 17% so với 2017, tuy nhiên có thể thấy những cải tiến trong sản xuất đã giúp giảm tiêu hao nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất và đóng gói sản phẩm

### **Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế và được sử dụng để sản xuất sản phẩm**

AAA nỗ lực áp dụng các sáng kiến trong sản xuất nhằm giảm thiểu tỷ lệ phế liệu trong sản xuất, đồng thời đã đầu tư hệ thống tái chế phế liệu, giúp tiết kiệm nguyên vật liệu.

STT	Tên nguyên vật liệu	Đơn vị	Số lượng tái sử dụng năm 2016	Số lượng tái sử dụng năm 2017	Số lượng tái sử dụng năm 2018
1	Phế liệu nhựa	tấn	11.098	14.812	14.451
2	Hạt tạo	tấn	1.013	1.853	1.
3	Tỷ lệ phế trong sản xuất	%		6,01%	5,2%

### 5.9.2. Tiêu thụ năng lượng

Năm 2018, với việc tăng công suất hoạt động nhà máy 6 và nhà máy 7, lượng điện tiêu thụ của công ty tăng lên so với năm 2017. Cụ thể, lượng điện năng tiêu thụ cho các hoạt động năm 2018 khoảng 72 triệu KW, tăng 16% so với 2017. Việc sử dụng điện được tiết kiệm tối đa với hầu hết các thiết bị sản xuất, thiết bị chiếu sáng của An Phát là các thiết bị tiết kiệm điện theo đúng tiêu chuẩn. Ngoài ra, để hạn chế tối đa các nguồn điện lãng phí, An Phát luôn có kế hoạch kiểm tra thường xuyên các hoạt động có tiêu thụ điện năng để cắt bỏ những khâu có gây lãng phí.

Chỉ tiêu	Đơn vị	2017	2018
Lượng điện tiêu thụ	Nghìn KWh	62.000	72.000
Tiêu hao điện năng cho sản xuất	KWh/kg	0,83	0,75
Chi phí điện năng	Tỷ đồng	93	113

*Ước tính dựa trên hóa đơn điện hàng tháng*

### 5.9.3. Tiêu thụ nước

Để đảm bảo đủ nước trong sản xuất và sinh hoạt, Công ty đã ký hợp đồng cung cấp nước với Trạm cấp nước sạch Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương, với lượng nước sử dụng như sau:

Khu vực	Đơn vị	Số lượng sử dụng 2016	Số lượng sử dụng 2017	Số lượng sử dụng 2018
KCN Nam Sách	m3	23.534	13.940	22.648
Cụm An Đồng	m3	69.740	56.193	64.606
<b>Tổng</b>	<b>m3</b>	<b>83.234</b>	<b>70.133</b>	<b>87.254</b>

*Thống kê dựa trên hóa đơn nước hàng tháng*

Hiện tại việc tái chế và tái sử dụng nước tại Công ty được sử dụng cho hệ thống làm mát máy và hệ thống làm mát không khí tại nhà xưởng. Công ty sử dụng nước sạch trong công đoạn này, do đó toàn bộ nước được tuần hoàn tái sử dụng không thải nước ra ngoài môi trường.

#### 5.9.4. Bảo vệ môi trường và kiểm soát phát thải, khí thải và chất thải

##### Hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn quốc tế

Trong quá trình xây dựng và phát triển Công ty luôn thực hiện nghiêm chỉnh Luật Bảo vệ môi trường của Nhà nước, đồng thời duy trì áp dụng các biện pháp bảo vệ môi trường theo các chuẩn mực quốc tế. Hệ thống quản lý môi trường tại các nhà máy của AAA được công nhận ISO 14001:2004, giúp công ty quản lý và kiểm soát tốt hơn các mối nguy hại về môi trường, qua đó giảm thiểu rủi ro về môi trường của doanh nghiệp trong quá trình hoạt động.

##### Định kì quan trắc môi trường

Ngoài ra Công ty đã thực hiện các biện pháp phòng chống ô nhiễm môi trường địa phương như thực hiện đánh giá tác động môi trường và cam kết thực hiện đúng cam kết. Hàng năm, AAA thực hiện quan trắc không khí và xả thải 04 lần. Kết quả quan trắc chất lượng môi trường được đánh giá theo các tiêu chuẩn Việt Nam và quốc tế.

An Phát đã đầu tư quy trình xử lý nước thải tuần hoàn khép kín, bảo đảm tiêu chuẩn môi trường. Nước thải sau xử lý được tái sử dụng và có lắp đặt hệ thống quan trắc tự động.

##### Kết quả thử nghiệm quan trắc nước thải tại miệng xả của hệ thống xử lý nước thải

Tại ngày 14/12/2018

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT
				NT01	Cmax
1	pH		TCVN 6492:2011	6,9	5,5-9
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	SMEWW 2540D:2012	18	99
3	COD	mg/L	SMEWW 5220c:2012	25	148,5
4	BOD <sub>5</sub> (20°C)	mg/L	TCVN 6001 -1:2008	10	49,5
5	Tổng Nitơ (N)	mg/L	TCVN 6638 :20000	38	39,6
6	Tổng Phospho (P)	mg/L	SMEWW 4500-PB&E:2012	5,6	5,94
7	Amoni (NH <sub>4</sub> -N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	0,41	9,9
8	Sắt (Fe)	mg/L	TCVN 6177:1996	0,26	4,95
9	Đồng (Cu)	mg/L	EPA Method 200.8	0,004	1,98
10	Chì (Pb)	mg/L	EPA Method 200.8	0,002	0,495
11	Cadimi (Cd)	mg/L	EPA Method 200.8	<0,0003	0,099
12	Asen (As)	mg/L	EPA Method 200.8	0,005	0,099
13	Thủy ngân (Hg)	mg/L	EPA Method 200.8	<0,0003	0,0099
14	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B:2012	0,3	9,9
15	Coliform	MPN/100mL	TCVN 6187-2:1996	2.400	5.000

##### Kết quả thử nghiệm quan trắc không khí môi trường lao động

Tại ngày 14/12/2018

T T	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả		TCVSLDD373 3/ 2002/QĐ-BYT
				SX01	SX02	Cmax
1	Nhiệt độ	°C	TCVN 5508:2009	19	19,1	18 -32
2	Độ ẩm	%	TCVN 5508:2009	62,1	62,3	40-80
3	Tốc độ chuyển động không khí	m/s	TCVN 5508:2009	0,22	0,54	0,2 -1,5
4	Tiếng ồn Laeq	dBA	TCVN 7878-2:2010	83,1	81,8	85
5	Tiếng ồn Lamax	dBA	TCVN 7878-2:2010	88,3	86,7	115
6	Ánh sáng	lux	TCVN 5176:1990	306	325	300
7	Bụi	mg/m <sup>3</sup>	TCVN 5076:1995	0,35	0,28	8
8	CO	mg/m <sup>3</sup>	TN02:2017	2,56	2,47	40
9	SO <sub>2</sub>	mg/m <sup>3</sup>	TCVN 5971:1995	0,025	0,023	10
10	NO <sub>2</sub>	mg/m <sup>3</sup>	TCVN 6137:2009	0,013	0,012	10
11	Hơi dung môi	mg/m <sup>3</sup>	NIOSH 1501	72	12	
12	Hydrocacbon mạch thẳng	mg/m <sup>3</sup>	NIOSH 1501	0,5	1,8	300
13	Xylen	mg/m <sup>3</sup>	NIOSH Method 1591:2003	<0,02 0	<0,02 0	300

SX01: Khu vực thổi túi

SX02: Khu vực cắt

### **Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường**

Là doanh nghiệp với định hướng xanh, AAA luôn nỗ lực nhằm hạn chế ảnh hưởng tới môi trường trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

AAA có bộ phận chuyên trách về môi trường, phụ trách theo dõi và giám sát tuân thủ về môi trường của Công ty. CBCNV thường xuyên được đào tạo, nhắc nhở về sử dụng năng lượng tiết kiệm, ..cũng như các quy định về vệ sinh môi trường, an toàn lao động.

Hàng quý Công ty đều thực hiện quan trắc môi trường và báo cáo lên các cơ quan quản lí.

Trong năm AAA không có vi phạm về các quy định về pháp luật về môi trường:

- Số lần bị phạt: 0 lần
- Số tiền bị phạt: 0 đồng

## **6. Báo cáo tài chính**

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2018**

Tháng 03 năm 2019



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT**

Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

---

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9 - 44

# CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT

Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Ánh Dương	Chủ tịch
Bà Hòa Thị Thu Hà	Thành viên
Ông Nguyễn Lê Trung	Thành viên
Ông Phạm Hoàng Việt	Thành viên
Ông Đinh Xuân Cường	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 08/02/2018)
Ông Phạm Đình Ngr	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 08/02/2018)

#### Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Lê Trung	Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Thoàn	Phó Tổng Giám đốc
Bà Đặng Thị Quỳnh Phương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Minh Hải	Phó Tổng Giám đốc
Bà Hòa Thị Thu Hà	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 02/04/2018)

#### Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này là ông Phạm Ánh Dương - Chủ tịch Hội đồng quản trị. Theo Giấy ủy quyền số 01/2015/UQ-AAA ngày 31/05/2015, ông Nguyễn Lê Trung - Tổng Giám đốc được ủy quyền để ký kết hợp đồng và các văn bản sửa đổi, bổ sung, phụ lục hợp đồng, giấy tờ khác có liên quan trong công tác điều hành của ông Phạm Ánh Dương.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ Chế độ Kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

---

**a) Nguyễn Lê Trung**  
**Tổng Giám đốc**

*Hải Dương, ngày 15 tháng 03 năm 2019*

Số: /VACO/BCKiT.NV2

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 15/03/2019, từ trang 05 đến trang 44, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (gọi chung là “báo cáo tài chính hợp nhất”).

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### ***Ý kiến của Kiểm toán viên***

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### ***Vấn đề cần nhấn mạnh***

Chúng tôi lưu ý đến Thuyết minh 21 của Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, trong đó, Công ty chưa phân loại các khoản vay dài hạn đến hạn trả sang nợ ngắn hạn. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

*Vấn đề khác*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán bởi doanh nghiệp kiểm toán khác, trong đó, Báo cáo kiểm toán độc lập số 020102/2018/BCKT-IFC ngày 01/02/2018 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty.

---

**Lê Xuân Thắng**

**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0043-2016-156-1

*Thay mặt và đại diện cho*

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**

*Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2019*

---

**Trần Tuấn Anh**

**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 3272-2015-156-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>3.989.369.447.153</b>	<b>2.142.716.548.893</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>645.474.843.425</b>	<b>509.577.636.533</b>
1. Tiền	111		217.635.249.378	120.809.634.969
2. Các khoản tương đương tiền	112		427.839.594.047	388.768.001.564
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>720.906.460.274</b>	<b>50.000.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		720.906.460.274	50.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.612.785.115.376</b>	<b>961.381.022.420</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	691.606.956.768	417.516.053.153
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	531.565.397.491	325.870.456.358
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	293.698.169.669	129.729.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	10	95.914.591.448	88.265.512.909
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>862.749.230.434</b>	<b>536.681.725.193</b>
1. Hàng tồn kho	141		865.499.747.965	536.681.725.193
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.750.517.531)	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>147.453.797.644</b>	<b>85.076.164.747</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	21.081.856.490	18.897.599.281
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		123.666.085.695	65.917.582.112
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	2.705.855.459	260.983.354
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>3.539.797.275.250</b>	<b>2.433.440.579.906</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>21.384.352.467</b>	<b>-</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	10	21.384.352.467	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>2.198.807.465.735</b>	<b>2.299.486.571.152</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	2.113.821.537.013	2.202.974.097.676
- Nguyên giá	222		2.858.372.141.820	2.707.435.817.410
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(744.550.604.807)	(504.461.719.734)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	84.985.928.722	96.512.473.476
- Nguyên giá	228		94.894.558.865	103.445.820.433
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(9.908.630.143)	(6.933.346.957)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>1.208.008.703.897</b>	<b>98.121.103.897</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	1.208.008.703.897	98.121.103.897
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5</b>	<b>48.380.000.000</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		48.380.000.000	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>63.216.753.151</b>	<b>35.832.904.857</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	62.507.261.342	35.612.756.095
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		709.491.809	220.148.762
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>7.529.166.722.403</b>	<b>4.576.157.128.799</b>

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**CÔNG TY CP NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN  
PHÁT**

Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng

Thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

**MẪU SỐ B 01 - DN/HN**

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-  
BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài  
chính

---

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>4.548.916.573.712</b>	<b>2.951.186.840.177</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>3.206.103.405.725</b>	<b>1.990.803.708.402</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	622.778.663.874	519.298.194.029
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	43.876.545.842	17.127.077.695
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	14.084.998.080	14.232.960.650
4. Phải trả người lao động	314		19.601.493.769	13.308.406.810
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	8.985.258.785	6.422.195.946
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		453.141.818	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	3.292.201.538	2.702.175.863
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	2.492.406.692.801	1.417.686.392.234
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		624.409.218	26.305.175
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.342.813.167.987</b>	<b>960.383.131.775</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	21	1.342.803.889.822	959.926.578.352
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		9.278.165	456.553.423
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>2.980.250.148.691</b>	<b>1.624.970.288.622</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>22</b>	<b>2.980.250.148.691</b>	<b>1.624.970.288.622</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.711.999.760.000	835.999.880.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.711.999.760.000	835.999.880.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		532.112.689.329	198.063.767.329
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		(39.715.243)	158.818.819
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		57.775.383.144	45.683.661.717
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		13.177.404.323	13.177.404.323
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		265.860.134.664	283.769.575.300
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		85.599.659.664	90.051.907.554
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		180.260.475.000	193.717.667.746
7. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		399.364.492.474	248.117.181.134
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>7.529.166.722.403</b>	<b>4.576.157.128.799</b>

**Đỗ Hoài Linh**  
Người lập biểu**Nguyễn Thị Thùy Vân**  
Kế toán trưởng**Nguyễn Lê Trung**  
Tổng Giám đốc  
Hải Dương, ngày 15 tháng 03 năm 2019



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018*

*Đơn vị: VND*

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>		<b>8.018.827.145.835</b>	<b>4.076.763.652.003</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		7.254.532.446	7.155.348.862
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>26</b>	<b>8.011.572.613.389</b>	<b>4.069.608.303.141</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	27	7.338.636.540.198	3.519.223.197.973
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>672.936.073.191</b>	<b>550.385.105.168</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	61.517.601.742	55.775.260.107
7. Chi phí tài chính	22	30	208.587.237.486	95.052.847.758
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		125.980.474.352	80.592.049.351
8. Chi phí bán hàng	25	31	156.562.809.984	105.724.321.494
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	123.618.312.196	79.322.555.685
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>245.685.315.267</b>	<b>326.060.640.338</b>
11. Thu nhập khác	31		11.209.698.006	2.388.598.927
12. Chi phí khác	32		2.910.690.089	394.931.990
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>8.299.007.917</b>	<b>1.993.666.937</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>253.984.323.184</b>	<b>328.054.307.275</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	42.772.027.927	64.433.475.421
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(936.618.304)	256.725.898
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>212.148.913.561</b>	<b>263.364.105.956</b>
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		180.260.475.000	223.342.661.746
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		31.888.438.561	40.021.444.210
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	1.115	3.311

**Đỗ Hoài Linh**  
Người lập biểu

**Nguyễn Thị Thùy Vân**  
Kê toán trưởng

**Nguyễn Lê Trung**  
Tổng Giám đốc

*Hải Dương, ngày 15 tháng 03 năm 2019*

**CÔNG TY CP NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN  
PHÁT**

Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng

Thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

**MẪU SỐ B 02 - DN/HN**

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-  
BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài  
chính

---

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

*(Theo phương pháp gián tiếp)*

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018*

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị: VND	
		Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>253.984.323.184</b>	<b>328.054.307.275</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	244.951.380.881	168.028.491.091
- Các khoản dự phòng	03	2.750.517.531	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	1.909.941.812	2.615.280.443
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(40.198.487.758)	(36.302.695.230)
- Chi phí lãi vay	06	125.980.474.352	80.592.049.351
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>589.378.150.002</b>	<b>542.987.432.930</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(52.240.057.820)	(571.052.443.106)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(329.364.330.177)	(86.090.443.336)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	10.950.476.407	35.067.814.485
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(29.044.239.788)	(10.902.229.447)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(124.095.548.599)	(76.736.436.738)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(46.142.737.521)	(57.458.213.418)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	70.000.000.000	156.340.055.694
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(50.900.934.560)	(12.819.141.106)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>38.540.777.944</b>	<b>(80.663.604.042)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các TSDH khác	21	(1.698.518.453.380)	(695.959.760.341)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các TSDH khác	22	-	486.363.637
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.226.962.062.976)	(349.729.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	343.706.433.033	183.570.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(88.309.009.946)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	18.325.718.550	150.547.322.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	23.529.713.725	12.513.190.829
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(2.628.227.660.994)</b>	<b>(698.571.883.875)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	1.418.241.802.000	406.752.500.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	7.841.445.629.972	4.109.992.694.442
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(6.397.797.068.409)	(3.534.755.293.294)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(136.131.874.500)	(99.782.597.750)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>2.725.758.489.063</b>	<b>882.207.303.398</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>136.071.606.013</b>	<b>102.971.815.481</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>509.577.636.533</b>	<b>406.676.809.154</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(174.399.121)	(70.988.102)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>645.474.843.425</b>	<b>509.577.636.533</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**Đỗ Hoài Linh**  
Người lập biểu

**Nguyễn Thị Thùy Vân**  
Kế toán trưởng

**Nguyễn Lê Trung**  
Tổng Giám đốc

*Hải Dương, ngày 15 tháng 03 năm 2019*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0403000550 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 09 tháng 03 năm 2007 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty Cổ phần số 0800373586 đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 26 tháng 02 năm 2009.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 27 ngày 24 tháng 09 năm 2018, vốn điều lệ của Công ty là 1.711.999.760.000 VND. Toàn bộ số cổ phần trên của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là AAA.

Trụ sở chính của Công ty tại Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương và Văn phòng đại diện tại Hà Nội: Số B9, ngách 6/106, đường Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Tổng số lao động của Công ty tại ngày 31/12/2018 là 2.593 người (tại ngày 31/12/2017 là 1.834 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Mua bán máy móc, vật tư, nguyên liệu sản phẩm nhựa, bao bì nhựa các loại;
- Sản xuất các sản phẩm nhựa (PP, PE);
- In và các dịch vụ in quảng cáo trên bao bì;
- Xây dựng công trình dân dụng;
- Lắp đặt trang thiết bị cho các công trình xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản;
- Mua bán hàng may mặc;
- Mua bán máy móc thiết bị và phụ tùng thay thế, chuyên giao công nghệ;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa, môi giới thương mại, ủy thác mua bán hàng hóa;
- Vận chuyển hàng hoá, hành khách bằng ô tô và các hoạt động phụ trợ cho vận tải;
- Hoạt động thu gom, xử lý tiêu huỷ rác thải;
- Tái chế phế liệu; và
- Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất rác thải; Sản xuất máy móc thiết bị phục vụ ngành nhựa.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh nhựa và bao bì nhựa các loại.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính**

Không có hoạt động đặc biệt nào của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất.

**CÔNG TY CP NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN  
PHÁT**

**MẪU SỐ B 09 - DN/HN**

Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-  
BTC

Thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài  
chính

---

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)**

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 31/12/2018, Công ty có 02 công ty con trực tiếp như sau:

<b>Tên công ty</b>	<b>Nơi thành lập và hoạt động</b>	<b>Tỷ lệ phần số hữu %</b>	<b>Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %</b>	<b>Hoạt động chính</b>
Công ty Cổ phần An Tiên Industries (HII)	Yên Bái	50,99	50,99	Sản xuất sản phẩm từ nhựa plastic, chi tiết sản xuất sản phẩm nhựa
Công ty TNHH Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát	Hải Dương	100	100	Phát triển hạ tầng khu công nghiệp

**Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán.

**2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỤC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo hợp nhất này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

**Chế độ Kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất được độ lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

#### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý**

Luật Kế toán số 88/2015/HQH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2015 có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2017. Theo quy định tại Điều 28 - Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- a) Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;
- b) Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;
- c) Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a và b trên đây) Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.

#### **Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

#### **Hợp nhất kinh doanh**

---

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

### **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

#### **Công cụ tài chính**

##### ***Ghi nhận ban đầu***

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ và các khoản đầu tư tài chính.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

##### ***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

#### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

#### **Các khoản đầu tư tài chính**

##### ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

##### ***Các khoản cho vay***

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

#### **Nợ phải thu**



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

### **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

#### **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

#### **Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.
- Công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.
- Chi phí tư vấn, nghiên cứu thị trường được phân bổ theo thời hạn của hợp đồng tư vấn trong vòng 36 tháng.
- Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng, cải tạo tài sản cố định được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

#### **Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

	<u>Thời gian sử dụng ước tính</u>
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc, thiết bị	05 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 15

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 10
Cây lâu năm	05 - 25
Các tài sản khác	04 - 12

### **Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất; tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính là 03 năm.

## **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

### **Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

### **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần: Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

### **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

---

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

#### **Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

-  
-  
-  
-  
-  
-  
-  
-

### **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

#### **Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

#### **Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

#### **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Tại thời điểm lập báo cáo, thuế suất thuế thu nhập đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhà máy 1, Nhà máy 2, Nhà máy số 3, Nhà máy 6 và Nhà máy 7 hoạt động thương mại và hoạt động khác của Công ty là 20%. Nhà máy số 5 được miễn thuế 2 năm và giảm 50% trong 4 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế. Trong năm 2018 nhà máy số 5 được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

## **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

### **Thuế (Tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

### **Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

## **4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	25.607.452.043	16.595.610.612
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	192.027.797.335	104.212.469.557
Tiền đang chuyển	-	1.554.800
Các khoản tương đương tiền (i)	427.839.594.047	388.768.001.564
<b>Cộng</b>	<b>645.474.843.425</b>	<b>509.577.636.533</b>

**Ghi chú:**

- (i) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư. Một phần số dư tiền gửi này đã được thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay như trình bày tại thuyết minh số 20 và 21.

**5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
	VND	VND	VND	VND
<b>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>				
<b>Ngắn hạn</b>	<b>720.906.460.274</b>	<b>720.906.460.274</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>50.000.000.000</b>
- Tiền gửi có kỳ hạn (i)	360.006.460.274	360.006.460.274	-	-
- Các khoản đầu tư khác (ii)	360.900.000.000	360.900.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000
<b>Dài hạn</b>	<b>48.380.000.000</b>	<b>48.380.000.000</b>	-	-
- Trái phiếu (iii)	48.380.000.000	48.380.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>769.286.460.274</b>	<b>769.286.460.274</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>50.000.000.000</b>

**5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****Ghi chú:**

- (i) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ trên 03 đến 12 tháng tại các ngân hàng thương mại. Một phần số dư tiền gửi này đã được thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay như trình bày tại thuyết minh số 20 và 21.
- (ii) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm số dư trái phiếu theo các hợp đồng mua và bán đã ký kết giữa Công ty và Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng trong vòng từ 3 - 8 tháng, cụ thể:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Trái phiếu	Ngày mua	Ngày đáo hạn	Ngày mua lại	Số tiền theo mệnh giá	Số tiền mua lại	Số tiền đã nhận trước	Số tiền còn lại
				VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH MTV Yamagata	21/05/2018	17/05/2021	21/02/2019	30.000.000.000	31.671.333.333	498.333.333	31.173.000.000
Công ty TNHH MTV Hakuba	04/05/2018	04/05/2021	12/02/2019	25.000.000.000	26.009.375.000	424.305.556	25.585.069.444
Công ty TNHH MTV Yamagata	25/05/2018	24/05/2021	28/02/2019	30.000.000.000	31.687.583.333	514.583.333	31.173.000.000
Công ty TNHH MTV Hakuba	21/05/2018	18/05/2021	21/02/2019	15.000.000.000	15.835.666.667	249.166.667	15.586.500.000
Công ty TNHH MTV Hakuba	03/05/2018	04/05/2021	12/02/2019	30.000.000.000	31.230.375.000	498.333.333	30.732.041.667
Công ty TNHH MTV Hakuba	04/05/2018	04/05/2021	12/02/2019	32.000.000.000	33.292.000.000	543.111.111	32.748.888.889
Công ty TNHH MTV Yamagata	22/05/2018	24/05/2021	22/02/2019	50.000.000.000	52.785.555.556	830.555.556	51.955.000.000
Công ty TNHH MTV Yamagata	22/08/2018	31/05/2021	22/02/2019	30.000.000.000	31.150.000.000	-	31.150.000.000
Công ty TNHH MTV Azura	23/11/2018	25/10/2021	23/05/2019	18.900.000.000	19.622.190.000	-	19.622.190.000
Công ty TNHH MTV Azura	15/11/2018	25/10/2021	15/05/2019	20.000.000.000	20.764.222.222	-	20.764.222.222
Công ty TNHH MTV Ataka	08/12/2017	18/01/2021	11/03/2019	30.000.000.000	32.858.916.667	1.698.666.667	31.160.250.000
Công ty TNHH MTV Hakuba	21/05/2018	18/05/2021	21/02/2019	10.000.000.000	10.393.125.000	-	10.393.125.000
Công ty TNHH MTV Hakuba	23/05/2018	24/05/2021	25/02/2019	10.000.000.000	10.393.125.000	-	10.393.125.000
Công ty TNHH MTV Hakuba	04/05/2018	02/02/2021	12/02/2019	20.000.000.000	20.820.500.000	-	20.820.500.000
Công ty TNHH MTV Ataka	27/04/2018	27/04/2021	12/02/2019	10.000.000.000	10.166.111.111	-	10.166.111.111
<b>Cộng</b>				<b>360.900.000.000</b>	<b>378.680.078.889</b>	<b>5.257.055.556</b>	<b>373.423.023.333</b>

(iii) Bao gồm các khoản trái phiếu:

Trái phiếu	Ngày mua	Kỳ hạn	Mệnh giá
			VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	29/06/2018	10 năm	40.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	19/12/2018	07 năm	8.380.000.000
<b>Cộng</b>			<b>48.380.000.000</b>

**6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>691.606.956.768</b>	<b>417.516.053.153</b>
Phải thu khách hàng trong nước	377.708.413.254	126.848.173.703
Phải thu khách hàng nước ngoài	313.898.543.514	290.667.879.450
<b>Cộng</b>	<b>691.606.956.768</b>	<b>417.516.053.153</b>
<b>Phải thu khách hàng là các bên liên quan</b>	<b>1.516.449.411</b>	-
(Chi tiết tại thuyết minh số 35)		

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	VND	VND
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>531.565.397.491</b>	<b>325.870.456.358</b>
Trả trước cho người bán trong nước (i)	443.566.149.877	41.545.797.262
Trả trước cho người bán nước ngoài	87.999.247.614	284.324.659.096
<b>Cộng</b>	<b>531.565.397.491</b>	<b>325.870.456.358</b>

Ghi chú:

- (i) Trả trước cho người bán trong nước bao gồm số dư ứng trước theo Hợp đồng mua bán máy móc số 1511/2018/HĐMB ngày 15/11/2018 với Công ty Cổ phần Nhựa Đại An nhằm mua các máy ép nhựa với tổng giá trị hợp đồng là 484.740.000.000 VND. Thời gian giao hàng là 12 tháng kể từ ngày ứng trước đợt đầu tiên với số tiền là 380.214.960.000 VND.

**8. PHẢI THU VỀ CHO VAY**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	VND	VND
<b>Phải thu về cho vay ngắn hạn</b>	<b>293.698.169.669</b>	<b>129.729.000.000</b>
Công ty TNHH Dương Phạm Investment (i)	5.060.000.000	7.160.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Việt và Dương (i)	49.710.000.000	6.410.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Trung và Hòa (i)	260.000.000	7.160.000.000
Công ty CP Tập đoàn An Phát Holdings (i)	76.468.000.000	9.000.000.000
Công ty CP Nhựa Đại An (i)	8.500.000.000	-
Công ty CP An Trung Industries (i)	6.000.000.000	-
Công ty CP Xơ sợi Tổng hợp An Sơn (i)	34.344.860.000	-
Các đối tượng khác (ii)	113.355.309.669	99.999.000.000
<b>Cộng</b>	<b>293.698.169.669</b>	<b>129.729.000.000</b>
<b>Phải thu về cho vay là các bên liên quan</b>	<b>76.468.000.000</b>	<b>9.000.000.000</b>

(Chi tiết tại thuyết minh số 35)

Ghi chú:

- (i) Cho vay theo các hợp đồng cho vay tín chấp có kỳ hạn từ trên 03 tháng đến 01 năm; Lãi suất cho vay từ 4,5%/năm đến 7%/năm. Trong trường hợp hủy ngang hợp đồng, lãi suất của các khoản cho vay này sẽ được tính là 0%.
- (ii) Cho các cán bộ công nhân viên trong Công ty vay theo các hợp đồng cho vay tín chấp có kỳ hạn 03 tháng đến 06 tháng; lãi suất cho vay từ 0%/năm đến 7%/năm. Trong trường hợp hủy ngang hợp đồng, lãi suất của các khoản cho vay này sẽ được tính là 0%.

**9. HÀNG TỒN KHO**

	<b>Số cuối năm</b>		<b>Số đầu năm</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>
	VND	VND	VND	VND
Hàng đang đi trên đường	128.007.527.602	-	10.683.200.798	-
Nguyên liệu, vật liệu	359.104.802.220	-	345.006.616.947	-
Công cụ, dụng cụ	35.468.266.432	-	19.505.307.370	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	14.093.937.483	-	15.174.471.739	-
Thành phẩm	142.565.397.053	-	91.559.671.054	-
Hàng hóa	186.259.817.175	(2.750.517.531)	54.752.457.285	-
<b>Cộng</b>	<b>865.499.747.965</b>	<b>(2.750.517.531)</b>	<b>536.681.725.193</b>	<b>-</b>

Như trình bày tại Thuyết minh số 20 và 21, Công ty đã thế chấp một phần giá trị hàng tồn kho luân chuyển bao gồm: Thành phẩm, vật tư, công cụ, dụng cụ, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang để đảm bảo cho các khoản vay.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**10. PHẢI THU KHÁC**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>95.914.591.448</b>	<b>88.265.512.909</b>
Tạm ứng	45.288.813.012	41.792.566.126
Ký quỹ, ký cược	14.530.367.277	8.397.708.165
Lãi dự thu tiền gửi và cho vay	13.201.250.719	482.841.325
- <i>Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng</i>	9.091.667.214	482.841.325
- <i>Công ty CP Tập đoàn An Phát Holdings</i>	2.134.599.617	-
- <i>Công ty CP Nhựa Đại An</i>	111.013.699	-
- <i>Công ty CP An Trung Industries</i>	887.772.602	-
- <i>Công ty TNHH Dương Phạm Investment</i>	199.695.205	-
- <i>Công ty TNHH Đầu tư Việt và Dương</i>	26.026.027	-
- <i>Các đối tượng khác</i>	750.476.355	-
Các khoản khác	22.894.160.440	37.592.397.293
- <i>Tiền đền bù giải phóng mặt bằng được trừ vào tiền thuê đất</i>	-	18.481.993.000
- <i>Tiền thuế GTGT để nghị hoàn</i>	-	10.000.000.000
- <i>Các đối tượng khác (i)</i>	22.894.160.440	9.110.404.293
<b>Dài hạn</b>	<b>21.384.352.467</b>	<b>-</b>
Ký quỹ, ký cược	3.613.709.467	-
Các khoản khác	17.770.643.000	-
- <i>Tiền đền bù giải phóng mặt bằng được trừ vào tiền thuê đất</i>	17.770.643.000	-
<b>Cộng</b>	<b>117.298.943.915</b>	<b>88.265.512.909</b>
<b>Phải thu khác là các bên liên quan</b>	<b>26.372.789.480</b>	<b>5.240.307.653</b>

(Chi tiết tại thuyết minh số 35)

Ghi chú:

- (i) Các số dư phải thu các đối tượng khác bao gồm tạm ứng tiền chi qua thẻ visa phục vụ công việc của các lãnh đạo Công ty số tiền 14.334.593.257 VND (tại ngày 01/01/2018 là 5.238.661.253 VND).

**11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>21.081.856.490</b>	<b>18.897.599.281</b>
Phí bảo hiểm; Phí sử dụng đường bộ; Phí đăng kiểm	839.127.750	1.040.798.090
Công cụ, dụng cụ xuất dùng phân bổ dưới 12 tháng	14.340.201.971	15.961.028.541
Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng xe	553.696.542	707.354.856
Các khoản khác	5.348.830.227	1.188.417.794
<b>Dài hạn</b>	<b>62.507.261.342</b>	<b>35.612.756.095</b>
Chi phí tư vấn phát triển thị trường	9.088.127.780	-
Quyền sử dụng đất có thời hạn	8.146.585.272	-
Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng xe	3.518.973.911	-
Chi phí sửa chữa, cải tạo văn phòng, nhà xưởng	7.550.782.677	-
Công cụ, dụng cụ xuất dùng phân bổ trên 12 tháng	29.025.327.883	33.733.105.758
Các khoản khác	5.177.463.819	1.879.650.337
<b>Cộng</b>	<b>83.589.117.832</b>	<b>54.510.355.376</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cây lâu năm	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>							
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>674.420.708.580</b>	<b>1.701.357.107.215</b>	<b>283.981.667.718</b>	<b>8.120.113.742</b>	<b>15.552.983.000</b>	<b>24.003.237.155</b>	<b>2.707.435.817.410</b>
- Mua trong năm	15.803.749.346	90.664.527.358	21.372.150.724	4.863.141.897	-	4.192.981.055	136.896.550.380
- XDCB hoàn thành	18.357.339.624	-	-	-	-	-	18.357.339.624
- Giảm do thanh lý công ty con (*)		(4.317.565.594)					(4.317.565.594)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>708.581.797.550</b>	<b>1.787.704.068.979</b>	<b>305.353.818.442</b>	<b>12.983.255.639</b>	<b>15.552.983.000</b>	<b>28.196.218.210</b>	<b>2.858.372.141.820</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>							
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>67.051.795.976</b>	<b>375.591.358.793</b>	<b>47.749.357.014</b>	<b>2.324.986.020</b>	<b>5.534.378.275</b>	<b>6.209.843.656</b>	<b>504.461.719.734</b>
- Khấu hao trong năm	33.628.464.716	168.463.633.750	35.013.853.247	1.636.754.410	810.215.429	2.423.176.143	241.976.097.695
- Giảm do thanh lý công ty con (*)	-	(1.887.212.622)	-	-	-	-	(1.887.212.622)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>100.680.260.692</b>	<b>542.167.779.921</b>	<b>82.763.210.261</b>	<b>3.961.740.430</b>	<b>6.344.593.704</b>	<b>8.633.019.799</b>	<b>744.550.604.807</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>							
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>607.368.912.604</b>	<b>1.325.765.748.422</b>	<b>236.232.310.704</b>	<b>5.795.127.722</b>	<b>10.018.604.725</b>	<b>17.793.393.499</b>	<b>2.202.974.097.676</b>
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>607.901.536.858</b>	<b>1.245.536.289.058</b>	<b>222.590.608.181</b>	<b>9.021.515.209</b>	<b>9.208.389.296</b>	<b>19.563.198.411</b>	<b>2.113.821.537.013</b>

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 37.696.991.853 VND (tại ngày 01/01/2018 là 23.669.773.846 VND).

Như trình bày tại Thuyết minh số 20 và 21, Công ty đã thế chấp các tài sản hình thành từ vốn vay với nguyên giá và giá trị còn lại tại ngày 31/12/2018 là 2.858.372.141.820 VND và 2.113.821.537.013 VND (tại ngày 01/01/2018 là 2.707.435.817.410 VND và 2.202.974.097.689 VND) để đảm bảo cho các khoản vay.

(\*) Giảm tài sản do việc thanh lý toàn bộ phần vốn góp tại công con là Công ty TNHH Nhựa Thakhek theo thỏa thuận chuyển nhượng ngày 26/02/2018.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>102.959.320.433</b>	<b>486.500.000</b>	<b>103.445.820.433</b>
- Mua trong năm	-	394.000.000	394.000.000
- Giảm do thanh lý công ty con	(8.945.261.568)	-	(8.945.261.568)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>94.014.058.865</b>	<b>880.500.000</b>	<b>94.894.558.865</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>6.785.517.963</b>	<b>147.828.994</b>	<b>6.933.346.957</b>
- Khấu hao trong năm	2.857.844.184	117.439.002	2.975.283.186
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>9.643.362.147</b>	<b>265.267.996</b>	<b>9.908.630.143</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>96.173.802.470</b>	<b>338.671.006</b>	<b>96.512.473.476</b>
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>84.370.696.718</b>	<b>615.232.004</b>	<b>84.985.928.722</b>

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 139.000.000 VND (tại ngày 01/01/2018 là 32.000.000 VND).

Như trình bày tại Thuyết minh số 20 và 21, Công ty đã thế chấp các giá trị quyền sử dụng đất với giá trị còn lại tại ngày 31/12/2018 là 70.913.007.810 VND (tại ngày 01/01/2018 là 73.336.951.675 VND) để đảm bảo cho các khoản vay.

**14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>Dự án KCN Kỹ thuật cao An Phát (i)</b>		
Chi phí nhận chuyển nhượng dự án	756.452.588.000	-
Chi phí tư vấn dự án	37.136.363.636	-
Chi phí thi công lắp đặt	62.798.625.072	-
<b>Nhà máy số 8</b>		
Chi phí đền bù, san lấp mặt bằng	57.728.745.009	46.376.462.282
Chi phí xây dựng dở dang	11.706.499.673	-
<b>Nhà đào tạo</b>		
Chi phí xây dựng dở dang	-	1.638.695.455
<b>Nhà máy sản xuất bao bì An Vinh</b>		
Chi phí mua sắm máy móc thiết bị	240.347.922.627	-
<b>Nhà máy sản xuất vật liệu An Cường</b>		
Chi phí mua sắm máy móc thiết bị	30.815.048.565	-
<b>Nhà máy CaCO3</b>		
Chi phí mua sắm máy móc thiết bị	-	39.292.832.920
<b>Nhà máy hạt nhựa phụ gia</b>		
Chi phí đền bù, san lấp mặt bằng	4.224.126.351	4.124.126.351
<b>Các công trình khác</b>		
Chi phí mua sắm máy móc thiết bị	2.131.433.651	6.688.986.889
Chi phí xây sửa chữa tài sản cố định	4.667.351.313	-
<b>Cộng</b>	<b>1.208.008.703.897</b>	<b>98.121.103.897</b>

Ghi chú:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

- (i) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là chi phí tập hợp tại dự án Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát (trước là dự án Khu công nghiệp Việt Hòa - Kenmark), được nhận chuyển nhượng theo Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá số 01/2018/MBTSDG ngày 19/04/2018 với Công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng. Toàn bộ giá trị dự án đã được đem đi thế chấp phục vụ Hợp đồng vay số 20181107/HDCV/VPB-APHT ngày 07/11/2018 với Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Hải Dương.

**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>622.778.663.874</b>	<b>622.778.663.874</b>	<b>519.298.194.029</b>	<b>519.298.194.029</b>
Phải trả người bán trong nước	143.539.801.339	143.539.801.339	71.970.997.347	71.970.997.347
Phải trả người bán nước ngoài	479.238.862.535	479.238.862.535	447.327.196.682	447.327.196.682
<b>Cộng</b>	<b>622.778.663.874</b>	<b>622.778.663.874</b>	<b>519.298.194.029</b>	<b>519.298.194.029</b>
<b>Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	<b>452.047.733</b>	<b>452.047.733</b>	-	-

(Chi tiết tại thuyết minh số 35)

**16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>	<b>43.876.545.842</b>	<b>17.127.077.695</b>
Người mua trả tiền trước trong nước	7.767.710.661	1.267.489.056
Người mua trả tiền trước nước ngoài	36.108.835.181	15.859.588.639
<b>Cộng</b>	<b>43.876.545.842</b>	<b>17.127.077.695</b>

**17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/ PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
<b>Phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	-	266.463.256.121	266.463.256.121	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	11.385.819.575	11.385.819.575	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.101.563.481	42.772.027.927	43.438.864.262	13.434.727.146
Thuế thu nhập cá nhân	131.397.169	4.279.253.791	3.760.380.026	650.270.934
Thuế tài nguyên	-	18.834.300	18.834.300	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	1.060.388.762	1.060.388.762	-
Thuế bảo vệ môi trường	-	331.879.200	331.879.200	-
Các loại thuế khác	-	18.295.681	18.295.681	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	54.993.127	54.993.127	-
<b>Cộng</b>	<b>14.232.960.650</b>	<b>326.384.748.484</b>	<b>326.532.711.054</b>	<b>14.084.998.080</b>
	<b>Số đầu năm</b>	<b>Số đã thu trong kỳ</b>	<b>Số đã thực nộp trong kỳ</b>	<b>Số cuối năm</b>
	VND	VND	VND	VND
<b>Phải thu</b>				
Thuế giá trị gia tăng	202.114.928	202.114.928	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	58.868.426	58.868.426	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	2.703.873.259	2.703.873.259
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	1.982.000	1.982.200
<b>Cộng</b>	<b>260.983.354</b>	<b>260.983.354</b>	<b>2.705.855.259</b>	<b>2.705.855.459</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**18. PHẢI TRẢ KHÁC**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<b><i>Phải trả ngắn hạn khác</i></b>	<b><i>3.292.201.538</i></b>	<b><i>2.702.175.863</i></b>
Kinh phí công đoàn	424.075.438	214.677.980
Bảo hiểm xã hội	109.875.147	2.992.890
Bảo hiểm y tế	24.117.247	820.133
Bảo hiểm thất nghiệp	11.064.323	2.710.725
Các khoản phải trả khác	2.723.069.383	2.480.974.135
<b>Cộng</b>	<b><u>3.292.201.538</u></b>	<b><u>2.702.175.863</u></b>

**19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<b><i>Ngắn hạn</i></b>	<b><i>8.985.258.785</i></b>	<b><i>6.422.195.946</i></b>
Trích trước lãi vay phải trả	1.569.640.355	6.422.195.946
Chi phí phải trả khác	7.415.618.430	-
<b>Cộng</b>	<b><u>8.985.258.785</u></b>	<b><u>6.422.195.946</u></b>

**CÔNG TY CP NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT**

Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng

Thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

**MẪU SỐ B 09 - DN/HN**

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***20. VAY NGẮN HẠN**

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giảm	Tăng	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<i>Vay ngắn hạn</i>						
<b>I. Vay ngân hàng</b>	<b>2.465.407.792.801</b>	<b>2.465.407.792.801</b>	<b>5.537.015.496.615</b>	<b>6.584.736.897.182</b>	<b>1.417.686.392.234</b>	<b>1.417.686.392.234</b>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hải Dương (i)	777.284.972.999	777.284.972.999	1.379.999.717.916	1.663.309.972.390	493.974.718.525	493.974.718.525
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN KCN Hải Dương (ii)	261.303.741.760	261.303.741.760	938.389.967.114	1.001.679.967.066	198.013.741.808	198.013.741.808
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - CN Hải Dương (iii)	151.802.275.138	151.802.275.138	395.552.993.798	389.737.065.742	157.618.203.194	157.618.203.194
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hải Dương (iv)	206.196.407.592	206.196.407.592	757.559.871.998	835.096.194.204	128.660.085.386	128.660.085.386
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch I (v)	269.605.245.484	269.605.245.484	594.011.941.830	754.255.073.651	109.362.113.663	109.362.113.663
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hải Dương (vi)	307.443.034.161	307.443.034.161	561.225.327.354	762.828.332.545	105.840.028.970	105.840.028.970
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Thành (vii)	128.591.554.522	128.591.554.522	3.020.024.063	131.611.578.585	-	-
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Hải Dương (viii)	71.010.351.460	71.010.351.460	304.014.695.261	237.461.998.536	137.563.048.185	137.563.048.185
Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam - CN Hà Nội (ix)	27.794.505.480	27.794.505.480	113.138.538.526	96.862.212.743	44.070.831.263	44.070.831.263
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	-	-	60.593.977.340	60.593.977.340	-	-
Ngân hàng TMCP Kỹ thương - CN Hải Dương (x)	83.258.426.138	83.258.426.138	131.170.825.906	204.722.827.980	9.706.424.064	9.706.424.064
Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH - CN Hà Nội (xi)	92.838.848.465	92.838.848.465	213.578.694.436	273.540.345.725	32.877.197.176	32.877.197.176
Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Thăng Long (xii)	16.965.882.574	16.965.882.574	29.838.449	16.995.721.023	-	-
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - CN Hà Nội (xiii)	71.312.547.028	71.312.547.028	84.729.082.624	156.041.629.652	-	-
<b>II. Vay tổ chức</b>	<b>9.000.000.000</b>	<b>9.000.000.000</b>	<b>335.678.400.000</b>	<b>344.678.400.000</b>	-	-
Công ty CP Tập đoàn An Phát Holdings	9.000.000.000	9.000.000.000	335.678.400.000	344.678.400.000	-	-
<b>III. Vay cá nhân</b>	<b>17.998.900.000</b>	<b>17.998.900.000</b>	<b>22.734.746.353</b>	<b>40.733.646.353</b>	-	-
Vay cá nhân	17.998.900.000	17.998.900.000	22.734.746.353	40.733.646.353	-	-
<b>Cộng</b>	<b>2.492.406.692.801</b>	<b>2.492.406.692.801</b>	<b>5.895.428.642.968</b>	<b>6.970.148.943.535</b>	<b>1.417.686.392.234</b>	<b>1.417.686.392.234</b>
<b>Trong đó vay các bên liên quan</b>	<b>9.000.000.000</b>	<b>9.000.000.000</b>	<b>350.433.146.353</b>	<b>359.433.146.353</b>	-	-

(Chi tiết tại thuyết minh số 35)

**Ghi chú:**

- (i) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hải Dương theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 07.05/2018-HĐCVHM/NHCT340-ANPHAT ngày 07 tháng 05 năm 2018 với hạn mức cho vay là 800 tỷ VND. Thời hạn cấp hạn mức đến ngày 07 tháng 05 năm 2019. Mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh bao bì nhựa và các sản phẩm từ nhựa. Tài sản đảm bảo cho các khoản vay được quy định theo các hợp đồng thế chấp với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hải Dương.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**20. VAY NGẮN HẠN (TIẾP THEO)****Ghi chú (Tiếp theo):**

Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương theo Hợp đồng cho vay hạn mức số: 02.05/2018-HĐCVHM/NHCT340-ANVINH ngày 02 tháng 05 năm 2018. Hạn mức cho vay tối đa 100 tỷ VND. Thời hạn duy trì, từ ngày 02 tháng 05 năm 2018 đến ngày 26 tháng 04 năm 2019. Mục đích sử dụng là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh bao bì, hạt nhựa và các sản phẩm từ nhựa. Lãi suất cho vay ưu đãi 6%/năm đối với VND và 2,7%/năm đối với USD, áp dụng tối đa 04 tháng đối với mỗi khế ước nhận nợ, sau đó điều chỉnh 1 tháng 1 lần. Tài sản đảm bảo là các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn với tổng giá trị là 35 tỷ VND.

- (ii) Hợp đồng cho vay hạn mức số 58/2018/HĐCVHM/NHCTKCNHD5 ngày 28 tháng 03 năm 2018. Hạn mức cho vay là 350 tỷ VND, thời hạn duy trì hạn mức từ ngày 28/03/2018 đến ngày 28/03/2019, thời hạn từng khoản vay không quá 4 tháng kể từ ngày ghi trên giấy nhận nợ. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, phát hành L/C, bảo lãnh phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất cho vay được quy định trên từng giấy nhận nợ và điều chỉnh 1 tháng 1 lần. Lãi suất cho vay bằng VND là khoảng 6% - 6,75%/năm, và bằng USD là 2,9%/năm. Dư nợ gốc trả theo quy định của giấy nhận nợ. Biện pháp bảo đảm: thế chấp hàng tồn kho, phải thu luân chuyển của Công ty CP Sản xuất Tổng hợp An Thành theo các hợp đồng thế chấp cụ thể và thư bảo lãnh của Công ty CP Nhựa và Môi trường xanh An Phát, các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam.

Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN KCN Hải Dương theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 76/2018/HĐCVHM/NHCT-KCNHD5 ngày 17 tháng 04 năm 2018 với hạn mức cho vay là 100 tỷ VND hoặc ngoại tệ tương đương. Thời hạn cấp hạn mức là đến hết ngày 31 tháng 03 năm 2019. Mục đích cho vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng thế chấp hàng tồn kho luân chuyển và các tài sản khác theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 23/2015/HĐTC/KCNHD5 ngày 30 tháng 03 năm 2015, và toàn bộ quyền tài sản phát sinh từ vốn góp của Công ty và Công ty CP Sản xuất Tổng hợp An Thành và Công ty Cổ phần Liên vận An tín theo Hợp đồng thế chấp số 50/2018/HĐBĐ/NHCTKCNHD5 ngày 17 tháng 04 năm 2018.

- (iii) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex theo Hợp đồng cấp tín dụng số 660.164/2018/HĐTDHM-DN/PGBankHD ngày 03 tháng 05 năm 2018 với hạn mức tín dụng là 7 triệu USD. Thời hạn cấp tín dụng đến ngày 03 tháng 05 năm 2019. Mục đích vay là bổ sung nguồn vốn lưu động để phục vụ hoạt động kinh doanh thường xuyên của đơn vị. Tài sản đảm bảo cho các khoản vay là tín chấp cùng toàn bộ hàng tồn kho luân chuyển tại nhà máy III của Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát tại Lô CN11 + CN12 cụm Công nghiệp An Đông, Nam Sách bao gồm: Thành phẩm, vật tư, công cụ, dụng cụ, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.

- (iv) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hải Dương theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 180105/NHNTHD ngày 09 tháng 10 năm 2018 với hạn mức cho vay là 500 tỷ VND. Thời hạn cấp hạn mức đến ngày 30 tháng 09 năm 2019. Mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh bao bì nhựa. Tài sản đảm bảo cho các khoản vay được quy định theo các hợp đồng thế chấp với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hải Dương.

Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 180048/NHNTHD ngày 22/6/2018. Hạn mức cho vay 200 tỷ VND, trong đó, điều kiện sử dụng hạn mức cho vay cụ thể như sau: Hạn mức cho vay là 40 tỷ VND khi biện pháp đảm bảo là thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD597627, bảo lãnh vốn vay của Công ty CP Nhựa và Môi trường xanh An Phát; Hạn mức cho vay từ 40 tỷ VND đến 100 tỷ VND nếu bổ sung thêm các biện pháp đảm bảo gồm: Thế chấp tài sản là một phần quyền đòi nợ các khoản phải thu phát sinh từ các hợp đồng mua bán, thế chấp một phần hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất của bên vay, bên vay bổ sung tài sản đảm bảo tối thiểu bằng 50% hạn mức tăng cho vay tăng thêm. Hạn mức từ 100 tỷ VND đến 200 tỷ VND khi bên vay bổ sung tài sản đảm bảo tối thiểu bằng 100% hạn mức cho vay tăng thêm. Tại thời điểm ký hợp đồng, hạn mức cho vay là 100 tỷ VND. Thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng kể từ ngày hợp đồng này. Thời hạn cho vay của mỗi khoản nợ là 4 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay và được quy định trên từng Giấy nhận nợ. Đồng tiền cho vay là USD hoặc VND. Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

**20. VAY NGẮN HẠN (TIẾP THEO)**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**Ghi chú (Tiếp theo):**

- (v) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sở Giao dịch 1 theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2018/1347719/HĐTD ngày 04 tháng 05 năm 2018 và Văn bản sửa đổi hợp đồng tín dụng ngày 10 tháng 10 năm 2018 với hạn mức cho vay là 400 tỷ VND. Thời hạn cấp tín dụng đến ngày 29 tháng 04 năm 2019. Mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C phục vụ việc sản xuất kinh doanh. Tài sản đảm bảo cho các khoản vay được quy định theo các hợp đồng thế chấp với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sở Giao dịch.

Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sở Giao dịch 1 theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2018/9596589/HĐTD ngày 08 tháng 02 năm 2018 với hạn mức cấp tín dụng là 100 tỷ VND. Thời hạn cấp tín dụng đến ngày 08 tháng 02 năm 2019. Mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động, mở L/C phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản đảm bảo cho các khoản vay là Hợp đồng tiền gửi số 01/2018/9597689/HĐTG ngày 09 tháng 02 năm 2018 và 500.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát.

Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sở Giao dịch 1 theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2018/10699682/HĐTD ngày 28 tháng 9 năm 2018. Hạn mức tín dụng thường xuyên (bao gồm: cho vay ngắn hạn, mở L/C trừ phần ký quỹ và bảo lãnh trừ phần ký quỹ) với số tiền tối đa là 55.000.000.000 VND. Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Thời hạn cho vay và lãi suất được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể. Mục đích khoản vay để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là hệ thống máy móc thiết bị tại nhà máy của Công ty với tổng giá trị 21,692 tỷ VND.

Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 1 theo Hợp đồng cho vay hạn mức số: 01/2018/10812123/HĐTD ngày 07 tháng 11 năm 2018. Hạn mức cho vay tối đa 100 tỷ VND. Thời hạn duy trì, đến hết 31 ngày 08 tháng 2019. Mục đích sử dụng là bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C (trừ phần ký quỹ). Lãi suất áp dụng cụ thể theo từng giấy nhận nợ. Tại mọi thời điểm, Công ty phải đáp ứng tỷ lệ tài sản đảm bảo tối thiểu 35% dư nợ vay, dư mở L/C, bảo lãnh. Các thỏa thuận về biện pháp bảo đảm được ghi nhận và thực hiện ký kết trước ngày giải ngân.

- (vi) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hải Dương theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2018/1347719 ngày 03 tháng 05 năm 2018 và Văn bản sửa đổi hợp đồng tín dụng ngày 10 tháng 10 năm 2018 với hạn mức cho vay là 300 tỷ VND. Thời hạn cấp tín dụng đến ngày 30 tháng 04 năm 2019. Mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Tài sản đảm bảo cho các khoản vay được quy định theo các hợp đồng thế chấp với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hải Dương.

Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hải Dương theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2018/3197534/HĐTD ngày 03 tháng 05 năm 2018 với hạn mức cho vay là 60 tỷ VND hoặc ngoại tệ tương đương. Thời hạn cấp hạn mức đến hết ngày 30 tháng 04 năm 2019. Mục đích cho vay là để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C phục vụ sản xuất kinh doanh. Tài sản đảm bảo cho các khoản vay được quy định theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2017/3197534/HĐBD ngày 24 tháng 04 năm 2017.

- (vii) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Thành theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2018/1347719/HĐTD ngày 27 tháng 09 năm 2018 với hạn mức cho vay là 100 tỷ VND. Thời hạn cấp tín dụng đến ngày 30 tháng 04 năm 2019. Mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Tài sản đảm bảo cho các khoản vay được quy định theo các hợp đồng cầm cố/thế chấp/bảo lãnh/ký quỹ với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Thành.

Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Thành theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2018/3197534/HĐTD ngày 18 tháng 12 năm 2018 với số tiền 50 tỷ VND nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C đến ngày 30/04/2019. Lãi suất cụ thể được quy định trên các hợp đồng tín dụng, bảo lãnh,... Tài sản thế chấp theo Hợp đồng số 01/2018/3197534/HĐBD ngày 18 tháng 12 năm 2018.

**20. VAY NGẮN HẠN (TIẾP THEO)**

**Ghi chú (Tiếp theo):**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

- (viii) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Hải Dương theo Hợp đồng cấp tín dụng số 42510.18.270.300401.TD với hạn mức tín dụng là 150 tỷ VND Thời hạn cấp tín dụng đến ngày 19 tháng 11 năm 2019. Mục đích vay là để bổ sung nguồn vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh nhựa. Tài sản đảm bảo cho các khoản vay được quy định theo các hợp đồng thế chấp với Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Hải Dương.
- Hợp đồng cấp tín dụng số 22050.17.270.328.3571.TD ngày 03/11/2017. Hạn mức tín dụng là 50 tỷ VND hoặc USD có giá trị tương đương. Thời hạn của hạn mức từ ngày ký hợp đồng đến ngày 20/09/2018 từ thời điểm kết thúc hợp đồng vay đến ngày 31/12/2018 số dư nợ vay không đổi, đến ngày 02/01/2019 Công ty đã ký kết với Ngân hàng Hợp đồng 42975.18.270.3283571. Thời hạn của từng khoản tín dụng là 4 tháng kể từ ngày giải ngân, lãi suất quy định tại từng lần nhận nợ. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh. Biện pháp bảo đảm: trường hợp dư nợ dưới 15 tỷ VND được bảo đảm bằng giấy tờ có giá, phương tiện vận tải, bất động sản đáp ứng điều kiện nhận tài sản của ngân hàng, trường hợp dư nợ vượt 15 tỷ VND được bảo đảm bằng thư bảo lãnh của Công ty CP Nhựa và Môi trường xanh An Phát, Công ty CP Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái, và các tài sản khác theo quy định của Ngân hàng.
- (ix) Vay ngắn hạn Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam - CN Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng thương mại số HN/2017/06/BCB/HDTD ngày 23 tháng 05 năm 2017, Phụ lục bổ sung HN/2017/06/BCB/HDTD/PL2/02 ký ngày 29/11/2018 với hạn mức cho vay là 4 triệu USD. Thời hạn duy trì hạn mức đến ngày 29 tháng 11 năm 2021. Mục đích vay là để trả tiền nhập khẩu nguyên liệu. Tài sản đảm bảo cho các khoản vay là các chứng nhận tiền gửi có kỳ hạn/ chứng nhận tiền gửi tiết kiệm trị giá 5 tỷ VND hoặc tương đương mang tên Công ty CP Nhựa và Môi trường xanh An Phát hoặc Chủ tịch HĐQT hoặc Cổ đông hoặc Giám đốc Công ty.
- (x) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - CN Hải Dương theo Hợp đồng cấp tín dụng số HDG2017 0561/HĐTĐ ngày 26/10/2017, hạn mức tín dụng là 100 tỷ VND tăng lên 200 tỷ VND theo Phụ lục số HDG20170561/HĐTĐ/PL02 ngày 26/10/2018. Thời hạn của hạn mức là 12 tháng (đến ngày 26/10/2018) được gia hạn đến ngày 27/10/2019 theo Phụ lục số HDG20170561/HĐTĐ/PL02 ngày 26/10/2018. Thời hạn của từng khoản vay không vượt quá 4 tháng kể từ ngày giải ngân. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản đảm bảo là toàn bộ các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn của Công ty tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam.
- (xi) Vay ngắn hạn tại Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH - CN Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số BBL-HN-072013 ngày 28/10/2013, Phụ lục bổ sung ngày 21/10/2016 với hạn mức cho vay là 8 triệu USD. Mục đích sử dụng vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bởi khoản ký quỹ tại ngân hàng tương đương 10% số tiền của thư tín dụng kể từ ngày mở thư tín dụng đến ngày thanh toán khoản vay nhập khẩu dưới thư tín dụng đó.
- (xii) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Thăng Long theo Hợp đồng cấp tín dụng số 0018/2018/HĐTĐ-OCB-DN ngày 13/11/2018. Hạn mức tín dụng là 100 tỷ VND hoặc USD có giá trị tương đương. Thời hạn của hạn mức là 12 tháng từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất quy định tại từng lần nhận nợ. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh nhựa và nguyên liệu để sản xuất nhựa, nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Biện pháp bảo đảm: bảo lãnh của Công ty CP Nhựa và Môi trường xanh An Phát, Cam kết bảo lãnh của cá nhân chủ tịch hội đồng quản trị Công ty CP Nhựa và Môi trường xanh An Phát.
- (xiii) Vay ngắn hạn Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - CN Hà Nội theo Hợp đồng số 130000142120 ngày 15 tháng 08 năm 2012, Phụ lục bổ sung 130000142120/16 và 130000142120/17 ký ngày 15/08/2018 với hạn mức cho vay là 4,5 triệu USD. Thời hạn duy trì hạn mức đến ngày 15 tháng 08 năm 2019. Mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh bao bì nhựa. Tài sản đảm bảo cho các khoản vay được quy định theo các hợp đồng thế chấp với Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - CN Hà Nội.

**21. VAY DÀI HẠN**



**CÔNG TY CP NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT**

Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng  
Thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

**MẪU SỐ B 09 - DN/HN**

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giảm	Tăng	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Vay dài hạn</b>						
<b>I. Vay ngân hàng</b>	<b>651.879.153.459</b>	<b>651.879.153.459</b>	<b>101.271.748.334</b>	<b>450.851.823.441</b>	<b>302.299.078.352</b>	<b>302.299.078.352</b>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch I (i)	48.762.108.280	48.762.108.280	9.093.523.304	23.188.394.084	34.667.237.500	34.667.237.500
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hải Dương (ii)	63.800.000.000	63.800.000.000	29.400.000.000	-	93.200.000.000	93.200.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hải Dương (iii)	89.665.857.022	89.665.857.022	31.012.910.968	20.127.000.000	100.551.767.990	100.551.767.990
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN KCN Hải Dương (iv)	14.242.850.000	14.242.850.000	5.997.400.000	-	20.240.250.000	20.240.250.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (v)	67.536.429.357	67.536.429.357	-	67.536.429.357	-	-
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - CN Hải Dương (vi)	367.871.908.800	367.871.908.800	25.767.914.062	340.000.000.000	53.639.822.862	53.639.822.862
<b>II. Trái phiếu phát hành</b>	<b>666.063.136.363</b>	<b>666.063.136.363</b>	<b>193.126.090.909</b>	<b>402.251.727.272</b>	<b>456.937.500.000</b>	<b>456.937.500.000</b>
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	-	-	180.000.000.000	962.500.000	179.037.500.000	179.037.500.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hải Dương (vii)	149.175.000.000	149.175.000.000	-	300.000.000	148.875.000.000	148.875.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN KCN Hải Dương (viii)	129.285.000.000	129.285.000.000	-	260.000.000	129.025.000.000	129.025.000.000
Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam (ix)	96.900.784.091	96.900.784.091	3.281.522.727	100.182.306.818	-	-
Công ty Shinhan Investment Corp (x)	193.801.568.181	193.801.568.181	6.563.045.455	200.364.613.636	-	-
Keb Hana Bank - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh (xi)	96.900.784.091	96.900.784.091	3.281.522.727	100.182.306.818	-	-
<b>III. Vay tổ chức</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>149.690.000.000</b>	<b>-</b>	<b>149.690.000.000</b>	<b>149.690.000.000</b>
Công ty TNHH Dương Phạm Investment	-	-	50.000.000.000	-	50.000.000.000	50.000.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Việt và Dương	-	-	50.000.000.000	-	50.000.000.000	50.000.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Trung và Hòa	-	-	49.690.000.000	-	49.690.000.000	49.690.000.000
<b>IV. Vay cá nhân</b>	<b>24.861.600.000</b>	<b>24.861.600.000</b>	<b>61.500.000.000</b>	<b>35.361.600.000</b>	<b>51.000.000.000</b>	<b>51.000.000.000</b>
Vay cá nhân	24.861.600.000	24.861.600.000	61.500.000.000	35.361.600.000	51.000.000.000	51.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.342.803.889.822</b>	<b>1.342.803.889.822</b>	<b>505.587.839.243</b>	<b>888.465.150.713</b>	<b>959.926.578.352</b>	<b>959.926.578.352</b>

**Ghi chú:**

- (i) Vay trung hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sở Giao dịch theo Hợp đồng tín dụng số 01/2016/1347719/HĐTD ngày 05 tháng 12 năm 2016 với tổng số tiền là 1.995.000 USD với mục đích là Thanh toán chi phí đầu tư tài sản cố định gián tiếp là 20 máy thổi tốc độ cao theo hợp đồng ngoại số 160713-02 ngày 13/07/2016, với thời hạn vay là 60 tháng. Lãi suất cho vay thả nổi theo từng thời kỳ. Biện pháp đảm bảo cho khoản vay theo các hợp đồng thế chấp đã ký giữa Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sở Giao dịch.

**21. VAY DÀI HẠN (TIẾP THEO)**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**Ghi chú (Tiếp theo):**

Vay trung hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sở Giao dịch 1 theo Hợp đồng tín dụng số: 02/2018/10812123/HDTD ngày 07 tháng 11 năm 2018. Khoản vay với giá trị bằng Phẫu trương ứng 6.356.246 USD, quy đổi theo tỷ giá tại thời điểm giải ngân. Tương ứng 65% giá trị dự án. Mục đích khoản vay để thanh toán chi phí đầu tư máy móc thiết bị cho dự án sản xuất bao bì PP, bao bì FIBC của Công ty. Thời hạn cho vay 5 năm kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên. Lãi suất áp dụng là lãi suất thả nổi có điều chỉnh. Lịch trả nợ gốc trả theo từng quý, trả lần đầu vào 25 tháng 03 năm 2019.

(ii) Vay trung và dài hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hải Dương theo các hợp đồng sau:

- Vay trung hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hải Dương theo Hợp đồng tín dụng số 02/2015/1347719/HDTD ngày 30 tháng 06 năm 2015 với tổng số tiền là 70 tỷ VND với mục đích là để bổ sung vốn tự có, cơ cấu tài chính do đã mua sắm tài sản cố định, với thời hạn vay là 60 tháng. Lãi suất cho vay thả nổi theo từng thời kỳ. Biện pháp đảm bảo cho khoản vay được quy định theo các hợp đồng thế chấp với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hải Dương.

- Vay trung hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hải Dương theo Hợp đồng tín dụng số 02/2016/1347719/HDTD ngày 23 tháng 12 năm 2016 với tổng số tiền là 68 tỷ VND với mục đích là để hoàn vốn tự có sau khi công ty đã tham gia vào dự án đầu tư 12 máy thổi màng nhựa, nâng cao công suất sản xuất bao bì nhựa, với thời hạn vay là 60 tháng. Lãi suất cho vay thả nổi theo từng thời kỳ. Biện pháp đảm bảo cho khoản vay được quy định theo các hợp đồng thế chấp với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hải Dương.

(iii) Các hợp đồng vay tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Hải Dương với mục đích mua sắm tài sản cố định, lãi suất dao động từ 7,5% đến 10,5% một năm, kỳ hạn tùy theo từng khoản vay có thể là 36 tháng hoặc 60 tháng. Tài sản đảm bảo của các hợp đồng vay được quy định chi tiết theo từng hợp đồng thế chấp của từng hợp đồng vay.

- Vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hải Dương theo Hợp đồng vay trung và dài hạn 05/2015-HĐTDDA/NHCT340-ANPHAT ngày 22 tháng 10 năm 2015 với hạn mức tín dụng là 4,445 tỷ VND. Thời gian của hạn mức là 60 tháng kể từ ngày rút vốn. Mục đích sử dụng dùng để thanh toán các chi phí đầu tư lắp đặt đường dây 35kV và trạm biến áp 2x2500 kVA. Lãi suất áp dụng theo từng thời điểm ngân hàng công bố. Bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

- Vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hải Dương theo Hợp đồng vay trung và dài hạn 01/2016-HĐTDDA/NHCT340-ANPHAT ngày 13 tháng 04 năm 2016 với hạn mức tín dụng là 4,47 tỷ VND. Thời gian của hạn mức là 60 tháng kể từ ngày rút vốn. Mục đích sử dụng là để đầu tư xây dựng công trình mái che nhà máy số 5. Toàn bộ khoản vay được giải ngân bằng VND với lãi suất 10% năm. Bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

- Vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hải Dương theo Hợp đồng vay trung và dài hạn 02/2016-HĐTDDA/NHCT340-ANPHAT ngày 12 tháng 05 năm 2016 với hạn mức tín dụng là 7,968 tỷ VND. Thời gian của hạn mức là 60 tháng kể từ ngày rút vốn. Mục đích sử dụng để đầu tư mua sắm máy móc thiết bị, phương tiện vận tải. Lãi suất áp dụng theo từng thời điểm ngân hàng công bố. Bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

- Vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hải Dương theo Hợp đồng vay trung và dài hạn 03/2016-HĐTDDA/NHCT340-ANPHAT ngày 18 tháng 05 năm 2016 với hạn mức tín dụng là 9,886 tỷ VND. Thời gian của hạn mức là 60 tháng kể từ ngày rút vốn. Mục đích sử dụng để đầu tư mua sắm máy móc thiết bị, phương tiện vận tải. Lãi suất áp dụng theo từng thời điểm ngân hàng công bố. Bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

- Vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương theo Hợp đồng vay trung và dài hạn 06/2016-HĐTDDA/NHCT340-ANPHAT ngày 06 tháng 06 năm 2016 với hạn mức tín dụng là 2,8 tỷ VND. Thời gian của hạn mức là 60 tháng kể từ ngày rút vốn. Mục đích sử dụng để đầu tư mua sắm phương tiện vận tải. Lãi suất áp dụng theo từng thời điểm ngân hàng công bố. Bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

**21. VAY DÀI HẠN (TIẾP THEO)**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**Ghi chú (Tiếp theo):**

- Vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hải Dương theo Hợp đồng vay trung và dài hạn 05.07/2016-HĐTDDA/NHCT340-ANPHAT ngày 05 tháng 07 năm 2016 với hạn mức tín dụng là 8,800 tỷ VND. Thời gian của hạn mức là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích sử dụng để đầu tư mua sắm máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất áp dụng theo từng thời điểm ngân hàng công bố. Bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- Vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hải Dương theo Hợp đồng vay trung và dài hạn 11.08/2016-HĐTDDA/NHCT340-ANPHAT ngày 11 tháng 08 năm 2016 với hạn mức tín dụng là 2,180 tỷ VND. Thời gian của hạn mức là 60 tháng kể từ ngày rút vốn. Mục đích sử dụng dùng để thanh toán các chi phí đầu tư mua sắm phương tiện vận tải, máy móc thiết bị sử dụng trong nhà máy sản xuất bao bì nhựa. Lãi suất áp dụng theo từng thời điểm ngân hàng công bố. Bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- Vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hải Dương theo Hợp đồng vay trung và dài hạn 18.11/2016/HĐTDDA/NHCT340-ANPHAT ngày 18 tháng 11 năm 2016 với hạn mức tín dụng là 5 tỷ VND. Thời gian của hạn mức là 60 tháng kể từ ngày rút vốn. Mục đích sử dụng dùng để thanh toán các chi phí đầu tư mua sắm máy móc thiết bị. Lãi suất áp dụng theo từng thời điểm ngân hàng công bố. Bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- Theo Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 29.05.CNHD9/2017/HĐCVDADT/ANPHAT/MAZDA3 ngày 29 tháng 05 năm 2017 với hạn mức tín dụng là 560 triệu VND. Thời gian của hạn mức là 60 tháng kể từ ngày rút vốn. Mục đích sử dụng để thực hiện dự án đầu tư mua xe ô tô Mazda 3 phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất áp dụng theo từng thời điểm ngân hàng công bố. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản theo quy định tại hợp đồng thế chấp tài sản số 29.05/CNHD9/2017/HĐTC/ANPHAT/MAZDA3 ngày 29 tháng 05 năm 2017 với tổng giá trị tài sản đảm bảo là 805 triệu VND.
- Theo Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 06.12/CNHD9/2016/HĐTDDA/ANPHAT ngày 06 tháng 12 năm 2016 với hạn mức tín dụng là 25 tỷ VND. Thời gian của hạn mức là 60 tháng kể từ ngày rút vốn. Mục đích sử dụng để thanh toán các chi phí đầu tư mua sắm thiết bị theo các hợp đồng kinh tế ký kết với các nhà cung cấp. Lãi suất áp dụng theo từng thời điểm ngân hàng công bố. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản theo quy định tại Hợp đồng thế chấp tài sản số 06.12/CNHD9/2016/HĐTC/ANPHAT/MMTB ngày 06 tháng 12 năm 2016 .
- Theo Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 06.06.CNHD9/2017/HĐCVDADT/ANPHAT/OTO ngày 06 tháng 06 năm 2017 với hạn mức tín dụng là 4,3 tỷ VND. Thời gian của hạn mức là 60 tháng kể từ ngày rút vốn. Mục đích sử dụng để mua 10 xe ô tô Hyundai Grand I10 1.0 MT 2017 -AVN (EU4); 01 xe ô tô Toyota Vios 1.5G và 01 xe ô tô Toyota Hilux 2.4E 4x2T; 02 xe Toyota Vios 1.5G. Lãi suất áp dụng theo quy định của Ngân hàng tại từng thời điểm. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản theo quy định tại các hợp đồng thế chấp tài sản ký kết giữa Công ty và Ngân hàng.
- Theo Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 20.10/CNHD9/HĐCVDADT/ANTIN ngày 20 tháng 10 năm 2017 với hạn mức tín dụng là 400 triệu VND. Thời gian của hạn mức là 36 tháng kể từ ngày rút vốn. Mục đích sử dụng là để thanh toán chi phí đầu tư mua xe 5 chỗ Ranger 2.2 4x2 T XLS. Lãi suất áp dụng theo quy định của Ngân hàng tại từng thời điểm. Khoản vay được đảm bảo bằng xe 5 chỗ RANGER 2.2 4x2 T XLS.
- Theo Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 03.08/CNHD9/2017/HĐCVDADT/ANPHAT/MERCEDES- BENZ ngày 23 tháng 08 năm 2017 với hạn mức tín dụng là 1,7 tỷ VND. Thời gian của hạn mức là 60 tháng kể từ ngày rút vốn. Mục đích sử dụng để mua xe du lịch Mercedes Benz V250 Avantgarde. Lãi suất áp dụng theo quy định của Ngân hàng tại từng thời điểm. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản theo quy định tại các hợp đồng thế chấp tài sản ký kết giữa Công ty và Ngân hàng.

**21. VAY DÀI HẠN (TIẾP THEO)**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**Ghi chú (Tiếp theo):**

- Theo Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 25.07/CNHD9/2017/HĐCVDADT/ANPHAT/30E-501.05 ngày 25 tháng 07 năm 2017 với hạn mức tín dụng là 4,06 tỷ VND. Thời gian của hạn mức là 60 tháng kể từ ngày rút vốn. Mục đích sử dụng để mua ô tô con Mercedes G350, biển số 30E-501.05. Lãi suất áp dụng theo quy định của Ngân hàng tại từng thời điểm. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản theo quy định tại các hợp đồng thế chấp tài sản ký kết giữa Công ty và Ngân hàng.
- Theo Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 14.07/CNHD9/2017/HĐCVDADT/ANPHAT/MERCEDES ngày 14 tháng 07 năm 2017 với hạn mức tín dụng là 1,7 tỷ VND. Thời gian của hạn mức là 60 tháng kể từ ngày rút vốn. Mục đích sử dụng để mua xe du lịch Mercedes Benz V250 Avantgarde. Lãi suất áp dụng theo quy định của Ngân hàng tại từng thời điểm. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản theo quy định tại các hợp đồng thế chấp tài sản ký kết giữa Công ty và Ngân hàng.
- Theo Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 12.12/CNHD9/2017/HĐCVDADT/ANPHAT/24OTO ngày 12 tháng 12 năm 2017 với hạn mức tín dụng là 8,35 tỷ VND. Thời gian của hạn mức là 60 tháng kể từ ngày rút vốn. Mục đích sử dụng để đầu tư mua sắm 24 xe ô tô phục vụ nhu cầu đi lại của Công ty. Lãi suất áp dụng theo quy định của Ngân hàng tại từng thời điểm. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản theo quy định tại các hợp đồng thế chấp tài sản ký kết giữa Công ty và Ngân hàng.
- Theo Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 12.03/2018-HĐCVDADT/NHCT340-ANPHAT-VIOS ngày 12 tháng 03 năm 2018 với hạn mức tín dụng là 392 triệu VND. Thời gian của hạn mức là 60 tháng kể từ ngày rút vốn. Mục đích sử dụng để đầu tư mua sắm một xe ô tô con phục vụ nhu cầu đi lại của Công ty. Lãi suất áp dụng theo quy định của Ngân hàng tại từng thời điểm. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản theo quy định tại các hợp đồng thế chấp tài sản ký kết giữa Công ty và Ngân hàng.
- Theo Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 02.01/2018-HĐCVDADT/NHCT340-ANTIN ngày 02 tháng 02 năm 2018 với hạn mức tín dụng là 635 triệu VND. Thời gian của hạn mức là 36 tháng kể từ ngày rút vốn. Mục đích sử dụng để đầu tư mua sắm một xe ô tô con Innova G phục vụ nhu cầu đi lại của Công ty. Lãi suất áp dụng theo quy định của Ngân hàng tại từng thời điểm. Khoản vay được đảm bảo bằng ô tô Toyota Innova G biển kiểm soát 51G-567.05.
- Theo Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 20.04/2018-HĐCVDADT/NHCT340-ANTIN ngày 23 tháng 04 năm 2018 với hạn mức tín dụng là 17 tỷ VND. Thời gian của hạn mức là 60 tháng kể từ ngày rút vốn. Bổ đắp chi phí hợp pháp của dự án đầu tư mua 30 xe ô tô đầu kéo nhãn hiệu Freightliner Cascadia và 16 Sơ mi rơ mooc chở container nhãn hiệu CIMC phục vụ hoạt động kinh doanh vận tải của Công ty. Lãi suất áp dụng theo quy định của Ngân hàng tại từng thời điểm. Khoản vay được đảm bảo bằng 34 xe ô tô đầu kéo và sơ mi rơ mooc theo hợp đồng thế chấp tài sản số 20.04/2018/HĐCVDADT/NHCT340-ANTIN.
- Theo hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 14.06/CNHD9/HĐCVDADT/ANTIN/50XE ngày 14 tháng 06 năm 2017 với hạn mức tín dụng là 20 tỷ đồng. Thời gian của hạn mức là 60 tháng kể từ ngày rút vốn. Mục đích sử dụng là để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của dự án đầu tư mua phương tiện vận tải bao gồm 20 đầu kéo và 30 sơ mi rơ mooc phục vụ kinh doanh vận tải. Lãi suất áp dụng theo quy định của Ngân hàng tại từng thời điểm. Khoản vay được đảm bảo bằng 30 rơ mooc và 6 đầu kéo được quy định tại các hợp đồng thế chấp ký kết giữa Công ty và Ngân hàng.
- Theo Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 04.07/2016-HĐTDDA/NHCT340-ANTIN ngày 04 tháng 07 năm 2016 với hạn mức tín dụng là 9 tỷ VND. Thời gian của hạn mức là 36 tháng kể từ ngày rút vốn. Mục đích sử dụng là để thanh toán chi phí đầu tư mua phương tiện vận tải gồm 10 xe ô tô đầu kéo và 10 sơ mi rơ mooc để phục vụ sản xuất kinh doanh vận tải. Lãi suất áp dụng theo quy định của Ngân hàng tại từng thời điểm. Khoản vay được đảm bảo bằng 10 ô tô đầu kéo và 10 sơ mi rơ mooc theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 04.07.16.933/HĐTC-ANTIN.

**21. VAY DÀI HẠN (TIẾP THEO)**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Ghi chú (Tiếp theo):

- Theo Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 29.11/CNHD9/2016/HĐTDDA/ANTIN ngày 04 tháng 07 năm 2016 với hạn mức tín dụng là 7 tỷ VND. Thời gian của hạn mức là 36 tháng kể từ ngày rút vốn. Mục đích sử dụng là để thanh toán chi phí đầu tư mua phương tiện vận tải gồm 10 xe ô tô đầu kéo để phục vụ sản xuất kinh doanh vận tải. Lãi suất áp dụng theo quy định của Ngân hàng tại từng thời điểm. Khoản vay được đảm bảo bằng 10 ô tô đầu kéo theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 9.11/CNHD9/2016/HĐTC/ANTIN.
- (iv) Vay trung hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN KCN Hải Dương theo Hợp đồng vay trung hạn số 297/2015/HĐTDDA/KCNHD5 ngày 27 tháng 11 năm 2015 với tổng số tiền là 15 tỷ VND với mục đích là để bù đắp chi phí dự án đầu tư 1 máy tạo hạt Taical 2 nòng trục vít, model TKH-175JP, với thời hạn vay là 60 tháng. Lãi suất cho vay thả nổi theo từng thời kỳ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay được quy định trong các hợp đồng vay được ký với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN KCN Hải Dương.  
  
Vay trung hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN KCN Hải Dương theo Hợp đồng vay tín dụng số 218/2016/HSTDDA/KCNDS ngày 19 tháng 09 năm 2016 với tổng số tiền là 14,987 tỷ VND với mục đích là để bù đắp chi phí dự án đầu tư mua 1 máy tạo hạt Taical 2 nòng trục vít model TKH-175JP, với thời hạn vay là 60 tháng. Lãi suất cho vay thả nổi theo từng thời kỳ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay được quy định trong các hợp đồng vay được ký với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN KCN Hải Dương.
- (v) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng theo Hợp đồng vay số 20181107/HDCV/VPB-APHT ngày 07 tháng 11 năm 2018. Mục đích vay là để Thanh toán phí sửa chữa, cải tạo, tư vấn, hoàn thiện dự án "Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng và nhà xưởng trong Khu công nghiệp Việt Hòa - Kenmark". Hạn mức là 140,531 tỷ VND, kỳ hạn vay 36 tháng kể từ ngày giải ngân. Tài sản đảm bảo là toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của Khu công nghiệp Việt Hòa - Kenmark.
- (vi) Các hợp đồng vay tại Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - CN Hải Dương với mục đích mua sắm tài sản cố định, lãi suất dao động từ 8,3% đến 10,5% một năm, kỳ hạn tùy theo từng khoản vay có thể là 48 tháng hoặc 60 tháng. Tài sản đảm bảo của các hợp đồng vay được quy định chi tiết theo từng hợp đồng thế chấp của từng hợp đồng vay.
  - Vay trung hạn tại Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - CN Hải Dương theo Hợp đồng vay trung và dài hạn 660.139/2016/HĐTD -DB/PGBank ngày 22 tháng 03 năm 2016 với hạn mức tín dụng là 8,39 tỷ VND. Thời gian của hạn mức là 60 tháng kể từ ngày rút vốn. Mục đích sử dụng là để phục vụ đầu tư mua sắm, xây dựng tài sản cố định. Toàn bộ khoản vay được giải ngân bằng tiền Việt Nam đồng. Lãi suất vay xác định trong từng lần nhận nợ cụ thể. Tài sản đảm bảo cho các khoản vay được quy định riêng cho từng hợp đồng bao gồm: Tài sản gắn liền với đất, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải.
  - Vay trung hạn tại Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - CN Hải Dương theo Hợp đồng vay trung và dài hạn 660.184/2016/HĐTD -DB/PGBank ngày 22 tháng 04 năm 2016 với hạn mức tín dụng là 3,619 tỷ VND. Thời gian của hạn mức là 48 tháng kể từ ngày rút vốn. Mục đích sử dụng là để phục vụ đầu tư mua sắm phương tiện vận tải. Toàn bộ khoản vay được giải ngân bằng tiền Việt Nam đồng. Lãi suất vay xác định trong từng lần nhận nợ cụ thể. Tài sản đảm bảo cho các khoản vay được quy định riêng cho từng hợp đồng bao gồm: Tài sản hình thành từ vốn vay.
  - Vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - CN Hải Dương theo Hợp đồng vay trung và dài hạn 660.028/2017/HĐTD -DB/PGBank ngày 11 tháng 01 năm 2017 với hạn mức tín dụng là 3,264 tỷ VND. Thời gian của hạn mức là 60 tháng kể từ ngày rút vốn. Mục đích đầu tư mua xe ô tô phục vụ nhu cầu đi lại, giao dịch. Toàn bộ khoản vay được giải ngân bằng tiền Việt Nam đồng. Lãi suất vay xác định trong từng lần nhận nợ cụ thể. Biện pháp đảm bảo cho các khoản vay là các tài sản hình thành từ vốn vay là 01 ô tô Camry 2.0E, 02 xe Fortuner 2.7V 4x2 và 01 xe ô tô con 05 chỗ ngồi, nhãn hiệu SUBARU. Tổng giá trị tài sản đảm bảo là 4,663 tỷ VND.

**21. VAY DÀI HẠN (TIẾP THEO)**

Ghi chú (Tiếp theo):

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

- Vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - CN Hải Dương theo Hợp đồng vay trung và dài hạn 660.029/2017/HĐTD -DB/PGBank ngày 16 tháng 01 năm 2017 với hạn mức tín dụng là 424.900.000 VND. Thời gian của hạn mức là 60 tháng kể từ ngày rút vốn. Mục đích đầu tư mua xe ô tô phục vụ nhu cầu đi lại, giao dịch. Toàn bộ khoản vay được giải ngân bằng tiền Việt Nam đồng. Lãi suất vay xác định trong từng lần nhận nợ cụ thể. Biện pháp đảm bảo cho các khoản vay là các tài sản hình thành từ vốn vay là ô tô VIOS 1.5G CVT. Tổng giá trị tài sản đảm bảo là 607 triệu VND.
  - Vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - CN Hải Dương theo Hợp đồng vay trung và dài hạn 660.100/2017/HĐTD -DB/PGBank ngày 29 tháng 03 năm 2017 với hạn mức tín dụng là 2,544 tỷ VND. Thời gian của hạn mức là 60 tháng kể từ ngày rút vốn. Mục đích đầu tư mua sắm máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Toàn bộ khoản vay được giải ngân bằng tiền Việt Nam đồng. Lãi suất vay xác định trong từng lần nhận nợ cụ thể. Biện pháp đảm bảo cho các khoản vay là các tài sản hình thành từ vốn vay. Tổng giá trị tài sản đảm bảo là 3.634.400.000 VND.
  - Vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - CN Hải Dương theo Hợp đồng vay trung và dài hạn 660.365/2017/HĐTD -DB/PGBank ngày 05 tháng 06 năm 2017 với hạn mức tín dụng là 44.465.542.000 VND. Thời gian của hạn mức là 60 tháng kể từ ngày rút vốn. Mục đích sử dụng là để phục vụ đầu tư mua sắm máy móc thiết bị. Toàn bộ khoản vay được giải ngân bằng tiền Việt Nam đồng. Lãi suất vay xác định trong từng lần nhận nợ cụ thể. Biện pháp đảm bảo cho các khoản vay là các tài sản hình thành từ vốn vay. Tổng giá trị tài sản đảm bảo là 63.522.204.733 VND.
  - Vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - CN Hải Dương theo Hợp đồng vay trung và dài hạn 660.109/2018/HĐTD -DB/PGBank ngày 27 tháng 03 năm 2018 với hạn mức tín dụng là 100 tỷ VND. Thời gian của hạn mức là 60 tháng kể từ ngày rút vốn. Mục đích đầu tư mua sắm máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Toàn bộ khoản vay được giải ngân bằng tiền Việt Nam đồng. Lãi suất vay xác định trong từng lần nhận nợ cụ thể. Biện pháp đảm bảo cho các khoản vay là các tài sản hình thành từ vốn vay. Tổng giá trị tài sản đảm bảo là 161.677.463.577 VND.
  - Vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hải Dương theo Hợp đồng vay trung và dài hạn 660.529/2018/HĐTD -DB/PGBankHD ngày 13 tháng 12 năm 2018 với hạn mức tín dụng là 250 tỷ VND. Thời gian của hạn mức là 60 tháng kể từ ngày rút vốn. Mục đích của hợp đồng là chi vay bù đắp chi phí dự án đầu tư nhà máy 06 – Sản xuất bao bì ni long tự hủy. Toàn bộ khoản vay được giải ngân bằng tiền Việt Nam đồng. Lãi suất vay xác định trong từng lần nhận nợ cụ thể. Biện pháp đảm bảo cho các khoản vay là các tài sản hình thành từ vốn vay. Tổng giá trị tài sản đảm bảo là 448.524.000.000 V.
- (vii) Hợp đồng đặt mua trái phiếu số 03/2016/VIETTIBANK.HD ngày 06 tháng 09 năm 2016 với bên mua: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương. Trái phiếu được phát hành với mục đích đầu tư nhà máy sản xuất bao bì nilon số 6 mở rộng, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, số lượng 150 trái phiếu, mệnh giá 1 tỷ VND/ trái phiếu. Ngày phát hành là 06 tháng 09 năm 2016 với kỳ hạn 05 năm, lãi suất 7,0%/ năm đầu tiên, Kỳ điều chỉnh lãi suất định kỳ 03 tháng 01 lần và được xác định theo nguyên tắc bằng tổng lãi suất cơ sở cộng (+) biên độ 2,0%/năm. Tài sản đảm bảo là toàn bộ nhà máy số 6 mở rộng tại cụm công nghiệp An Đồng- Hải Dương bao gồm quyền sử dụng đất, tài sản hình thành trên đất, máy móc thiết bị, nhà xưởng.
- (viii) Hợp đồng đặt mua trái phiếu số 03/2016/VIETTIBANK.KCNHD-ANPHATYENBAI ngày 20 tháng 10 năm 2016 với bên mua: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Hải Dương. Trái phiếu được phát hành với mục đích đầu tư máy móc thiết bị và đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất hạt nhựa CaCO3 - Giai đoạn 3 - Đợt 1, số lượng 130 trái phiếu, mệnh giá 1 tỷ VND/ trái phiếu. Ngày phát hành là 20 tháng 10 năm 2016 với kỳ hạn 05 năm, lãi suất 8,0%/ năm đầu tiên. Kỳ điều chỉnh lãi suất định kỳ 03 tháng 01 lần. Tài sản đảm bảo là toàn bộ máy móc thiết bị đầu tư cho dự án xây dựng nhà máy sản xuất hạt nhựa CaCO3 - Giai đoạn 3 - Đợt 1 cùng bảo lãnh của ông Phạm Ánh Dương - Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát cho toàn bộ nghĩa vụ trả nợ Trái phiếu trong suốt thời gian còn số dư Trái phiếu.

**21. VAY DÀI HẠN (TIẾP THEO)**

Ghi chú (Tiếp theo):

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

- (ix) Hợp đồng đặt mua trái phiếu ngày 08/11/2018 với bên bán là Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát, bên mua là Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam với số lượng trái phiếu đặt mua là 100 trái phiếu kèm theo 1000 chứng quyền, tương đương số tiền 100 tỷ VND. Số lượng cổ phần được phát hành là 10.000 cổ phần cho mỗi chứng quyền. Ngày phát hành 8/11/2018 với kỳ hạn 3 năm. Lãi suất 6,7%/năm trên số tiền gốc của Trái phiếu. Lãi trên khoản tiền gốc của Trái phiếu sẽ đến hạn và thanh toán định kỳ vào cuối cùng của khoảng thời gian 6 tháng, ngày thanh toán lãi đầu tiên bắt đầu từ và bao gồm ngày phát hành. Tài sản đảm bảo là hợp đồng cầm cố cổ phần theo đó công ty mẹ của Công ty và một số cổ đông khác cầm cố cổ phần đang lưu hành của mình tại Tổ chức phát hành và Tổ chức phát hành cầm cố cổ phần đang lưu hành do mình sở hữu tại Công ty CP An Tiên Industries cho các Bên nhận đảm bảo.
- (x) Hợp đồng đặt mua trái phiếu ngày 08/11/2018 với bên bán là Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát, bên mua là Shinhan Investment Corporation với số lượng trái phiếu đặt mua là 200 trái phiếu kèm theo 2000 chứng quyền, tương đương số tiền 200 tỷ VND. Số lượng cổ phần được phát hành là 10.000 cổ phần cho mỗi chứng quyền. Ngày phát hành 8/11/2018 với kỳ hạn 3 năm. Lãi suất 6,7%/năm trên số tiền gốc của Trái phiếu. Lãi trên khoản tiền gốc của Trái phiếu sẽ đến hạn và thanh toán định kỳ vào cuối cùng của khoảng thời gian 6 tháng, Ngày thanh toán lãi đầu tiên bắt đầu từ và bao gồm Ngày phát hành. Tài sản đảm bảo là hợp đồng cầm cố cổ phần theo đó công ty mẹ của Công ty và một số cổ đông khác cầm cố cổ phần đang lưu hành của mình tại Tổ chức phát hành và Tổ chức phát hành cầm cố cổ phần đang lưu hành do mình sở hữu tại Công ty CP An Tiên Industries cho các Bên nhận đảm bảo.
- (xi) Hợp đồng đặt mua trái phiếu ngày 08/11/2018 với bên bán là Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát, bên mua là Keb Hana Bank – Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh. Nhà đầu tư sẽ mua 100 trái phiếu không đính kèm chứng quyền và thanh toán tiền mua trái phiếu với số tiền là 100 tỷ VND. Ngày phát hành 8/11/2018 với kỳ hạn 3 năm. Lãi suất 6,7%/năm trên số tiền gốc của Trái phiếu. Lãi trên khoản tiền gốc của Trái phiếu sẽ đến hạn và thanh toán định kỳ vào cuối cùng của khoảng thời gian 6 tháng, ngày thanh toán lãi đầu tiên bắt đầu từ và bao gồm Ngày phát hành. Tài sản đảm bảo là hợp đồng cầm cố cổ phần theo đó công ty mẹ của Công ty và một số cổ đông khác cầm cố cổ phần đang lưu hành của mình tại Tổ chức phát hành và Tổ chức phát hành cầm cố cổ phần đang lưu hành do mình sở hữu tại Công ty CP An Tiên Industries cho các Bên nhận đảm bảo.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	200.248.924.443	288.027.732.146
Trong năm thứ hai	214.168.874.851	264.423.226.372
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	942.322.954.165	410.538.119.834
Chi phí phát hành trái phiếu	(13.936.863.637)	(3.062.500.000)
<b>Cộng</b>	<b><u>1.342.803.889.822</u></b>	<b><u>959.926.578.352</u></b>

Công ty chưa phân loại các khoản vay dài hạn được hoàn trả trong vòng một năm số tiền 200.248.924.443 VND (tại 01/01/2018 là 288.027.732.146 VND) sang nợ ngắn hạn.

**22. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

**CÔNG TY CP NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT**

Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng

Thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

**MẪU SỐ B 09 - DN/HN**

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác của vốn chủ sở hữu	LNST chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>569.649.880.000</b>	<b>160.721.267.329</b>	<b>205.250.085</b>	<b>38.274.886.929</b>	<b>13.177.404.323</b>	<b>161.862.080.186</b>	<b>10.861.333.472</b>	<b>954.752.102.324</b>
Tăng vốn trong năm	266.350.000.000	37.402.500.000	-	-	-	-	184.000.000.000	487.752.500.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	223.342.661.746	40.021.444.210	263.364.105.956
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	7.408.774.788	-	(19.793.829.807)	(385.364.122)	(12.770.419.141)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(86.592.841.500)	(13.200.000.000)	(99.792.841.500)
Thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty con cấp 2	-	-	-	-	-	(2.996.278.188)	2.996.278.188	-
Tăng do hợp nhất công ty con cấp 2	-	-	-	-	-	464.330.318	386.941.931	851.272.249
Tăng do bán công ty con	-	-	-	-	-	7.483.452.545	23.436.547.455	30.920.000.000
Tăng/ (giảm) khác	-	(60.000.000)	(46.431.266)	-	-	-	-	(106.431.266)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>835.999.880.000</b>	<b>198.063.767.329</b>	<b>158.818.819</b>	<b>45.683.661.717</b>	<b>13.177.404.323</b>	<b>283.769.575.300</b>	<b>248.117.181.134</b>	<b>1.624.970.288.622</b>
Tăng vốn trong năm (i)	875.999.880.000	334.048.922.000	-	-	-	-	203.193.000.000	1.413.241.802.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	180.260.475.000	31.888.438.561	212.148.913.561
Phân phối lợi nhuận (ii)	-	-	-	12.091.721.427	-	(59.618.127.387)	(3.972.632.642)	(51.499.038.602)
Chia cổ tức ở Công ty mẹ (ii)	-	-	-	-	-	(125.399.982.000)	-	(125.399.982.000)
Chia cổ tức ở Công ty con (ii)	-	-	-	-	-	-	(10.760.000.000)	(10.760.000.000)
Thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty con cấp 1 (iii)	-	-	-	-	-	(14.748.856.452)	(67.542.395.548)	(82.291.252.000)
Thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty con cấp 2	-	-	-	-	-	1.606.930.252	(1.606.930.252)	-
Thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty con cấp 3	-	-	-	-	-	(9.880.049)	9.880.049	-
Tăng do hợp nhất công ty con	-	-	(469.358.260)	-	-	-	-	(469.358.260)
Thay đổi do bán công ty con	-	-	(158.818.819)	-	-	-	37.951.172	(120.867.647)
Thay đổi do chuyển đổi báo cáo công ty con	-	-	429.643.017	-	-	-	-	429.643.017
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>1.711.999.760.000</b>	<b>532.112.689.329</b>	<b>(39.715.243)</b>	<b>57.775.383.144</b>	<b>13.177.404.323</b>	<b>265.860.134.664</b>	<b>399.364.492.474</b>	<b>2.980.250.148.691</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)**

Ghi chú:

- (i) Tăng vốn trong năm theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 080201/2018/NQ-ĐHĐ ngày 08/02/2018 thông qua phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tăng vốn chủ sở hữu trong năm 2018.
- (ii) Phân phối lợi nhuận và chia cổ tức tại Công ty mẹ theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 080201/2018/NQ-ĐHĐ ngày 08/02/2018, trong đó: Trích quỹ khen thưởng phúc lợi tỷ lệ 15% trên lợi nhuận năm 2017; Trích khác phục vụ công tác điều hành tỷ lệ 5% trên lợi nhuận năm 2017; Trích quỹ đầu tư phát triển tỷ lệ 5% trên lợi nhuận năm 2017; Chia cổ tức đợt 2 năm 2017 tỷ lệ 15% trên vốn điều lệ.  
  
Phân phối lợi nhuận và chia cổ tức tại Công ty con theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 1202/2018/NQ-ĐHĐ ngày 12/02/2018, theo đó trích quỹ khen thưởng phúc lợi 10%; Trích quỹ đầu tư phát triển 5%; Chia cổ tức bằng tiền mặt 25% trên lợi nhuận sau thuế năm 2017.  
  
Số cổ tức Công ty đã trả cho các cổ đông trong năm là 136.131.874.500 VND.
- (iii) Trong năm Công ty đã thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty con cấp 1 - Công ty Cổ phần An Tiến Industries (HII) từ 34,47% lên 50,99% qua việc mua thêm 4.600.000 cổ phiếu của HII trên sàn giao dịch chứng khoán với tổng số tiền 82.291.252.000 VND.

Như trình bày tại Thuyết minh số 21, công ty mẹ và các cổ đông của Công ty đã thế chấp 31.000.000 cổ phiếu của Công ty (tương đương 18,11% vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm phát hành trái phiếu) và 14.200.000 cổ phiếu của Công ty tại công ty con cấp 1 - Công ty Cổ phần An Tiến Industries (tương đương 50,99% vốn điều lệ của công ty con tại thời điểm phát hành trái phiếu) để đảm bảo cho các khoản trái phiếu phát hành.

**Cổ phiếu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	171.199.976	83.599.988
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>171.199.976</i>	<i>83.599.988</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>171.199.976</i>	<i>83.599.988</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/ CP)	10.000	10.000

**23. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- USD	5.439.642,69	1.837.785,12
- EUR	40.784,63	70.652,21
- GBP	951,54	783,18
- SGD	1.362.290,00	-

**24. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH**

**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 03 (ba) bộ phận hoạt động: Bộ phận sản xuất, bộ phận kinh doanh thương mại và bộ phận cung cấp dịch vụ. Hoạt động chủ yếu của ba bộ phận kinh doanh trên như sau:

Bộ phận sản xuất	- Sản xuất thành phẩm
Bộ phận kinh doanh thương mại	- Bán hàng hóa
Bộ phận dịch vụ	- Cung cấp dịch vụ vận chuyển

**CÔNG TY CP NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT**

Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng

Thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**24. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH (TIẾP THEO)****Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)**

Việc ra các quyết định quản lý của Công ty chủ yếu dựa trên các loại sản phẩm, dịch vụ mà Công ty cung cấp chứ không dựa trên khu vực địa lý mà Công ty cung cấp sản phẩm, dịch vụ. Do vậy báo cáo chính yếu của Công ty là theo lĩnh vực kinh doanh.

**Báo cáo bộ phận chính yếu: Theo lĩnh vực kinh doanh**

	<u>Sản xuất</u>	<u>Thương mại</u>	<u>Dịch vụ</u>	<u>Loại trừ</u>	<u>Tổng cộng</u>
	VND	VND	VND	VND	VND
<i>Tài sản bộ phận</i>					
<b>Số cuối năm</b>					
Tài sản bộ phận	8.139.672.451.604	1.575.987.754.710	148.958.072.698	(2.335.451.556.609)	7.529.166.722.403
Nợ phải trả bộ phận	3.796.134.821.813	1.304.776.630.866	39.342.586.775	(591.337.465.742)	4.548.916.573.712
<b>Số đầu năm</b>					
Tài sản bộ phận	4.423.168.809.984	448.212.460.639	133.252.438.824	(428.476.580.648)	4.576.157.128.799
Nợ phải trả bộ phận	2.771.213.423.053	334.753.621.268	27.375.992.543	(182.156.196.687)	2.951.186.840.177
<i>Kết quả kinh doanh bộ phận</i>					
<b>Năm nay</b>					
<b>Doanh thu</b>					
Doanh thu thuần	5.518.369.634.757	4.610.033.633.728	185.212.181.871	(2.302.042.836.967)	8.011.572.613.389
Kết quả hoạt động kinh doanh	203.904.294.818	6.081.765.868	8.267.095.213	(6.104.242.338)	212.148.913.561
<b>Năm trước</b>					
Doanh thu thuần	4.093.197.487.373	794.486.443.629	87.442.964.010	(905.518.591.871)	4.069.608.303.141
Kết quả hoạt động kinh doanh	294.145.445.206	13.458.839.371	5.280.555.706	(49.520.734.327)	263.364.105.956

**25. BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ****Báo cáo bộ phận thứ yếu: Theo khu vực địa lý**

Công ty có hoạt động tại Yên Bái, Hải Dương và nước Cộng hòa Singapore. Hoạt động sản xuất được thực hiện tại Yên Bái, hoạt động cung cấp dịch vụ được thực hiện ở Hải Dương và Singapore.

Dưới đây là phân tích doanh thu của Công ty theo khu vực địa lý, không tính đến xuất xứ của hàng hóa, dịch vụ.

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Tỉnh Hải Dương	6.478.935.871.385	3.685.251.027.194
Tỉnh Yên Bái	263.954.981.213	384.357.275.947
Cộng hòa Singapore	1.268.681.760.791	-
<b>Cộng</b>	<b>8.011.572.613.389</b>	<b>4.069.608.303.141</b>

Dưới đây là phân tích về giá trị còn lại của các tài sản bộ phận theo khu vực địa lý, nơi đặt các tài sản đó.

**CÔNG TY CP NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT**

Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng

Thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tỉnh Hải Dương	6.817.624.584.377	4.066.318.734.951
Tỉnh Yên Bái	616.148.632.211	497.637.113.516
Cộng hòa Singapore	95.393.505.815	-
Cộng hòa DCND Lào	-	12.086.280.342
<b>Cộng</b>	<b><u>7.529.166.722.403</u></b>	<b><u>4.576.042.128.809</u></b>

**26. DOANH THU**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
- Doanh thu bán sản phẩm	3.794.751.463.074	3.001.353.856.645
- Doanh thu bán hàng hóa	4.153.773.068.813	1.058.434.779.361
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	70.284.039.402	16.975.015.997
- Doanh thu khác	18.574.546	-
	<b><u>8.018.827.145.835</u></b>	<b><u>4.076.763.652.003</u></b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
- Hàng bán trả lại	4.012.675.616	5.872.402.293
- Giảm giá hàng bán	3.218.913.580	1.282.946.569
- Chiết khấu thương mại	22.943.250	-
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b><u>8.011.572.613.389</u></b>	<b><u>4.069.608.303.141</u></b>
<b>Doanh thu với các bên liên quan</b>	<b><u>1.378.590.375</u></b>	<b><u>382.619.545</u></b>
(Chi tiết tại thuyết minh số 35)		

**27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Giá vốn thành phẩm đã bán	3.257.298.390.426	2.513.996.432.418
Giá vốn hàng hóa đã bán	4.042.492.218.048	991.926.189.615
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	38.845.931.724	13.300.575.940
<b>Cộng</b>	<b><u>7.338.636.540.198</u></b>	<b><u>3.519.223.197.973</u></b>

**28. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.425.686.168.227	2.124.941.552.365
Chi phí nhân công	235.972.514.065	181.947.042.865
Chi phí khấu hao tài sản cố định	244.490.805.883	166.132.147.265
Chi phí dịch vụ mua ngoài	361.415.553.980	201.582.975.547
Chi phí khác bằng tiền	35.453.686.889	36.849.720.719
<b>Cộng</b>	<b><u>4.303.018.729.044</u></b>	<b><u>2.711.453.438.761</u></b>

**29. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

**CÔNG TY CP NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT**

Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng

Thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	38.379.228.694	12.211.357.731
Lãi bán các khoản đầu tư	1.514.087.932	24.288.655.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	21.560.400.642	19.275.247.376
Doanh thu hoạt động tài chính khác	63.884.474	-
<b>Cộng</b>	<b>61.517.601.742</b>	<b>55.775.260.107</b>
<b>Doanh thu tài chính với các bên liên quan</b> (Chi tiết tại thuyết minh số 35)	<b>2.134.599.617</b>	<b>-</b>

**30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lãi tiền vay	125.980.474.352	80.592.049.351
Lỗ chênh lệch tỷ giá	47.545.812.329	14.301.986.274
Chi phí tài chính khác	35.060.950.805	158.812.133
<b>Cộng</b>	<b>208.587.237.486</b>	<b>95.052.847.758</b>
<b>Chi phí tài chính với các bên liên quan</b> (Chi tiết tại thuyết minh số 35)	<b>3.200.526.235</b>	<b>-</b>

**31. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nguyên vật, vật liệu	820.180.792	16.849.854.253
Chi phí nhân viên	29.455.880.640	21.873.460.175
Chi phí khấu hao TSCĐ	18.299.250.843	13.812.684.093
Chi phí dịch vụ mua ngoài	52.023.855.841	13.417.035.573
Các khoản chi phí QLDN khác	23.019.144.080	13.369.521.591
<b>Cộng</b>	<b>123.618.312.196</b>	<b>79.322.555.685</b>
<b>Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nguyên vật liệu	4.695.505.310	2.853.004.241
Chi phí nhân viên	20.644.128.350	8.502.643.296
Chi phí khấu hao TSCĐ	14.561.058.474	8.783.031.908
Chi phí dịch vụ mua ngoài	104.562.012.884	75.541.555.828
Các khoản chi phí bán hàng khác	12.100.104.965	10.044.086.221
<b>Cộng</b>	<b>156.562.809.984</b>	<b>105.724.321.494</b>

**32. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

**CÔNG TY CP NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT**

Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng

Thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tại công ty mẹ	31.678.697.329	48.882.016.623
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tại công ty con	11.093.330.598	15.551.458.798
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>42.772.027.927</b>	<b>64.433.475.421</b>

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế. Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**33. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>180.260.475.000</b>	<b>223.342.661.746</b>
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (i)	(27.039.071.250)	(33.501.399.262)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	153.221.403.750	189.841.262.484
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	137.441.076	57.334.767
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.115</b>	<b>3.311</b>

Ghi chú:

- (i) Các khoản điều chỉnh lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông là số trích quỹ khen thưởng phúc lợi tạm tính dựa vào 15% lợi nhuận sau thuế theo tỷ lệ phân phối lợi nhuận của năm 2017.

**34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 21 và 22 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Các khoản vay	3.835.210.582.623	2.377.612.970.586
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(645.474.843.425)	(509.577.636.533)
Nợ thuần	3.189.735.739.198	1.868.035.334.053
Vốn chủ sở hữu	2.980.250.148.691	1.624.970.288.622
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b>107,0%</b>	<b>115,0 %</b>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**CÔNG TY CP NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT**

Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng

Thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	645.474.843.425	509.577.636.533
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.039.171.180.596	585.320.291.771
Đầu tư tài chính ngắn hạn	720.906.460.274	50.000.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	48.380.000.000	-
Các khoản ký quỹ	18.144.076.744	8.397.708.165
<b>Cộng</b>	<b>2.472.076.561.039</b>	<b>1.153.295.636.469</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	3.835.210.582.623	2.377.612.970.586
Phải trả người bán và phải trả khác	626.070.865.412	522.000.369.892
Chi phí phải trả	8.985.258.785	6.422.195.946
<b>Cộng</b>	<b>4.470.266.706.820</b>	<b>2.906.035.536.424</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày 30/06/2018 do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

**Quản lý rủi ro tỷ giá**

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

**Quản lý rủi ro lãi suất**

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

## **CÔNG TY CP NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT**

Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng

Thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

#### ***Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu***

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

#### ***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

#### ***Quản lý rủi ro thanh khoản***

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

### **34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

#### ***Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)***

**CÔNG TY CP NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT**

Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng

Thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
<b>Số cuối năm</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	645.474.843.425	-	645.474.843.425
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.021.400.537.596	17.770.643.000	1.039.171.180.596
Đầu tư tài chính ngắn hạn	720.906.460.274	-	720.906.460.274
Đầu tư tài chính dài hạn	-	48.380.000.000	48.380.000.000
Các khoản ký quỹ	14.530.367.277	3.613.709.467	18.144.076.744
<b>Cộng</b>	<b><u>2.402.312.208.572</u></b>	<b><u>69.764.352.467</u></b>	<b><u>2.472.076.561.039</u></b>
<b>Số cuối năm</b>			
Các khoản vay	2.492.406.692.801	1.342.803.889.822	3.835.210.582.623
Phải trả người bán và phải trả khác	626.070.865.412	-	626.070.865.412
Chi phí phải trả	8.985.258.785	-	8.985.258.785
<b>Cộng</b>	<b><u>3.127.462.816.998</u></b>	<b><u>1.342.803.889.822</u></b>	<b><u>4.470.266.706.820</u></b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b><u>(725.150.608.426)</u></b>	<b><u>(1.273.039.537.355)</u></b>	<b><u>(1.998.190.145.781)</u></b>
<b>Số đầu năm</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	509.577.636.533	-	509.577.636.533
Phải thu khách hàng và phải thu khác	585.320.291.771	-	585.320.291.771
Đầu tư tài chính ngắn hạn	50.000.000.000	-	50.000.000.000
Các khoản ký quỹ	8.397.708.165	-	8.397.708.165
<b>Cộng</b>	<b><u>1.153.295.636.469</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>1.153.295.636.469</u></b>
<b>Số đầu năm</b>			
Các khoản vay	1.417.686.392.234	959.926.578.352	2.377.612.970.586
Phải trả người bán và phải trả khác	522.000.369.892	-	522.000.369.892
Chi phí phải trả	6.422.195.946	-	6.422.195.946
<b>Cộng</b>	<b><u>1.946.108.958.072</u></b>	<b><u>959.926.578.352</u></b>	<b><u>2.906.035.536.424</u></b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b><u>(792.813.321.603)</u></b>	<b><u>(959.926.578.352)</u></b>	<b><u>(1.752.739.899.955)</u></b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.



**CÔNG TY CP NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT**

Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng

Thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**35. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN***Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:***Bên liên quan****Mối quan hệ**

Công ty Cổ phần An Phát Holdings

Công ty mẹ

Các thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cá nhân có liên quan

Lãnh đạo chủ chốt

*Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán*

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<b>Phải thu khách hàng</b>	<b>1.516.449.411</b>	-
Công ty CP Tập đoàn An Phát Holdings	1.516.449.411	-
<b>Phải trả người bán</b>	<b>452.047.733</b>	-
Công ty CP Tập đoàn An Phát Holdings	452.047.733	-
<b>Phải thu khác</b>	<b>26.372.789.480</b>	<b>5.240.307.653</b>
Công ty CP Tập đoàn An Phát Holdings	2.134.599.617	1.646.400
Ông Phạm Ánh Dương	17.468.187.274	5.238.661.253
Ông Nguyễn Lê Trung	1.840.152.864	-
Ông Phạm Hoàng Việt	1.809.849.725	-
Bà Nguyễn Thị Tiệp	3.120.000.000	-
<b>Phải thu về cho vay</b>	<b>76.468.000.000</b>	<b>9.000.000.000</b>
Công ty CP Tập đoàn An Phát Holdings	76.468.000.000	9.000.000.000
<b>Các khoản vay</b>	<b>9.000.000.000</b>	-
Công ty CP Tập đoàn An Phát Holdings	9.000.000.000	-

*Giao dịch chủ yếu với các bên liên quan*

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>1.378.590.375</b>	<b>382.619.545</b>
Công ty CP Tập đoàn An Phát Holdings	1.378.590.375	382.619.545
<b>Mua hàng hóa, dịch vụ</b>	<b>1.850.952.485</b>	-
Công ty CP Tập đoàn An Phát Holdings	1.850.952.485	-
<b>Doanh thu tài chính</b>	<b>2.134.599.617</b>	-
Công ty CP Tập đoàn An Phát Holdings	2.134.599.617	-
<b>Chi phí tài chính</b>	<b>3.200.526.235</b>	-
Công ty CP Tập đoàn An Phát Holdings	3.200.526.235	-
<b>Ghi nhận khoản vay</b>	<b>359.433.146.353</b>	-
Công ty CP Tập đoàn An Phát Holdings	344.678.400.000	-
Ông Phạm Ánh Dương	13.604.746.353	-
Ông Vũ Thanh Bình	1.150.000.000	-
<b>Trả tiền vay</b>	<b>350.433.146.353</b>	-
Công ty CP Tập đoàn An Phát Holdings	335.678.400.000	-
Ông Phạm Ánh Dương	13.604.746.353	-
Ông Vũ Thanh Bình	1.150.000.000	-
<b>Thu nhập Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc</b>	<b>2.767.863.716</b>	<b>2.747.024.786</b>
Thù lao Hội đồng Quản trị	560.000.000	660.000.000
Thù lao Ban Kiểm soát	264.000.000	264.000.000
Lương và các khoản thưởng Ban Tổng Giám đốc	1.943.863.716	1.823.024.786

**CÔNG TY CP NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT**

Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng

Thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**36. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm bao gồm 448.729.302.526 VND, là số tiền ứng trước để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa hình thành tài sản. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phân tăng, giảm các khoản phải thu.

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 16.013.139.150 VND, là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phân tăng, giảm các khoản phải trả.

---

**Đỗ Hoài Linh**  
Người lập biểu

---

**Nguyễn Thị Thùy Vân**  
Kế toán trưởng

---

**Nguyễn Lê Trung**  
Tổng Giám đốc

*Hải Dương, ngày 15 tháng 03 năm 2019*